

Phật Giáo Hòa Hảo

*Rán tu tâm dưỡng tánh coi đời
Coi là coi được Phật được Trời,
Coi phép lạ của Tiên của Thánh
Lời của Đức Huỳnh Giáo Chủ*

TU TÂM DƯỠNG TÁNH

Phan Thanh Nhân

Biên Soạn

2011

TU TÂM DƯỠNG TÁNH

MỤC LỤC

Lời Mở Đầu	
Dẫn Nhập	
I. Hãy Rán Tu Tâm Dưỡng Tánh Lành	
01. Ý Nghĩa Chữ “Tu”	4
02. Ý Nghĩa Chữ “Tâm”	8
03. Thế Nào Là Tu Tướng	11
04. Thế Nào Là Tu Tâm	11
05. Thế Nào Là Dưỡng Tánh	37
06. Tánh Từ Bi	39
07. Tánh Bình Đẳng	60
08. Tánh Lợi Tha	75
09. Tánh Nhẫn Nhục	85
10. Tánh Hỉ Xả	97
11. Tánh Tinh Tấn	106
II. ĐỪNG CHO MA NGHIỆP VỌNG TÂM SANH	121
III. NHÂN SINH	133
Giá Trị Của Con Người	133
Vô Ngã	144
Giác Mê	157

Lời Mở Đầu

Chúng ta thường nghe từ “Tu Dưỡng”, nghĩa là rèn luyện, trau dồi để nâng cao phẩm chất. Hai tiếng tu dưỡng thường đi đôi với nhau, nhưng thật ra mỗi chữ có một nghĩa khác nhau, có một tác dụng riêng biệt. Tu là sửa, dưỡng là nuôi. Sửa cái xấu, dưỡng cái tốt. Một bên tiêu trừ cái xấu, một bên bồi bổ cái tốt. Mọi sự vật trên đời này đều có tính-chất tương-đối, đều có phần xấu và phần tốt. Đối với cái xấu chúng ta phải tu, đối với cái tốt chúng ta phải dưỡng. Cũng giống như chúng ta trồng một cây gì đều có hai phần chúng ta phải làm: Bắt sâu bọ, trừ đất phèn, nước mặn đó là tu hay sửa; bón phân, tưới nước, cho nó có đủ chỗ thoáng khí, đủ ánh sáng mặt trời đó là bổ hay dưỡng. Tu bỏ cây để cho nó đơm hoa kết trái tốt.

Trong giáo lý của Đức Phật, Đức Thầy, các Ngài thường khuyên bảo chúng ta hãy rán tu tâm dưỡng tánh. Chúng tôi với tâm ý nguyện cầu tất cả những người đi trên đường Đạo hãy noi gương Đức Phật, Đức Thầy để làm bước tiến tu.

Chúng tôi không ngần ngại, mạo muội biên soạn tập sách này nhằm mục đích viết ra những ý kiến cũng như những ý nghĩ của mình dựa theo giáo lý của Phật Đà để cùng chia sẻ với quý độc giả đồng đạo và thân hữu.

Phật Pháp vô biên, mà sự hiểu biết còn thô thiển không sao tránh khỏi những điều thiếu sót. Kính mong

các bậc cao minh, các thiện hữu tri thức, đồng đạo niệm
tình chỉ giáo. Chúng tôi thành thật tri ân.

Ngày 27 Tháng 10, Năm 2011
Phan-Thanh-Nhàn

Tu Tâm Dưỡng Tánh

*Hãy rán tu tâm dưỡng tánh lành
Đừng cho ma nghiệp vọng tâm sanh*

Lời của Đức Huỳnh Giáo Chủ

Dẫn Nhập

Từ khi vào đời cho đến lúc lìa xa cõi thế; một đời người đã hưởng được mấy lần vui. Con vui qua mau, nỗi buồn lại đến dai dẳng. Bốn đại hoạn: Sanh, Già, Bệnh, Chết không ai tránh khỏi; mà những nỗi đói nghèo, áp bức, oán thù gặp gỡ; ân ái xa lìa, làm cho chúng sanh vô cùng đau khổ. Nguyên nhân của ái khổ này cũng chỉ vì long tham, tính ích kỷ, thỏa mãn dục vọng cá nhân. Muốn thoát khổ chỉ một con đường duy nhất ra khỏi là mọi người biết nhìn nhau bằng ánh mắt từ bi “Nếu thiệt người thì biết thương người”. Thế nên con người phải biết giác ngộ, tu tỉnh theo chánh pháp.

Trong việc dạy người tu, Đức Huỳnh Giáo Chủ đã chỉ cho chúng ta thấy, xưa nay các bậc Thánh-nhân, các vị đã giác ngộ chư Phật, chư Bồ Tát, không vị nào mà không trải qua con đường tu tỉnh:

*Phật Tiên Thánh muôn loài vạn vật
Cũng ở trong quả đất dựng gầy
Siêu thăng nhẹ tách đường mây
Trầm luân oan nghiệt càng gây thêm hoài*

Sống trong xã hội loài người, cần phải lấy sự tu làm gốc. Nếu không tu tự mình làm hư hỏng cuộc đời, mong gì giúp ích cho xã hội nhân-quần.

Đức Huỳnh Giáo Chủ cho biết:

*Ai ai cũng ở trong đời
Chốn nào không Đạo là đời vô liêm*

Sống ở trong đời mà không tu, sẽ biến con người thành vô liêm sĩ, “Đời không Đạo đời vô liêm sĩ”.

Muốn đi vào cửa Đạo, nhất là đạo Phật, thì mỗi cá nhân phải tự-giác, giác-tha, tự-lợi, lợi-tha làm chủ-đích.

Trong Kinh Lăng Nghiêm, Đức Phật dạy, “Nhu tuy lịch kiếp, ức trì Như Lai bí mật diệu nghiêm, bất như nhứt nhứt tu vô lậu nghiệp”. Tuy nhiều kiếp học rộng nghe nhiều nhớ hết tất cả pháp môn của hàng hà chư Phật chỉ dạy, chẳng bằng một ngày chuyên tu nghiệp vô lậu xuất thế. Vô lậu là không lậu tiết, không lậu lạc, tức là không có các mối phiền não. Tham, sân, si sinh ra phiền não. Ngày đêm để cho sáu căn: Nhãn, Nhĩ, Tỉ, Thiệt, Thân, Ý cứ lậu tiết chảy ra lưu xuất mãi không ngừng. Tham, Sân, Si khiến cho người ta lậu lạc, sa ngã vào tam ác đạo và lục đạo luân hồi. Cho nên nói hữu-lậu là phàm phu chưa dứt phiền não, còn lưu luyện, còn trong vòng luân hồi, khổ não. Còn vô-lậu là bậc Thánh, dứt phiền não thoát ngoài vòng luân hồi.

Trên đây là lời Phật khuyên cáo Tôn-giả A-Nan mà cũng là lời khuyên cáo cho chúng sanh biết tai hại của không tu. Người chỉ có học Phật mà không tu thì khác nào như người nắm trong tay cái bản đồ rồi ngồi một chỗ chẳng đi tới đâu cả.

Tu là một điều cần yếu, thế mà trong đại chúng có người còn lầm tưởng tu là một việc làm quá khó, phải xa gia đình, người thân, bạn bè, xã-hội để ép mình vào một khuôn khổ nhỏ hẹp, bịt mắt, bịt tai trước mọi hoàn cảnh, hằng ngày chỉ nghĩ tưởng đến việc xa xăm huyền ảo, ý lại vào đấng Thần-linh nào đó để mong cầu hưởng phước báu đời đời. Lỗi tu như vậy thật là mù quáng chẳng có ích lợi gì.

Song song với hạng người này, còn có hạng người nghĩ rằng tu là một việc làm rất hay. Có tu mới làm cho cá nhân thuần lương, hiền từ, mau thành đạo quả. Trong gia đình có tu, đời sống mới có hạnh phúc. Toàn dân có tu thì nước nhà mới thịnh trị. Nhân loại có tu thì thế giới mới có hòa bình an lạc vững bền.

I. Hãy Rán Tu Tâm Dưỡng Tánh Lành

1. Ý Nghĩa Chữ “Tu”

“Tu” có nghĩa là sửa. Xấu sửa lại cho tốt đẹp, tà sửa lại cho chính đáng, độc ác sửa lại cho hiền lương, mê mờ sửa lại cho sáng suốt...

“Ngọc nhờ lau ngọc mới rạng ngời. Kim nhờ giũa kim kia mới bén”, cũng như “Ngọc bắt trát bắt thành khí. Nhân bắt học bắt tri lý”. Ngọc có giũa mài mới thành đồ hữu dụng. Người có học tập mới trở nên người hữu ích, ấy đều là cắt nghĩa chữ “Tu” vậy.

Chữ “Tu” trong giáo lý Phật Giáo Hòa Hảo của Đức Huỳnh Giáo Chủ, Ngài dạy:

- *Tu không cần lay cần quỳ*
Ngồi đâu cũng sửa vậy thì mới mau
- *Tu đầu tóc không cần phải cạo*
Miễn cho rồi cái Đạo làm người
- *Tu đền nợ thế cho rồi*
Ngày sau mới được đứng ngời tòa sen
- *Tu rèn tâm trí cho mình*
Tánh kia thành kiếng phỉ tình chùi lau

Đức Huỳnh Giáo Chủ xiển dương chánh pháp của Đức Phật Thích Ca Mâu Ni bằng đường lối tu vô-vi của Đức Phật, Ngài nói:

- *Đạo vô-vi của Phật ân cần*
Nói theo chí Thích-Ca ngày trước
- *Tu vô-vi chẳng cúng chề xôi*
Phật chẳng muốn chúng sanh lo lót

Ngài chủ trương không cất chùa, đúc tượng, không thờ hình cốt nào kể cả hình của các chủ Phật. Ngài làm đúng theo lời của Đức Phật dạy. Đức Phật không cho phép các đệ tử và tín đồ của Ngài thờ hình ảnh của Ngài.

Đức Phật là một “Thiên Nhân Sư”, thầy của cõi Người và cõi Trời chớ không phải là một thần linh. Ngài muốn người tu tự thấp đuốt lên mà đi, tự mình là hải đảo, là nơi tựa của mình, tự mình gắng chí tu, tập theo con đường Trí-Tuệ, và Giải Thoát của Ngài, chớ không muốn chúng ta ươn hèn, lười biếng, cầu khẩn Ngài như là tín đồ của các tôn giáo độc thần, chỉ biết tế lễ, cầu nguyện, chớ không biết tu tập để tự mình giác ngộ chứng đắc. Cái cốt lõi khác biệt giữa đạo Phật và các tôn giáo khác là ở điểm này

Rất tiếc cho đến ngày nay hầu như còn một số ít tăng ni cũng như tín đồ tu theo đạo Phật nhìn Đức Phật như một ông thần. Hối lộ cho Ngài một ít nhang đèn, hoa quả và cầu xin Ngài đủ thứ chẳng khác nào tín đồ của tà giáo.

Đức Huỳnh Giáo Chủ kêu gọi chúng sanh:

*Đồng dẹp bớt âm-thinh sắc-tướng
Lo chấn hưng Phật-Pháp mới là.*

Ngài cũng cảnh tỉnh nhân-sinh:

Làm vô-vi chánh Đạo mới mau

*Đạo Thích-Ca nhiều nẻo cao sâu
Hãy tìm kiếm cái không mới có*

*Theo Thân-Tú tạo nhiều chuông mõ
Từ xưa nay có mấy ai thành?*

*Xưa Thân-Tú bày điều tà-mị
Mà dắt dìu bá tánh đời Đường
Thấy chúng sanh làm lạc đáng thương
Cõi Âm-Phủ đâu ăn của hối*

Ngài cũng thẳng thắn khuyên chúng sanh:

*Khùng nói cho già trẻ làm tin
Theo Lục-Tổ chớ theo Thân-Tú
Khuyên bốn đạo chớ nên mê ngủ
Thức dậy tìm Đạo chánh của Khùng*

Các hình tướng, lễ nghi chỉ là hình thức. Phật Pháp mới là nội dung chính. Nói thế không có nghĩa không cần hình thức mà chỉ nên đơn giản có tính cách tượng trưng và phải biết đó là phụ thuộc nhắc nhở ta luôn luôn phải hướng tưởng về Chánh-Pháp. Nếu ta chỉ chạy theo hình thức mà quên đi phần nội dung thì Đạo Phật có khác chi với tà-giáo.

Ngài cũng hé lộ cho chúng sanh biết là họ đang diện kiến vị Phật:

Xưa nay không có mấy khi

Dương-trần có Phật vậy thì xuống đây

Đức Huỳnh Giáo Chủ cũng dạy cho chúng sanh
đường lối và phương cách tu hành:

- *Tu là tu Phật tu Tiên*
Tu cho rõ biết chữ hiền ra sao
- *Tu là tâm trí nhu mì*
Tu hiền tu thảo vậy thì cho xong
- *Tu là sửa trợn ân tình*
Tào-khang chồng vợ bố-kình đừng phai
- *Tu đền nợ thế cho rồi*
Ngày sau mới được đứng ngôi tòa sen
- *Tu rèn tâm trí cho mình*
Tánh kia thành kiếng phỉ tình chùi lau

Ngài dạy chúng sanh, không chỉ tu cho bản thân mà
còn tu cầu cho Cửu Huyền Thất Tổ, cho cha mẹ, cho Tổ
quốc, cho đồng bào nhân loại:

Tu cầu cứu vớt Tổ-Tông
Với cho bá tánh máu hồng bớt rơi
Tu cầu cha mẹ thành thoi
Quốc vương thủy-thổ chiêu mời phản hồi
Tu cầu Đức Phật Như Lai
Cứu dân qua khỏi nạn tai buổi này

Tu cầu gia đạo vuông tròn
Chồng hòa vợ thuận cháu con thảo hiền

Tu cầu cửa Phật đặng vào

Gót sen thông thả xiết bao thanh nhàn

Ngài cũng xác định tu mau kéo trễ, “Tu kíp kíp nếu không quá trễ” và phải “Mau chân bước đến Long Hoa Hội. Châu Phật hòa vui cõi Đại Đồng” với điều kiện là “Tu thiệt tâm thì đặng thành thoi. Tu giả dối thì lao thì lý!”. Vậy phải tu làm sao cho qua khỏi cửa Diêm Phù Đề “Tu cho qua cửa Diêm Phù. Khỏi sa Địa Ngục ngao du Thiên-Đài” để hưởng được mọi điều sung sướng!

2. Ý nghĩa chữ “Tâm”

Về phương diện hình thức thì người vật đều có Nhục-Tâm, là bộ phận tiếp nhận và đưa máu tuần hoàn khắp cơ thể.

Về phương diện Triết-Lý Tôn-Giáo, cái Tâm là trung tâm phát huy tư tưởng và hành động của con người.

Tâm trí như một vị Đế-Vương chưởng quản quyền hành trong nước, toàn dân phải tuân mạng-lệnh thi hành. Quốc-dân có được hạnh phúc, nhờ có minh-quân làm cho nước trị, dân yêu. Còn như quốc-dân gặp phải hôn quân, vô-đạo thì dân phải khổ, tỏ nỗi oán hận.

Lấy cái lý ấy, đối với quốc-dân, vua là trung tâm của xã hội. Còn đối với nhân loại cái tâm lòng là trung tâm

của con người. Vậy người cần phải lấy cái Tâm làm chủ, đừng để cho Tâm bị vật dục bẻ tắc làm hư hỏng. Con người nên làm chủ cái Tâm, thành Phật, thành Tiên cũng

do nó, làm ma, làm quỷ cũng tại nó “Cái chữ Tâm là quý hay ma. Tiên hay Phật cũng là tại nó”.

Cái Tâm vô hình này, chỉ con người mới có, chứ loài vật thì không. Một văn-hào Pháp có nói: “Cọp ăn cọp rồi ngủ, người giết người rồi thức”. Con cọp thuộc loại thú nên không có cái Tâm vô-vi để phân biệt thiện ác. Còn con người có cái Tâm vô-vi, nên khi làm việc ác, thì bị cái Tâm vô-vi ấy dày vò, cắn rứt không sao ngủ được. Con người và con vật khác nhau ở chỗ đó. Nên con người mới làm chúa-tể các loại vật.

Cái Tâm vô hình này ai ai cũng sẵn có, ấy là cái Tâm bình đẳng, mà mỗi chúng sanh đều tự hiểu biết lấy. Vì tất cả việc lành, việc dữ cũng đều do tâm mình tạo ra. Tâm mình tu thiện thì thân mình an vui. Tâm mình làm ác thì thân mình khốn khổ. Tâm là chủ thân. Thân là dụng của Tâm. Phật do Tâm thành. Đạo do Tâm học. Đức do Tâm chứa. Công do Tâm tạo. Họa do Tâm làm, Tâm tạo ra Thiên-đường, Tâm tạo ra Địa-ngục “Địa-ngục cũng tại Tâm làm quấy. Về Thiên-đàng Tâm ấy tạo ra”.

Hành-giả nào biết rõ được tự Tâm, biết được tự Tánh, y theo Chánh-Pháp của Phật mà tu hành, chắc chắn người ấy sẽ được thành Phật. Vì hết thảy chư Phật và Đạo vô thường của Ngài là từ trong tâm mình mà phát xuất ra. Tâm ấy vô cùng tận không thể phá hoại, không thể tạp nhiễm.

Trong cõi vô-thường, không có cái gì tốt đẹp cho cả hai mặt. Có khi tưởng như là phúc mà hóa ra là họa; có

khi tưởng việc rủi mà hóa ra may. Phúc, họa, rủi, may đều do Tâm tạo. Hễ tâm chánh trực, ý tưởng thanh cao, mọi họa sẽ biến thành phước, mọi rủi sẽ biến thành may.

Họa phước đều do Tâm tạo. Tâm được trọn lành, trong sạch có phước Thần đến. Tâm gian ác, tà mị thì chiêu cảm ác thần.

Cái Tâm không những biến đổi được họa phước mà còn biến cải được cái tướng hữu hình của con người nữa. Nó đổi tướng xấu thành tướng tốt; tướng tốt thành tướng xấu, nên có câu: “Tâm biến Tướng, Tướng tùy Tâm diệt”. Truyện tích có kể: Ông Lưu Trường Sanh là người có cái tướng rất xấu, gọi là tướng chết đói. Nhưng nhờ ông có cái Tâm thật tốt, nên cái tướng chết đói của ông biến thành cái tướng tiên-phong đạo cốt và ông tu đắc đạo, đứng đầu trong bảy vị Tiên, đồng tu với ông.

Cái Tâm vô-vi ấy biểu lộ qua lời nói. Dùng lời nói hiền từ là người có tâm thiện; dùng lời nói hung dữ là người có tâm ác. Còn “Gặp người lâm nạn đua chen giúp giùm”, đó là cái Tâm hiện nơi lòng Nhân của chúng ta.

Nếu chữ “Tu” và chữ “Tâm” đi chung với nhau thì chúng ta có một từ là “Tu Tâm”.

Tu Tướng và Tu Tâm là hai hình thái người ta thường đề cập đến cho hành-giả trong việc tu hành thường là đạo Phật.

3. Thế nào là Tu Tướng?

Người đời thường không hiểu rõ ý nghĩa của chữ “Tu”, không hiểu rõ tu để làm gì. Có người cho rằng tu là phải cạo râu, tóc, mặc áo nâu sòng vào ẩn nơi am-tự như các nhà Sư mới gọi là người tu. Cũng có người nghĩ thêm là phải ăn chay, thường xuyên đi vào chùa mới gọi là người tu. Nếu không làm như vậy thì không gọi là người tu. Hai lối suy nghĩ này chỉ nhìn vào phần hình thức, hình tướng bên ngoài. Đó là điều kiện cần có của một người tu dù xuất gia hay tại gia cư sĩ chớ chưa phải là điều kiện đủ của một người tu theo đạo Phật. Mặc dù đạo Phật không chú trọng nhiều đến hình thức, hình tướng bên ngoài. Nhưng chúng ta đều trang nghiêm thanh tịnh. Cần phải ăn mặc chỉnh tề, đi đứng đàng hoàng, khoan thai, nói năng lễ độ, hòa nhã, khiêm tốn. Không ai có thể hài hòa được một người lời thô, xúc xích, nói năng hồ đồ, cử chỉ thô bạo, là người tu chân chánh. Cũng trong phần hình thức, người tu cần phải ăn ở hiền lành, không làm việc gì bất thiện, làm khổ người hại vật, luôn luôn giúp đỡ ai khi cần đến.

4. Thế nào là Tu Tâm?

Một người chỉ biết lo trau chuốt hình tướng bên ngoài, chỉ biết lo làm những việc hình thức, không thật sự thông hiểu và không thực hành chánh-pháp, thì chỉ là cái thùng rỗng. Một người chỉ biết tu hình thức, dù có cạo tóc vào ở trong chùa thì tâm vẫn còn phiền não; chỉ biết học những nghi lễ cúng kiến mà không hiểu ý nghĩa

cao siêu của các nghi lễ đó. Người tu hình thức như vậy không có ích lợi gì cho bản thân họ, ngoài lợi dưỡng không có ích lợi gì cho bản thân họ, ngoài lợi dưỡng, không có ích lợi gì cho người chung quanh cũng như không có ích lợi gì cho đạo pháp cả.

Kinh sách có câu: “Hữu tâm vô tướng, tướng tùng tâm sanh. Hữu tướng vô tâm, tướng tùng tâm diệt”. Người tuy không có hình tướng tốt đẹp, nhưng phát tâm từ, bi, hỷ, xả, tu tập dần dần đến một ngày nào đó hình tướng sẽ trang nghiêm hơn, hiền hòa hơn, giữ thân, khẩu, ý thanh tịnh, gây mỗi thiện duyên với mọi người.

Trái lại người trông có vẻ trang nghiêm, nhưng trong tâm tham, sân, si vẫn còn thì cái vẻ bên ngoài dần dần biến mất, sẽ hiện lên những nét tà-vạy.

Cổ nhân có câu: “Họa hồ họa bì năng họa cốt. Tri, nhân, tri diện bất tri tâm”. Vẽ được hình con cọp chớ chắc gì vẽ được bộ xương của nó. Biết hình dáng bên ngoài của người ta, chớ không biết được tâm tánh bên trong. Tây Phương cũng có câu: “Chiếc áo cà-sa không tạo nên người tu-sĩ”, cũng cùng ý nghĩa như vậy.

Chủ yếu của người tu hành là phần nội tâm, nghĩa là phải giữ gìn giới-luật, tụng kinh, niệm Phật, tu-tập Thiền-định, mở mang trí-huệ, làm hết mọi việc đem lại lợi ích cho mình và cho mọi người một cách vô tư, không phân biệt, không thành kiến.

Người đời hay nói, “Phật tức tâm. Tâm tức Phật”, tôi chỉ tu tâm. Mới nghe thì hữu lý, nhưng xét kỹ, chính là người tiêu cực. Thử tự hỏi lại tâm mình vì sao phải tu và tu bằng cách nào thì ít ai thấu rõ.

Thế nên Đức Huỳnh Giáo Chủ xét thấy “Trần hoàn thiện-tín còn mê” nên Ngài mới “Thêm lời giục thúc gọi về đàng tu”, nhưng mà “Ít ai giữ đặng chí bền. Tu theo nước lớn ròng bên thả trôi”. Dù Ngài đã “Cạn lời mà ý còn dài” cũng như “Nói nhiều mà dạ chẳng nguôi”, vậy mà chúng sanh vẫn chưa tiến bộ trong việc tu “Việc tu bá tánh bần lùi như tôm. Tưởng Phật đọc lúc đầu hôm. Đêm khuya muốn giựt nôi cơm của người”.

Đành rằng “Tâm tức Phật”, nhưng hiện giờ ta còn làm chúng sanh thì chắc chắn tâm ta còn mê lắm, còn vọng tưởng, còn ích kỷ, còn lười biếng, chưa bằng được như tâm Phật. Tâm Phật là tâm sáng suốt, tâm chân thật, tâm từ-bi, tâm hi-xả. Tâm ta và tâm Phật còn sai biệt mê và ngộ. Cho nên chúng ta đừng hiểu nghĩa chữ tu-tâm một cách chung chung, không lo tu-tĩnh thì không mong gì giải thoát.

Phải rán trì niệm, công phu bái sám, kiểm điểm, nghiệm xét nơi mình cái gì còn tà-vạy, mê lầm mà lần lần sửa đổi tu hành cho đến ngày thành công viên mãn. Trên đường tu hành, nếu ta sửa đổi được bao nhiêu điều hư quấy là ta đã diệt được bấy nhiêu nguyên nhân sinh khổ. Sự an vui phát hiện khi nào sự khổ tách ra, ví như khi ánh mặt trời soi chiếu thì màu tối không còn nữa.

Chúng ta phải tu hành cho đến khi nào tâm ta hoàn toàn thanh tịnh, ấy là chứng đủ bốn đức Thường, Lạc, Ngã, Tịnh.

Một điều chúng ta phải ý thức, muốn thành Đạo quả, hay nghe lời khuyên bảo của Đức Huỳnh Giáo Chủ sau đây: “Vậ qui y đầu Phật là nương nhờ cửa Phật và làm y theo lời Phật dạy. Phật từ-thiện cách nào ta phải từ-thiện theo cách nấy. Phật tu cách nào đắc đạo rồi dạy ta, ta cũng làm theo cách nấy. Thầy cảnh tỉnh giác ngộ điều gì chánh đánh thì khá vâng lời”.

Phật là bậc đã chuyển được mọi vật, trong không bị ô nhiễm làm mờ tối, bên ngoài không bị hoàn cảnh như danh, lợi, tình quyến rũ chi phối. Tự mình làm chủ mình cũng như làm chủ hoàn cảnh.

Theo Kinh Sách ghi, *Thường, Lạc, Ngã, Tịnh* cũng gọi chung là Tứ-Đức ba la mật, chính là bốn đức của Như-Lai, ai muốn thành chánh-giác thì phải tu bốn đức ấy:

Thường: Là thường không biến đổi, không sanh cũng không diệt, không tạo tác cũng không thọ nhận, tức là cái pháp-thân của Như-Lai mà mọi người vẫn có.

Lạc: Là yên vui tịch diệt, thoát ra ngoài cảnh khổ não tức là Niết-Bàn.

Ngã: Là cái bản thể chân thật, tự tại, bao quát, mênh mông, vô tận vô biên, cái bản thể chung của chúng sanh, chớ không phải cái bản ngã duy-kỷ cống cao của từng người tức là Phậ, Nhu-Lai.

Tịnh: Là sự trong sạch hoàn toàn, dầu ở trong đời ô trược cũng chẳng nhiễm, tức là nền chánh-pháp của chư Phậ và chư Bồ Tát.

Đức Huỳnh Giáo Chủ xét thấy: “Nghiệp chương lãng-loàn hại xác thân”, nên Ngài cảnh tỉnh chúng sanh cũng như tín đồ của Ngài. Ngài khuyên dạy: “Thầy xét thấy trong tam nghiệp, các trò còn mang nặng lắm. Trong đường tu, nương theo tam nghiệp, thì khổ não lắm. Chúng sanh tịnh được tam nghiệp mới mong về cõi Phậ” và Ngài cũng lưu ý chúng ta: “Nhưng thầy xét lại khẩu nghiệp của các trò nặng nề hơn hết. Hãy lấy gươm trí huệ mà dọn sạch ma lòng, hãy lấy lòng khoan dung mà đối đãi lẫn nhau, hãy lấy lòng bác ái nhân đạo mà cư xử với mọi người. Cần hiểu rõ cái lý vô ngã của nhà Phậ. hãy rán sức thi hành sẽ có Thầy ủng hộ”.

Kệ Răng:

*Đạo Pháp thường hay dung với hòa
Xét người cho tốt xét thân ta
Nếu người rõ phân vui lòng thứ
Ta thứ được người người thứ ta
Lời của Đức Huỳnh Giáo Chủ*

Trong Kinh Hoa Nghiêm, Đức Phật dạy: “nhất thiết duy tâm tạo”. Mọi sự việc đều do Tâm tạo. Công đức cũng do Tâm tạo, nghiệp chướng cũng bởi Tâm làm. Chính là Tâm sanh diệt, thay đổi luôn, lăng xăng lộn xộn, thường do Tham, Sân, Si thúc đẩy, điều khiển nên con người tạo nghiệp bất thiện nhiều hơn nghiệp lành. Chúng sanh phải hiểu lý lẽ chân thật của cuộc đời là vô thường, không có gì tồn tại vĩnh viễn, không có gì tự nhiên sinh ra mà không có nguyên nhân. Luật nhân-quả là một định nghiệp bất di dịch chi phối con người trong ba thời quá khứ, hiện tại và vị lai. Nhân nào quả nấy chẳng sai, như lời Đức Huỳnh Giáo Chủ dạy:

*Luật nhân quả thật là cao viển
Suốt cổ kim chẳng lọt một ai
Vậy ta nên làm việc thẳng ngay
Cứ bền chí có ngày thông thả*

Ngài cũng dạy:

*Trông bông kiểng giống chi hưởng nấy
Địa-ngục cũng tại Tâm làm quấy
Về thiên-đàng Tâm ấy tạo ra
Cái chữ Tâm mà Quỷ hay Ma
Tiên hay Phật cũng là tại nó*

Cái Tâm hoàn toàn an lạc chỉ có cho người thiện tâm. Cảnh giới thiên-đàng, địa-ngục, tuy hai nhưng chỉ là một vì do trạng thái trong tâm ta.

Nếu chúng ta không biết tu tâm, chuyển hóa ba nghiệp Thân, Khẩu, Ý thành thanh tịnh, lặng yên trong sáng, thân không sát sanh, trộm cắp, tà dâm, khẩu không nói dối, không nói thêm bớt, không ý ngôn, không ác khẩu, ý không tham lam, sân hận, mê si thì chắc chắn chúng ta sẽ được an lạc hạnh phúc hiện đời, sẽ cùng chư Phật về cõi Tây Phương Cực Lạc sau này. Đức Phật dạy:

*Tam Nghiệp hằng thanh tịnh
Đông Phật Vãng Tây-Phương*

Trong mỗi người đều có sẵn hai thứ tâm: Tâm hiền lương và tâm bất lương.

Tâm hiền lương đưa đến cái quả an lạc, hạnh phúc cho mình, cho người trong đời này và đời sau.

Tâm bất lương đưa lại quả phiền não, khổ đau cho mình, cho người đời này và nhiều đời sau.

Tu tâm là dẹp bỏ tâm bất lương để phát triển tâm hiền lương. Bởi vậy tu là điều kiện tất yếu cho hết thảy mọi người muốn hết khổ, không phân biệt chủng tộc hay đẳng cấp.

Đức Huỳnh Giáo Chủ nói:

“Trong đường tu, nương theo tam nghiệp,
thì khổ não lắm”.

Thông thường chúng ta xét thấy có hai loại khổ: Khổ về vật chất và khổ về tinh thần. Cái khổ về vật chất nào là bệnh tật, già yếu, đói rách, thiếu thốn mọi nhu cầu cho cuộc sống hằng ngày. Về tinh thần thì có những điều trái ý, điều làm cho chúng ta khổ như phải xa cách người mình thương yêu là khổ, phải gàn gỏi người mình oán ghét là khổ, mong cầu những điều mình ưa thích mà không toại ý là khổ.

Đức Phật xác định: “Tất cả những gì vô thường đều là khổ” và trong bốn mươi chín năm hoằng pháp độ sanh, Ngài khẳng định: “Nầy các Tỳ Kheo, xưa cũng như nay, ta chỉ nói một điều, đó là sự khổ và diệt khổ”.

Trong ba nghiệp chủ động là ý. Ý nghĩ tốt thì miệng nói tốt, ý nghĩ xấu thì miệng nói xấu, thân làm xấu. Tội lỗi hay phước báu đều gốc từ ý mà ra. Chúng ta tu để làm giảm bớt tham lam, bớt sân hận, bớt si mê là nhắm ngay vào gốc ba nghiệp. Chúng ta tu là phải cố gắng làm chủ phần nào ba độc Tham, Sân, Si. Làm chủ được chúng thì cuộc đời được bình an; không làm chủ được chúng thì đau khổ triền miên không dứt.

Vì Tâm Tham Lam “Sẵn túi tham bất cứ chuyện gì. Dầu xấu tốt cũng là đôn chứa”, điều gì hay ho cũng muốn thu góp về phần mình, chỉ muốn đời sống mình sung sướng, đầy đủ hơn hết thảy mọi người, cho nên bất cứ hành động độc ác nào hễ đưa đến cái lợi cho mình thì không từ chối mặc ai thiếu thốn, khổ não cũng không

đoái hoài. Không có, ham muốn có, đã có rồi, ham muốn cho thật nhiều, càng được lại càng tham. Tham mà không toại nguyện liền nổi sân. Tham là nguyên nhân đau khổ vô cùng. Con người đến khi sắp nhắm mắt lià đời vẫn chưa thỏa mãn lòng tham.

Tham muốn thân này sống hoài không chết, coi cái chết là một đại họa “Dù ẩn nơi cùng cốc thâm sơn. Chẳng trốn lánh tử thần cho khỏi”. Vì vô minh nên không hề chú ý đến những biến hoại đang âm thầm diễn ra từng giây phút trong vạn vật cũng như trong chính bản thân mình. Ngay trong thân thể của chúng ta, mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý mỗi ngày qua là mỗi suy yếu hao mòn, thế mà ta cứ tưởng rằng mình cứ còn giữ mãi nét thanh xuân, nên cố gắng bồi bổ nâng niu cho thân càng trẻ trung tươi tốt. Thế là ta bị cuốn hút vào những mưu cầu lợi ích cho bản thân, nào tiền tài, danh vọng, địa vị, sắc đẹp, ái dục.

Nỗi khổ tuyệt vọng của con người là chỉ biết sợ chết mà không biết tìm phương giải thoát. Con người thường bị, “Ngũ dục lạc” lôi cuốn nên không thoát được vòng luân hồi sanh tử.

Tiền tài làm cho người ta phải tranh đua giành giật, kẻ được thì vui cười thỏa thích, người mất thì bực dọc tức tối. Cái được của người này cũng là mồ hôi nước mắt của người kia. Cũng có lắm khi vì quyền lợi mà người này không ngần ngại dẫm đạp lên sanh mạng của kẻ khác. Người tham tiền của càng nhiều thì nỗi khổ đau

càng tăng; bởi không phải tự nhiên muốn mà được, phải lao tâm nhọc trí, phải tốn bao nhiêu sức lực mới được. Đã được rồi lại sợ bị cướp mất lấy đi, tìm cách gìn giữ nó, nhưng có khi nó cũng ra đi. Khổ công nhiều mới được, được rồi lại mất. Có phải là nổi khổ vô cùng không! Như lời của Đức Huỳnh Giáo Chủ:

*Chữ Tài của khổ riêng một kiếp
Bị tội cướp nào ai có tiếp
Mà đời nay nó cứ mãi làm*

Thật đáng cho chúng ta suy gẫm và Ngài cũng khuyên:

*Tham chi giả tạm của tiền
Như chim vào lưới xích xiềng trói thân
Tính xong món nợ luân luân
Thoát vòng cương tỏa pháp thân nhẹ nhàng
Tiêu diêu đạo đức luận bàn
Vân du võ-trụ thanh nhàn biết bao*

Đức Huỳnh Giáo Chủ nói: “Thế trần tạm giả gạt đời ta” Người thế gian nào có biết chán, cứ ngó lên, được một bậc lại muốn lên một một bậc nữa, cho nên người ta phải chạy chọt, bợ đỡ những người này mong ước thì người kia cũng ước mong. Nếu ta nắm được nó trong tay thì cũng có kẻ khác tìm cách để gỡ nó ra, nên càng cao danh vọng, càng dày gian nan. Gẫm lại cái hào nhoáng của danh vọng làm hấp dẫn con người dán mắt vào đó và chạy theo không biết mệt mỏi. Đuổi bắt danh vọng như

đuổi bắt cái bóng, rồi đến một ngày nào đó “Chung cuộc chỉ mang câu thất vọng”. Chỉ những ai khôn ngoan nghĩ suy cạn lẽ biết dừng lại, người đó sẽ được yên ổn, nên Ngài khuyên:

*Vinh hoa một bã làm môi
Để câu kẻ đại việc tôi nhắc lên*

Tiền tài, danh vọng đôi khi làm cho người ta quên đi đạo làm người, bỏn phận làm con, nên Đức Huỳnh Giáo Chủ khuyên đừng vì miếng đỉnh chung, bã vinh hoa mà gây tạo thêm tội lỗi:

*Ham công danh quên chữ sanh thành
Mén phú quý quên câu dưỡng dục*

Ham mê sắc đẹp, thường dùng mưu chước tội tệ để thỏa mãn lòng dục vọng. Mà ham sắc đẹp thì một ngày nào đó đưa đến tình trạng “Sắc mén nó ngày kia lao khổ”, phải vướng vào các bệnh hiểm nghèo khó chữa trị vì si mê thái quá. Đối với sắc đẹp nên quán thân bất tịnh (thân bất tịnh là thân chẳng tinh sạch, uế trược, chỉ là một khối thịt được bao bọc bởi một lớp da bên ngoài, nên không có gì quý giá mà ham muốn nó để phải sa vào cảnh “Thân bại danh liệt”.

Tham ăn uống cao lương mỹ vị thì mắc nhiều bệnh khó trị, thân thể mệt nhọc, rút ngắn tuổi thọ, vậy mà, “Lưỡi ưa ngon là chuyện ân cần. Đồ ngọt béo nó ưa nó mén”. Sống ở đời chúng ta nên quan niệm “Ăn để sống”

chớ dùng vì “Sống để ăn” và “Coi sự sống như Tiên nửa nửa. Mê mỗi thom như cá lục châu”.

Đường Trung-đạo của Phật dạy: “Không trường dưỡng xác thịt quá ư sung sướng như: Ăn nhiều, ngủ nhiều, chẳng lo làm công chuyện, chẳng học hỏi, vì sung sướng thái quá thì sanh nhiều dục vọng mê đắm, làm cho trí đạo tối tăm, không thể đạt huệ được”. Vì lẽ đó “Nên người biết Đạo, chẳng ép xác thái quá mà cũng chẳng để nó sung sướng quá độ, chỉ ăn ngủ cho chừng mực, làm việc vừa với sức mình, giữ gìn sức khỏe mới mong học được đạo pháp”.

Tham ngủ nghỉ thì trí óc hóa ra đần độn, không có khả năng phát triển trí tuệ nên không phá tan được màn vô minh đen tối. Trong Kinh Di Giáo, Đức Phật dạy: “Giặc phiền não luôn rình rập giết các vị, còn nguy hiểm hơn kẻ thù, làm sao các vị có thể mặc tình ngủ nghỉ mà không cảnh giác! Phiền não ngự trong tâm người cũng như rắn độc nằm trong nhà, phải dùng móc sắt giới hạnh mà lôi kéo nó ra gấp. Rắn độc ra rồi ta mới an tâm ngủ nghỉ. Rắn độc chưa ra mà mãi mê ngủ nghỉ thì thật là người không biết hổ thẹn”.

Đức Huỳnh Giáo Chủ luận giải về cái khổ vật chất vì lòng tham hiểm và Ngài cũng chỉ cho chúng ta phương cách tiêu trừ “Chữ Tham trong ý muốn mặc tình. Rắn định tánh trừ cho nó tuyệt” như sau:

Muốn bao gồm của thế một mình

*Tham nhà cao, cửa rộng, thân vinh
Tham vườn ruộng cò bay thẳng kiếng
Thấy cửa người thêm khô nước miếng*

*Tính làm sao lòng gạt lấy đi
Sẵn túi tham bất cứ chuyện gì
Dầu xấu tốt cũng là đòn chừa
Nhớ lời Phật khi xưa dạy sửa
Cửa thế trần như mật dính dao
Trẻ tham ăn kê miệng liếm vào
Chùng đứt lưỡi mới là hối hận
Tham của tạm làm điều tàn nhẫn
Nhắm mắt rồi đâu có mang theo
Tham tiền tài thường vương nạn eo
Tham sắc đẹp nhà tan cửa nát
Lúc tận số năm trơ một xác
Gẫm kim tiền bội bạc bất tài
Không làm cho ta được sống dai
Lại chẳng bước tiến đưa một bước
Thà nghèo thanh hơn giàu mà trược
Lo vun trồng cội phước về sau
Muốn trừ tham phải liệu cách nào
Hải bố thí diệt lòng ích kỷ
Tâm chánh niệm thường thường suy nghĩ
Vật ở trần như bọt nước làn mây
Thân ta còn rày đó mai đây
Của ấy cũng khi tan khi hiệp*

Hành giả trên bước đường tu tập, bình tâm suy nghĩ, rồi tự xét mình, nếu có tâm tham lam thì nên tập sửa ý

tướng “Tri túc”, để bỏ dần tánh tham lam, như vậy là ta đã tu tâm.

Vì Lòng Sân Hận: Sân là tánh nóng giận. Con người thường chấp chặt những điều bất như ý, luôn nhớ những điều người khác làm méch lòng mình. Mỗi khi nổi nóng thì tội ác nào cũng dám làm, khổ đau nào cũng dám tạo; không bỏ qua bất cứ lời nói nào dù vô tình hay cố ý, khắc ghi những lời nói nào làm tổn thương cá nhân hay tài sản của mình.

Người có tâm sân hận thường coi trọng bản ngã, tự ái cao, khó thực hành hạnh ái ngữ. Ái ngữ là lời nói thương yêu, thường đem lại nụ cười an lạc, vui tươi cho người khác.

Trong Kinh Hoa Nghiêm, Đức Phật dạy: “Nhất thiết tâm sân khởi, bách vạn chương môn khai”. Một niệm sân hận nổi lên thì trăm ngàn cửa nghiệp đều mở ra.

Truyện tích xưa có kể ông Uất Đầu Lam Phát. Ông tu theo học phái Du-già, ở gần thành Vương Xá, nước Ma Kiệt Đà. Ông là một ông thầy giỏi nhất ở Ấn-Độ thời đó. Ông giảng với Thái Tử Tất-Đạt-Đa (sau đắc đạo tức Đức Phật Thích Ca) rằng: “Phàm người chấp nơi hình tướng, muôn sự, muôn vật, hay nơi không hình tướng, đều lầm lạc cả. Vậy nên cần suy xét cho chính chắn, chỉ lãnh thọ cái thể nhiệm mầu của muôn sự muôn vật mà thôi. Như vậy mới chắc đặng quả giải thoát cao nhất và

sanh về cõi trời Phi Tướng Phi Phi Tướng. Tôi nay đang tu tập pháp nhiệm màu ấy”.

Thái tử nhập định một hồi đã chứng được Phi Tướng Phi Phi Tướng. Ngài trôi hơn Uất-Đầu-Lam-Phát, bèn từ già mà đi nơi khác.

Khi Đức Phật Thích Ca đắc đạo nơi cõi Bồ-đề, thì ông Uất-Đầu-Lam-Phát qui thăng. Trong kinh chép rằng mặc dầu đắc phép Định Phi Tướng Phi Phi Tướng Thiên, nhưng vì một lúc chẳng kèm được vọng tâm, mà thành ra sa ngã:

Uất-Đầu-Lam-Phát tu ngoại định, dặng Ngũ Thông, bay tới đền vua Tần-Bà-Sa-La ở nước Ma-Kiệt-Đà. Vua vui mừng, làm lễ dưới chân, cúng dường bá vị. Vua có dặn phu nhân rằng: “Như ta đi khỏi mà tiên nhân tới, khanh nên lễ kính và cúng dường cũng như ta vậy”. Phu nhân vâng mạng, lễ bái dưới chân. Tiên nhân trông thấy phu nhân, sanh lòng tương quý. Liền đó, mất phép thần thông, phải đi bộ về núi.

Ngồi nhập định trên non, nghe chim thú kêu la; xuống gần nước và tọa thiền, bị cá tôm làm rối! Tâm thần bất định, nhân đó phát nổi giận, bèn lờ lờ mà nguyện làm con phi ly (chôn bay), trên giết bầy chim, dưới giết đoàn cá.

Sau đó tự mình ăn năn, thời gian sau lấy lại phép Phi Tướng Phi Phi Tướng Xứ Định. Ông thác, sanh lên cõi Trới Vô Sắc Giới, Phi Tướng Phi Phi Tướng Thiên.

Nhưng Phật nhìn thấy phần số ông: Tới chừng hết phước trời, ông sẽ đọa làm giống phi ly theo lời đã nguyện lỗ trong cơn buồn giận.

Trong Kinh cũng nói: “Nhất sân chi hóa, năng thiêu vạn khoảnh công đức chi sơn”. Một đám lửa sân, có thể đốt hết cả một rừng công đức.

Thế nên sân là mối hiểm họa cho mình, cho người, mọi khổ đau trong đời này đến muôn kiếp đều do sân mà gây ra.

Sách của đạo Nho cũng chép: “Nhất tinh chi hỏa, năng thiêu vạn khoảnh chi sơn, bán cú phi ngôn, ngộ tôn bình sanh chi đức”. Một đóm lửa con có thể đốt cháy muôn khu rừng núi, nửa câu nói quấy làm mất cả đức hạnh bình sanh của mình.

Kinh Duy Ma Cật ghi: “Dùng cái đức Nhân thì thâm phục được sân của mình và của người”.

Kinh Diệu Pháp Liên Hoa, phẩm Phổ Môn chép: “Những chúng sanh lầm lạc trong cõi mê dục tham dâm, nếu thường cung kính niệm vái Quán Thế Âm Bồ Tát, tức thoát khỏi tham mê. Những chúng sanh sa đọa vào vòng sân nhuế, ngu si, nếu thường cung kính niệm vái Ngài, cũng hết sân và si. Oai lực của Quán Thế Âm Bồ Tát mạnh mẽ như vậy, ta nên hết lòng cung kính”.

Trong Kinh Di Giáo, Đức Phật dạy: “Này các đệ tử, nếu ai có xúc phạm, thương tổn thân thể các vị, các vị

nên kiềm chế tâm mình, đừng để lửa sân hận thiêu đốt. Lại phải giữ lời ăn tiếng nói, đừng buông lời ác độc để trả đũa ai. Tâm sân hận nổi dậy sẽ làm băng hoại đạo nghiệp, cháy hết công đức tu tập. Đức tính kham nhẫn giữ giới và khổ hạnh không thể sánh bằng. Thực hành đức nhẫn mới xứng danh là bậc Thượng-Nhân có sức mạnh. Người nào chưa có thể chịu đựng sự nhục mạ một cách hoan hỉ như uống cam lồ thì chưa thể xứng danh là người vào đạo có trí. Sự sân hận sẽ thiêu hủy tất cả pháp lành, nó nguy hiểm hơn lửa dữ. Các vị phải canh phòng cẩn mật, đừng cho sân hận thâm nhập. Trong các loại giặc cướp công đức thì sân hận là nguy hiểm nhất. Người thế gian sống thọ hưởng dục lạc, thiếu phương pháp chế ngự, nếu có sân hận còn có thể tha thứ được. Người xuất gia hành đạo loại bỏ mọi thú vui của đời mà không loại bỏ được sân hận thì thật đáng trách, cũng như bầu trời quang đãng mà có sấm sét nổi lên là điều không thích hợp”.

Sân có hai thứ: Giết mạng người và mắng chửi, đánh đập người. Tu Từ thì dứt sự giết mạng người. Tu Bi thì dứt sự đánh đập người.

Kinh Niết Bàn có ghi: “Tu lòng Từ thì dứt tham dục. Tu lòng Bi thì dứt sân nhuế. Tu lòng Hỉ thì dứt sự chướng vui. Tu lòng Xả thì dứt lòng tham dục và lòng sân nhuế của chúng sanh”.

Đức Huỳnh Giáo Chủ luận giải về chữ “Sân” và phương cách giải trừ “Chữ gây gỗ là Sân hãy diệt. Cho nó đừng thấp thoáng trong lòng” như sau:

*Lửa trong tâm chẳng đốt mà lừng
Nổi lôi đình đâu có định chừng
Cho ta biết mà toan giữ trước
Tánh sân nộ thường làm bạo ngược
Nên loài người ở cõi thế gian
Giận hờn nhau thù oán đầy tràn
Mới có cuộc tranh tài đấu lực
Hơn tự đắc, khoe khoang đồng sức
Phải bị người hèm khích ghét ganh
Thua hổ người làm chuyện bất lành
Gây nghiệp dữ oan oan tương báo
Trong cơn giận kể gì nhân đạo
Tỷ như con cọp dữ trên rừng
Gặp thịt toan cấu xé tung bưng
Phân từ mảnh mới là thỏa dạ
Diệt được nó tâm trần thông thả
Ta thường nên tập tánh khoan dung
Thiệt hành đi đừng có ngại ngừng
Tha thứ kẻ lỗi làm ngu xuẩn
Và nhẫn nhịn đừng ham tranh luận
Khỏi mất lòng tất cả mọi người
Tánh thuần lương về mặt vui tươi
Vậy mới đáng tin đồ Phật Giáo
Nay ta đã quy-y cầu Đạo
Gây gỗ là trái thuyết từ bi.*

Chư Tổ xưa thường nhắc người tu nhớ răn chừa: “Sân Si nghiệp chướng không chừa. Bo bo mà giữ tương đưa làm gì”. Sân rất có hại. Người tu hành phải tu pháp nhẫn nhục để lần lần dẹp bỏ tánh Sân, đó là tu tâm.

Vì Tâm Si Mê: Còn gọi là vô minh. Vì tâm mê si nên con người thường gây tạo ác nghiệp, tà nghiệp mà không hay biết, tin tưởng vào điều mê tín dị đoan, những phong tục tập quán lỗi thời, tuân theo giới cấm, điều răn vô nhân, tàn ác, nên mới làm những điều nhiễm ô tội lỗi có hại cho mình và cho người. Vô minh che lấp tâm trí làm cho con người bị gậm nhấm bởi những chất bợn nhơ từ bên trong khiến cho thói hư tật xấu tăng dần mãi rồi đưa con người vào đường tội lỗi “Bị vô minh vọng tưởng vạy tà. Nên quay lộn Ta-bà cõi khổ”.

Đức Phật đã từng dạy chúng sanh vô minh là điều ô trược tệ hại. Hãy dứt bỏ vô minh để trở thành người trong sạch. Đức Phật giải thích sự khác biệt giữa người suy luận chân chánh với người suy luận sai lầm và hậu quả của mỗi lối suy luận qua hai bài kệ trong Kinh Pháp Cú:

*Những gì không thật, hão huyền
Lại cho là thật và tin vô bờ
Những gì chân thật lại ngờ
Lại cho không thật, chỉ là giả thôi
Nghĩ suy lầm lạc mất rồi
Thấy sao chân thật rạng nơi pháp mẫu*

*Biết đây là thật để tin
Biết kia không thật, hã huyền mà thôi
Nghĩ suy theo đúng đường rồi
Thấy ngay chân thật rạng nơi pháp màu*

Qua hai bài kệ trên chúng ta thấy rõ vô minh là nguồn gốc phát sinh ra các hành vi, bất thiện và tà kiến. Người học Phật phải sáng suốt đối với tất cả mọi việc, phải tu tâm để được vô si. Nếu tham, sân có nổi lên mà dung trí huệ sáng suốt phán đoán kịp thời, không si mê thì tham sân kia cũng không làm gì được.

Người không si mê sẽ được thành tựu các pháp công đức, tin nhân quả, tích thiện trừ ác, quy-y Tam Bảo, khỏi bị đọa vào ba đường ác (Ngạ Quỷ, Súc Sanh, Địa Ngục).

Đức Huỳnh Giáo Chủ luận giải về chữ “Si” và phương cách giải trừ “Thêm chữ Si thiệt quá lòng dòng. Nên tỉnh trí tìm nơi dứt tắt” như sau:

*Nguyên tằm tối từ hồi vô thi
Màn vô minh che mờ căn trí
Nên thương khi nhận nguy làm chon
Lo huyễn thân vật chất kém hơn
Chẳng tìm biết tinh thần đạo đức
Dệt lưới nghi đeo điều phiền phức
Bị rịn đời, cực khổ tang thương
Khi nói làm ít chịu suy lường
Mãi phạm tội nên rằng nghiệp ác
Diệt mê si phải nương thuyền giác*

*Muôn việc làm chánh trực khôn ngoan
Đừng bạ đâu tin bướng nghe càn
Làm ngu muội đọa thân uống kiếp
Ác trừ xong hiện ra thiện nghiệp
Lòng nguồn chân Phật tiếp dẫn cho
Trồng cây lành vị quả thơm tho
Tuy không thấy mà sau chẳng mất
Dầu ai có cười ta khờ khật
Cũng đừng phiến xao lãng chân tâm*

Đối với tất cả các việc lúc nào cũng dùng trí tuệ sáng suốt phán đoán, chánh tà, phải trái, hay dở, tránh khỏi điều tai hại, làm lợi ích cho mình và cho người ở hiện tại và tương lai, đó là người biết tu tâm.

Dù theo bất cứ tông phái nào, pháp môn nào, theo đúng chánh pháp, người thiết hành việc tu tâm đều đạt được những lợi lạc như trí tuệ càng ngày càng mở mang sáng lên, cuộc sống được an lạc hạnh phúc hơn, nhìn đời bằng cặp mắt từ bi, bằng tâm hỉ xả, hòa hợp với mọi người chung quanh, hiểu thấu lý vô thường, hiểu rõ luật nhân quả, nên không oán đời, không trách người khi gặp nghịch cảnh, gặp những điều bất như ý.

Trong Kinh Thập Thiện Nghiệp Đạo, Đức Phật dạy:

Tâm Từ trang nghiêm, đối với chúng sanh, không khởi nào hại.

Tâm Bi trang nghiêm, thương mọi chúng sanh, thường không chán bỏ.

Tâm Hỉ trang nghiêm, thấy người tu thiện,
tâm không chán ghét.

Tâm Xả trang nghiêm, đối với cảnh thuận
nghịch, tâm không thương giận.

“Tu tập lòng Từ để đối trị giận hờn. Lòng Từ là lòng thương yêu thực hiện bằng cách đem lại niềm vui cho kẻ khác. Từ là thứ tình thương không có điều kiện và không có chờ đợi sự đền trả. Tu tập lòng Bi để đối trị tàn ác. Lòng Bi là lòng thương yêu được thực hiện bằng cách làm vui đi sự khổ đau nơi người khác. Bi cũng là thứ tình thương không có điều kiện và cũng không chờ đợi sự đền trả. Tu tập lòng Hỉ, để đối trị ganh ghét. Lòng Hỉ là lòng vui phát sinh từ khả năng vui theo cái vui của người khác và niềm ước ao làm sao cho kẻ khác được an vui, mong cho kẻ khác được thành công và hạnh phúc. Tu tập lòng Xả để đối trị kỳ thị và vương mắc. Lòng Xả là tâm niệm thanh thoát và cởi mở đạt được do sự nhận thức về tính cách tương quan bình đẳng giữa mọi loài; cái này như thế này vì cái kia như thế kia, mình và người không phải là hai thực thể riêng biệt, không nên ghét bỏ cái này để đi nắm bắt cái khác. Từ, Bi, Hỉ, Xả là bốn tâm tư lớn, rộng rãi kh ông có bờ bến và cũng đẹp đẽ không cùng. Đó là Tứ Vô Lượng Tâm. Tu tập theo pháp môn này thì mình trở nên một nguồn suối mát đem lại sinh lực và niềm vui cho tất cả vũ trụ”.

Trong Kinh sách có ghi:

Nội cần khắc niệm chi công
Ngoại hoằng bất tranh chi đức

Bên trong cần chế phục tâm nghĩ tưởng lăng xăng, đó là tu tâm. Bên ngoài nhất định không tranh cãi, giữ cung cách của người tu, đó là tu tướng. Giữ gìn trong lẫn ngoài, đó là chính thực là người chân tu.

Mọi số bài kệ sau đây giúp hành giả trên bước đường tu tập:

Mắt trông thấy sắc rồi thôi
Tai nghe thấy tiếng nghe rồi thì không
Trơ trơ lẳng lẳng cõi lòng
Nhẹ nhàng ta bước khỏi vòng trầm luân

Hằng ngày mắt chúng ta hay bận bịu vì “Nhãn thấy sắc thường hay bận bịu” và “Tai ưa nghe những điệu âm thanh”. Hai thứ nhìn, nghe này làm cho tâm ta suy nghĩ lăng xăng lộn xộn, làm chướng ngại cho công phu tu tập vì chúng thường hay chọn lựa “Mắt với tai đều chọn đẹp xinh”. Cho nên để giữ được tâm thanh tịnh thường hằng, mắt chúng ta trông thấy sắc rồi thôi, không lưu giữ bất cứ hình ảnh nào dù thương, hay ghét. Tai nghe tiếng nghe nhưng không giữ bất cứ âm thanh nào dù êm tai hay chói tai.

Ngày mai ai cũng chết
Ngày nay không tranh cãi

Muôn sự không còn mãi
Gắng giữ tâm thanh tịnh

Như chúng ta biết cuộc đời là vô thường, luật vô thường ở khắp mọi nơi, chẳng những cho thân và tâm mà cả vạn vật, và hoàn cảnh cũng đều là vô thường. Mọi sự việc trên đời này không có gì tồn tại, vĩnh viễn bất biến không thay đổi. Thoạt tiên là hình thành, rồi tồn tại, sau đó đến biến đi và cuối cùng là tan rã. Đạo Phật gọi là “Thành, trụ, hoại, không”. Cho nên “Đó ai biết được ngày mai. Ngày nay yên tịnh, ngày mai thâm sầu”, vậy ta nhất định không tranh cãi bất cứ điều gì “Ta không tranh mà cũng không kinh. Cho bá tánh dèm pha thỏa chí”. Ta không ngạc nhiên cũng như không bực bội khi thấy sự thay đổi tâm tính của người đời từ xấu thành tốt hay từ tốt trở nên xấu. Hãy giữ “Cho hồn linh yên lặng an cư. Thì mới được hườn nguyên phản hồi”.

Xin học hạnh của đất
Nhận chịu của thế gian
Thơm tho và hôi thúi
Hóa thành đóa hoa tươi

Dù người ta có đổ lên đất những thứ tinh sạch, hay đổ lên đất những thứ dơ dáy, hôi hám thì đất cũng tiếp nhận tất cả những thứ ấy một cách thản nhiên, không vui vẻ mừng rỡ mà cũng không chán ghét tủi nhục. Cũng như khi những cảm thọ khoái lạc hoặc buồn khổ phát sinh, ta đừng để cho chúng nhiễu loạn tâm ta và chiếm cứ lòng ta.

Người đời tặng tên đạn
Phê phán và phỉ báng
Người tu tâm dưỡng tánh
Hóa thành đóa hoa tươi

Dù ai có đem đến cho ta việc lành, việc dữ, việc xấu, việc tốt hay chê bai phỉ báng, ta cũng an nhiên tự tại đừng để chúng nhiễu loạn tâm ta. Hành giả đi trên đường Đạo, biết tu tâm dưỡng tánh, hãy biến những thứ đó thành những đóa hoa tươi, tô điểm cho cuộc sống tu hành càng thêm tinh tấn, như lời của Đức Huỳnh Giáo Chủ dạy:

*Ai chưởi mắng thì ta giả điếc
Đợi cho người hết giận ta khuyên
Chữ nhẫn hòa ta để đầu tiên
Thì đâu có mang câu thù oán
Việc hung ác hễ vừa thấp thoáng
Chữ từ bi ta diệt nó liền
Sự oán thù đáp lại chữ hiền
Thì thù oán tiêu tan mất hết.*

*Theo học Đạo mặc ai mai mỉa
Ta cũng đừng gây gổ với người
Được mấy điều thì đáng vàng mười
Thiệt hiền đức có ai mắng chưởi.*

*Niệm Phật hay tọa thiền
Nên nhớ lời Tổ dạy*

*Nhất định không tranh cãi
Gắng giữ tâm thanh tịnh*

Nương niệm cầu vãng sanh về cõi Phật A-Di-Đà chắc chắn sẽ được mãn nguyện.

Niệm Phật đến chỗ vô niệm, chỉ còn nhất tâm chân như. Đến chỗ vô niệm, thì thấy tự tánh A-Di-Đà, bản tâm là Tịnh Độ hiện trước mắt. Tự tánh của mình xưa nay hằng thanh tịnh, vì do vọng tưởng dấy động lên nên bị ô nhiễm, theo nghiệp vận đi vào vòng lục đạo, khi vọng tưởng lắng sạch chỉ còn một tâm thanh tịnh tức Tịnh Độ “Tâm tịnh thì độ tịnh”.

Thiền là lối tu hướng thẳng vào nội tâm, dẹp sạch vọng tưởng suy tính của mình. Phương tiện của thiền là “Dùng trí tuệ dẹp tình cảm”. Nhìn thẳng vào sự vật quan sát để thấy sự tạm bợ của chúng, khiến lòng lạnh nhạt không còn say mê. Người tu thiền dụng công phu tu tập tâm để được an định.

Tu thiền là từ Đức Phật Thích Ca Mâu Ni truyền thừa. Khi ở trong hội Linh Sơn, Ngài không nói gì hết chỉ đưa cành hoa lên, Tổ Ca-Diếp cười chum chim rồi được Đức Phật truyền tâm ấn. Truyền thừa mãi cho đến vị Tổ thứ hai mươi tám là Bồ-Đề-Đạt-Ma. Ngài sang Trung Hoa truyền cho tổ Huệ-Khả, rồi lan dần sang Việt Nam, Triều Tiên, Nhật Bản, cho đến hiện nay. Đến Trung Hoa, tổ Đạt-Ma tuyên bố pháp này là: “Giáo ngoại biệt truyền, trực chỉ nhân tâm, kiến tánh thành Phật”

(truyền ngoài giáo lý, chỉ thẳng tâm người, thấy tánh thành Phật).

Nhạn quá trường không
Ảnh trầm hàn thủy
Nhạn vô di tích chi ý
Thủy vô lưu ảnh chi tâm

Con chim nhạn trên không in bóng dưới nước lạnh kia bay ngang qua dòng sông, nhưng khi chim nhạn bay mất tích thì bóng dáng trong nước cũng không còn. Vì con chim nhạn không có ý lưu lại dấu tích, còn dòng nước không có tâm lưu giữ hình dáng con chim nhạn kia.

Nếu ta tu hành được như vậy, chắc chắn cõi lòng ta sẽ khinh an, thanh thoi, bể trầm luân sẽ sớm vượt qua, cảnh giới Niết bàn thanh tịnh sẽ được chứng đắc.

5. Thế Nào Là Dưỡng Tánh?

Hành giả trên bước đường tu tập tìm phương giải thoát cần phải hướng vào bên trong, đừng tìm cầu bên ngoài. Ngày xưa, thái tử Sĩ-Đạt-Ta từ bỏ ngôi vị, ra đi tìm đạo giải thoát. Sau thời gian tu tập thiền định, trí tuệ bát nhã bừng sáng, Ngài giác ngộ được chân lý và thành Phật. Ngài chỉ dạy chúng sanh: “Nhất thiết chúng sanh giai hữu Phật tánh”, nghĩa là tất cả mọi chúng sanh đều có Phật tánh như nhau, đó là tánh sáng suốt hoàn toàn tuyệt đối. Chỉ vì mê ngộ chằng đờng nên mới có kẻ ngu người trí “Các chúng sanh đều có như ta. Bị vô minh

vọng tưởng vậy tà. Nên quay lộn Ta-bà cõi khổ” như lời Đức Huỳnh Giáo Chủ thuyết. Phật tánh chỉ hiện ra khi tâm phiền não chẳng còn. Trong khi vẫn sống ở đời, nhưng không còn bị cảnh trần chi phối gây phiền não, thì vọng tâm của chúng ta chuyển hóa thành Phật tánh, trở nên thanh tịnh, trong sáng.

Đạt-Ma sư tổ nói: “Tâm chính là Phật, Phật chính là tâm, ngoài tâm không có Phật, ngoài Phật không có tâm. Chúng sanh điên đảo, không tỉnh biết tâm mình là Phật. Nếu biết tâm mình là Phật thì không theo bên ngoài mà tìm Phật. Phật không độ Phật, đem tâm tìm Phật thì chẳng biết Phật, chỉ theo bên ngoài mà tìm Phật, đó chẳng biết tự tâm là Phật. Nếu muốn tìm Phật cần phải thấy tánh. Người thấy tánh là Phật. Nếu không thấy tánh, niệm Phật, tụng kinh, ăn chay, giữ giới cũng đều là chuyện vô ích. Niệm Phật thì được hưởng quả báo tốt, tụng kinh thì được thông minh, giữ giới được sanh cõi trời, bố thí được hưởng phước, còn dùng để tìm Phật thì không thể được”.

Đức Lục Tổ Huệ-Năng đã phương tiện cho chúng ta thấy được tự tánh ở mỗi người. Ngài nói: “Đại chúng, hãy cẩn thận nghe. Sắc thân người đời là thành trí. Mắt, tai, mũi, lưỡi là cửa thành, bên trong thành có cửa ý. Tâm là lãnh địa, tánh là vua. Tánh còn thì vua còn, tánh đi thì vua mất. Tánh còn thì thân tâm còn, tánh đi thì thân tâm hoại. Phật là do tự tánh mà có, chớ không hướng cầu ngoài thân. Mê mờ tự tánh thì Phật là chúng

sanh. Ngộ tự tánh thì chúng sanh là Phật. Lòng từ bi là hiện thân của Đức Quán Thế Âm Bồ Tát, hỉ xả là Đại Thế Chí Bồ Tát, lòng luôn thanh tịnh tức Phật Thích-Ca, tâm bình đẳng chánh chân là Phật A-Di-Đà. Lòng còn nhân ngã chấp trước là núi Tu Di, tà tâm là biển lớn, phiền não là ba đào, tâm độc là rồng dữ, trần lao là cá, rùa, hư vọng là thần quỷ, tam độc là địa ngục, ngu si là súc sanh, thập thiện là thiên đường. Nếu không chấp nhân ngã, núi Tu-Di tự sụp đổ. Trừ tà tâm nước biển cạn. Không phiền não ba đào yên. Trừ độc hại cá rồng hết. Đặt tánh giác Như-Lai trên tâm địa mình. Phóng đại trí tuệ chiếu rọi thanh tịnh sáu cửa, chiếu phá sáu cõi trời dục giới. Bên trong tự tánh chiếu sáng, tam độc sẽ bị tiêu trừ và địa ngục lập tức bị tiêu diệt. Nếu trong ngoài đều sáng tỏ thấu suốt thì đây chẳng khác Tây Phương. Không tu hành pháp môn này, làm thế nào có thể đến bên ấy được?”

Kinh Niết Bàn dạy: “Hết thấy chúng sanh đều có tánh Phật; vì bị vô minh che khuất cho nên không được giải thoát. Tánh Phật tức là tánh giác: Giác cho mình, giác cho người. Biết rõ ràng sự giác tức là giải thoát”.

Tu tâm là chừa bỏ những tâm niệm xấu ác, bất thiện đã trình bày trong đề mục trước đây. Muốn được như vậy, chúng ta cần phải dưỡng tánh, nghĩa là nuôi dưỡng, phát triển những đức tính tốt đẹp như tánh từ-bi, bình đẳng, lợi tha, nhẫn nhục, hỉ xả, tinh tấn, kiên trì. Những đức tánh này thay thế những tâm niệm bất thiện, dần dần

giúp ta giác ngộ chuyển hóa vọng tâm thành chân-tâm, giải thoát khỏi sanh tử luân hồi.

6. Tánh Từ Bi

*Tâm từ bi sánh thể ngọc ngà
Trong các báu khó bì tánh thiện
Lời của Đức Huỳnh Giáo Chủ*

Từ-bi là một danh từ kép do hai chữ “Từ” và “Bi” ghép lại. “Từ năng dữ nhất thể chúng sanh chi lạc”, lòng thương tưởng, dốc làm lợi ích an lạc cho chúng sanh. “Bi năng bạt nhất thể chúng sanh chi khổ”, lòng thương xót trước những cảnh khổ, ưu sầu của chúng sanh.

Thương yêu chúng sanh, mang lại cho họ niềm an lạc vui sướng gọi là Từ; đồng cảm nỗi khổ và làm cho chúng sanh bớt khổ là Bi. Từ-bi là tình thương rất chân thật, bao la và bình đẳng, như lời Đức Huỳnh Giáo Chủ: “Lòng từ-bi chẳng quản nắng mưa. Xông thuyền giác rước đưa sanh chúng”.

Chỉ Từ-bi trong đạo Phật là tuyệt vời không có phạm vi, nó bao la vô tận bao trùm cả vạn hữu. Nó đi từ trong gia đình, xã hội đến nhân loại chúng sanh. Lòng từ-bi Phật giáo bắt nguồn từ sự cảm thông chân thật, tha thiết trước nỗi khổ đau của con người, ban phát đến cả vạn loài. Lòng từ-bi không làm hại mà còn nâng niu sự sống, chăm sóc từng nỗi khổ đau, rộng rãi và bao la đem lại nhiều lợi ích cho nhân loại. Lòng từ-bi rất bình đẳng

không có cao, hạ, gần, xa, nặng, nhẹ mà chỉ có một tình thương duy nhất ban phát không mệt mỏi. Vậy từ-bi không đơn giản chỉ có xót thương và chia sẻ khổ đau với kẻ khác. Từ-bi trong đạo Phật cao cả và tích cực, mãnh liệt hơn những gì ta hiểu một cách thông thường. Lòng thương xót ngoài đời nhiều khi mù quáng. Khi thương thì xấu cũng thành tốt, khi ghét thì tốt cũng thành xấu. Tình thương yêu ngoài đời có mù quáng vì nó xuất phát từ thất tình lục dục dựa trên sự chấp ngã. Từ-bi là sức mạnh thiêng liêng, trường dưỡng các pháp lành mà cũng sáng suốt vô cùng. Cho nên từ-bi phải cùng đi với trí tuệ.

Trí-tuệ trong Phật pháp giúp ta xóa bỏ vô minh, đánh tan cái ngã vì vậy từ-bi của Phật không dựa trên cái ngã hẹp hòi, nên rất sáng suốt. Trí-tuệ trong đạo Phật là một thứ trí thức tối thượng hoàn hảo, không có gì cao hơn, không có gì so sánh được, không có gì ngang hàng, giúp người tu học Phật pháp nhìn thấy trực tiếp sự thật tuyệt đối của mọi vật thể và hiện tượng.

Hạnh lành là từ-bi, dùng tâm để chuyển nghiệp thì tâm từ là trí-tuệ. Chỉ có trí-tuệ sáng soi mới thoát khỏi vô minh đen tối.

An tịnh là con đường từ-bi và trí-tuệ đã có sẵn trong mỗi chúng sanh, nhưng phải trường dưỡng thì mới thành tựu. chỉ có trí-tuệ mới thông suốt được vấn đề. Thường thường ta nhìn sự việc, cái này như thế này, cái kia như thế kia, rồi chủ quan đưa ra kết luận. Quyết đoán như vậy, một khi có sự thay đổi thì sinh ra buồn chán rồi

phiền não bất an. Nhưng khi trí-tuệ có mặt thì mọi sự phân giải rõ ràng, lúc đó lòng từ-bi như là một phương tiện thiện xảo cho thành tựu.

Trí-tuệ có thể phát triển trong một tâm hồn an lành, trong sáng, tràn ngập lòng từ-bi. Từ-bi là mảnh đất mà ta có thể đem gieo hạt giống trí-tuệ. Nhờ đó mà trí-tuệ phát sinh.

Từ-bi là con đường cho người tu học. Con đường càng rộng rãi, càng tinh xảo thì trí-tuệ nảy nở thăng tiến nhanh. Từ-bi và trí-tuệ luôn luôn gắn bó với nhau, hỗ trợ cho nhau. Muốn tu tập, trước hết phải khơi động lòng từ-bi trong ta, rồi nhờ đó mà ta có trí-tuệ.

Từ-bi không phải là lời nói suông tiêu cực, mà là sức mạnh hoạt động không ngừng. Từ-bi là nguồn gốc của mọi hạnh lành. Vì lòng từ-bi mà ta bố thí, nhờ đó mà ta dứt được lòng tham, bõn xén. Nhờ từ-bi mà ta giữ giới không sát sanh, hại vật. Nhờ từ-bi mà ta nhẫn nhục dẹp tánh nóng giận, thù hận. Nhờ từ-bi mà ta tinh tấn không lười biếng. Nhờ từ-bi mà ta được định tĩnh, an lạc. Nhờ từ-bi mà ta có trí-tuệ phá mê, khai ngộ.

Từ-bi của Đức Phật Thích Ca

Với tuổi đời vừa lên bảy, thái tử theo vua cha ra đồng dự lễ “Cày ruộng”. Ngài thấy người nông phu và trâu bò làm việc cực nhọc dưới ánh nắng thiêu đốt để đổi lấy bát cơm, nắm cỏ. Chim chóc tranh nhau ăn tươi nuốt

sống còn trùng đang giẫy dụa trên những luống đất mới cày. Cùng lúc ấy, anh thợ săn đang nhắm bắn vào những con chim kia. Ngài thấy một con rắn mối đang đớp những con kiến, bỗng bị con ó đến gấp nó đi và trong bụi rậm kia một con chồn đang rình rập đợi một con gà đang tha con trùng đi ngang qua. Nhìn quang cảnh, Ngài đã rơi lụy, đau xót cho nỗi đau xót của chúng sanh đã phải xâu xé, giành giật nhau để sống, không phút giây ngừng nghĩ bằng “Sự sống, sống bằng cái chết”. Những cảnh tượng ấy phơi bày trước mắt mọi người, nhưng chỉ có một mình Ngài nhận thấy và đau xót, vì Ngài đã hòa mình vào trong nỗi khổ của chúng sanh. Ngài đã nhận thức được sự sanh là khổ. Chính là động lực thúc đẩy Ngài đi tìm đạo sau này.

Càng lớn lên lòng từ-bi của Ngài càng mở rộng. Ngài không thể bỏ ngoa khi thấy con chim bị thương mà không cứu. Chúng ta hãy nghe sau đây bằng những lời mô tả trong truyện “Ánh Đạo Vàng”, khi Ngài mở rộng đôi tay cho con ngỗng vỗ cánh tung bay trong khoảng trời xanh: “Con ơi, hai ngày nay con bị giam cầm trong đôi tay âu yếm của ta. Tuy được ta nâng niu nhưng làm sao sánh được cái thú nước mây ở ngoài cao rộng. Hôm nay cánh con đã lành mạnh và giữa bầu trời quang tạnh, gió lại thuận thổi về hướng Bắc, ta thả con ra để con bay về dãy Hy-mã cùng đàn con sum họp. Ta gửi theo con đây một tấm lòng thương mến, và con hãy về mách lại với đàn con rằng ở đây có một người nguyện sẽ đem cả đời sống ra bênh vực, cứu giúp những kẻ yếu hèn... Thôi

con hãy tung cánh lên đi!”. Khi thấy con cừu bị què chân mà Ngài không thể không bế nó lên: “Dù con về đến đâu, ta cũng sẽ bồng con theo mẹ con đến đấy. Trong lúc ta chưa tìm ra được phương thuốc để cứu toàn cả chúng sanh, thì ít nữa ta cũng cứu được một mình con ra khỏi đau khổ; như thế còn hơn là ngồi trên núi như những kẻ tu hành kia để hành hạ thân mình và để cầu được giải thoát với những đấng thiên thần bất lực”.

Ngài đã khuyên được vua Tần-Bà-Sa-La không nên giết những con vật để cúng tế: “Ai cũng ham sống, thế mà ai cũng thích giết hại; ai cũng có thể giết hại một cách quá dễ dàng, thế mà không ai có thể tạo ra được sự sống”. Ngài tiếp: “Dù muôn loài có khác, sự sống chỉ là một. Trong Thánh Kinh có dạy, sau khi chết, có người sẽ đầu thai làm thú vật, có nhiều thú vật sẽ làm người. Người và vật vì thế mà vẫn cùng một dây liên lạc như anh em. Không thể lấy máu của thú vật để rửa tội cho người. Xin với thiên thần tha tội là một việc vô ích. Nếu các ngài ấy đều thiện, thì các ngài sẽ không thể tha thứ một việc làm ác như thế. Nếu các ngài ác, thì dù có giết bao nhiêu thú vật đi nữa để cúng, các ngài cũng không hết ác được. Nhưng dù thiện, dù ác, các ngài cũng không tha tội cho ai được. Tội của người nào thì người ấy phải chịu. Đây là luật nhân quả, không ai có thể vượt qua. Càng giết hại nhiều lại càng lắm họa”. Vua Tần-Bà-Sa-La kính cẩn đến bên Đức Thích Ca, chấp hai tay vái Ngài và mời Ngài về cung. Ngày hôm sau vua Tần-Bà-Sa-La sai khắc trong đá và chạm vào gỗ đạo dụ rằng: “Từ xưa

đến nay chúng ta đã phạm một tội lớn là giết súc vật để cúng thần. Nhưng bắt đầu từ ngày nay, trong dân gian không ai được làm đổ máu một con vật, vì chúng sanh đều cùng chung một sự sống. Và nên luôn nhớ rằng những điều lành sẽ dành riêng cho những người hiền lương”.

Cũng trong dịp này Ngài cất cao giọng nói: “Ôi, thế giới này sẽ an vui biết bao, sâu thẳm sẽ không còn nữa, nếu nhân loại biết thương đến loài vật mà không nở tâm chém giết chúng để cúng và để ăn, nếu nhân loại chỉ tự nuôi sống với cây, hoa trái!”.

Vì lòng thương rộng lớn mà Ngài lia bỏ tình thương nhỏ hẹp của gia đình, cha mẹ, vợ con, bạn bè, lia bỏ ngôi báu, lia bỏ danh vọng cao sang. Chính vì lòng từ-bi mà Ngài sống một đời kham khổ, đạm bạc, thiếu thốn giữa rừng thiêng nước độc để đi tìm đạo cứu đời. Chính vì lòng từ-bi mà Ngài thuyết pháp không ngừng nghỉ một ngày. Chính lòng từ-bi mà Ngài đi khắp cùng nước Ấn Độ để hoằng pháp độ sanh. Chính vì lòng từ-bi mà Ngài đã quên đi sự già yếu của mình để thuyết pháp cho đến hết đời. Chính vì lòng từ-bi mà Ngài đã phát đại nguyện: “Ta nguyện đem thân ta chịu hết cả hằng hà sa số khổ đau của chúng sanh” hay những câu nói khoan hòa, độ lượng, là khuôn vàng thước ngọc cho hậu thế: “Với người dữ ta nên ở lành, với người câu nệ, ta không nên câu nệ, với người gian tham, ta chớ nên gian tham. Hãy lấy từ-bi đáp lại nộ khí, lấy thành thật đáp lại điều ngoa, lấy lành đáp dữ”.

Từ-bi của Đức Huỳnh Giáo Chủ

Ngay từ khi còn bé, Ngài đã tỏ ra hơn người trong mọi phương diện. Tánh Ngài điềm đạm ít chịu đùa cợt, thường tìm nơi thanh vắng ngồi trầm tư. Ngài luôn luôn xa lánh chỗ tụ hội đông người hoặc chỗ đờn ca xướng hát. Ngài có đức hiếu sanh như không bắt dế đá chơi hay bắt bướm hoặc chuồn chuồn. Những thú vui như đá cá lia thia hay đá gà là thú vui có ý sát sanh Ngài đều không thích. Có lần Ngài ra ruộng thấy một con cóc, Ngài bèn la lên, các trẻ khác chạy lại bu quanh Ngài để kiếm bắt thì Ngài lấy chân đè giấu con cóc nhằm để mọi người không thấy. Đến khi bạn trẻ tản ra, Ngài lấy chân ra khỏi để con cóc thoát nạn. Lòng hiếu sanh của Ngài đã biểu lộ qua nhiều cử chỉ thương xót loài vật.

Đến thời niên thiếu, Ngài đã lộ vẻ đức tánh từ-bi cao cả. Có lần Ngài khuyên hai tên xạ thủ theo lệnh của quan chủ Quận đến vườn tre sau nhà Đức Ông (thân sinh của Đức Huỳnh Giáo Chủ) bắn cò để làm món ăn nhậu cho quan đầu Quận. Ngài nói: “Tôi nhận thấy hai ông tiền căn có chút duyên với Phật, nên vì hai ông mà tôi khuyên đây. Mặc dầu hôm nay hai ông thi hành lệnh trên làm việc sát sanh, nhưng thảo nào tránh khỏi ngày cộng nghiệp do luật nhân quả bất di bất dịch, hai ông sao không nghĩ câu “Nhân vật dữ đồng” của cô nhân. Đây là đồng tình thương, cùng một bản giác. Nếu con người có tình thương vợ chồng, thì loài chim chóc, cò diết, chúng cũng có tình trống mái ấp yêu. Nếu con người biết ham sống sợ chết, thì chúng cầm điều cũng thú cũng ấp yêu để

trúng nở con, lớp trưởng thành hình vóc, lớp mới nở, lớp ra rần. Nếu hai ông bắn giết mẹ cha chúng nó, chồng hoặc vợ chúng nó rồi, hai ông hãy hình dung cảnh chia ly, tử biệt, con mất cha, vợ mất chồng. Rồi đến cái chết dần mòn thâm của ổ trứng hoặc của đàn con thơ dại như thế nào? Chắc hai ông thừa hiểu, khi vợ hoặc chồng, khi mẹ hay cha chúng nó bị giết hại rồi thì trứng sắp nở kia cũng bị ung thúi, chim cò non phải chết đói, chết khô rũ xác tiêu hình. Các ông bắn giết một hai con thì sẽ chết theo năm bảy con khác, hoặc đến nguyên cả tổ, cả đàn chim vô tội, thử coi cái cảnh bi thảm là dường nào? Thế thì tại sao nỡ đành lòng, chỉ vì miếng ăn mà sát sanh hại mạng”.

Hai tên xạ thủ đứng yên lặng nghe Ngài thuyết giảng, mắt họ đăm chiêu, tỏ ra rất tư lự. Bỗng một anh nói: “Thưa cậu tư, (Đức Huỳnh Giáo Chủ là con thứ tư của ông cả) lời cậu vừa khuyên thật là quý báu, song bọn phận chúng tôi hôm nay chẳng gì hơn là phải săn cho được thịt cò để phục lệnh trên. Xin cậu tư biết cho hoàn cảnh này của chúng tôi”.

Kế Ngài nói tiếp: “Tôi vì tình thương mà phải nói, hai ông vì bọn phận mà phải làm. Do đó tôi báo cho hai ông biết trước, hai ông sẽ bắn không được con cò nào đâu!”.

Quả thật hai tên xạ thủ này bắn không được con cò nào hết và lui thủi ra xe. Bỗng nhiên Ngài đi đến, Ngài hỏi: “Hai ông có biết tại sao bữa nay bắn chẳng được cò

chăng?”. Thấy hai tên lung túng chưa tìm ra câu đáp. Ngài nói tiếp: “Hai ông có duyên lành kiếp trước nên gặp may mắn, nên khi lãnh mười mấy viên đạn, song chỉ một viên đạn thiệt mà thôi, còn bao nhiêu là đạn giả cả. Cho nên bắn chẳng được chim cò. Từ nay về sau đừng lãnh việc sát sanh nữa. Nếu lãnh được đạn thiệt thì ôi thôi cái cảnh đoạn trường, giết mẹ bỏ con, chồng xa vợ, vợ bỏ chồng, tội ác ấy chừng nào mới hết”.

Hai tên xạ thủ lại được nghe Ngài thuyết vệ luật nhân quả thêm một lần nữa, cả hai người thù người ra như tượng gỗ, thấy vậy Ngài giục thúc: “Thôi hai ông cứ yên lòng, đừng quá lo phiền về việc vừa rồi không kết quả sẽ bị quở phạt. Không sao đâu, nếu thất bại về việc này sẽ thành công vào việc khác để bù lại. Gặp hoàn cảnh ấy thì ta nên nhớ câu “Nhất ẩm nhất trác giai do tiền định” của người xưa vậy. Hai ông hãy về đi, hai người quên rồi sao? Giờ này mà về đến nơi là trễ giờ qui định rồi đó”.

Qua câu chuyện trên đây, chúng ta nhận thấy Đức Thầy (lúc chưa khai Đạo dạy đời) đã biểu lộ tâm từ-bi của Phật mặc dù chưa tới thời kỳ khai cơ lập giáo, nhưng cũng đánh dấu cho chúng sanh biết là đã có Phật ra đời để cứu khổ.

Trong thời kỳ Đức Huỳnh Giáo Chủ đã khai sáng đạo, Ngài đi thuyết pháp nhiều nơi để hoằng chánh pháp từ thành thị cho đến vùng quê xa xôi hẻo lánh. Đến đâu Ngài cũng thể hiện đức từ-bi để chúng sanh noi gương.

Có lần Đức Huỳnh Giáo Chủ khuyên dạy ông Trần Văn Soái (tự Năm Lửa) là người đi theo kề cận bên Ngài về việc ông Năm Lửa giết ba con rệp trong giường ngủ của Ngài. Lần thứ nhất, Ngài nói: “Con rệp nó cắn tôi, chớ cắn ông đâu mà ông giết nó?”. Lần thứ hai Ngài nói: “Tôi đã nói với ông là con rệp nó cắn tôi, chớ cắn ông sao mà ông giết người ta hoài vậy. Lần trước ông giết người ta một cái chết tốt còn đỡ, lần này ông đem phơi nắng. Thật tội nghiệp cho chúng quá”. Lần thứ ba, Ngài nói: “Chà! Lần trước thì giết, lần kế thì phơi nắng, rồi bây giờ ông nuốt luôn. Ông uống lần thuốc này mạnh dữ à!”

Tuy biết lòng thành kính của đệ tử như vậy, nhưng Đức Huỳnh Giáo Chủ vẫn rầy ông Năm Lửa, vì Ngài không cho sát giết, mà mang nhiều tội lỗi và mất đức từ-bi. Bởi vì “Nhất thiết chúng sanh giai hữu Phật tánh”. Mỗi chúng sanh đều có tánh Phật, nên lúc nào Ngài cũng không muốn chúng sanh giết hại lẫn nhau, mạnh hiệp yếu, khôn lẩn dại.

Như khi còn ở trong bụng biển, anh em đồng đạo thấy muỗi cắn Đức Huỳnh Giáo Chủ quá nhiều mà Ngài chỉ đuổi chớ không đập. Anh em thấy thế, nên đợi đến lúc Ngài ngủ, các ông lén đập muỗi cho Ngài thì Ngài quở và dạy: “Ai biểu các ông làm vậy? Nó nhờ máu người mà nó sống, nếu ta không cho thì đuổi đi, hơn nữa nó cũng có Phật tánh, nó cùng ta không khác, nhưng sợ dĩ nó chưa bằng là vì nghiệp còn nhiều. Vì lòng từ-bi

chúng ta sẵn có, cảm anh em chẳng nên sát hại chúng mà mang tội lớn”.

Lòng từ-bi của bậc Đại giác lúc nào cũng ban tình thương và bình đẳng cho muôn loài vạn vật dù nhỏ nhưng vẫn thương yêu, không nỡ sát hại nó.

Chính vì lòng từ-bi mà Đức Huỳnh Giáo Chủ thuyết pháp không ngừng nghỉ:

*Thấy bá-tánh nhiều điều tai khổ
Khùng thương dân nên phải hết lời
Đạo Lục-Châu chẳng có nghỉ ngơi
Mà lê-thứ nào đâu có biết*

*Dạy Đạo chánh vì thương Nam-Việt
Ở Cao-Miên vì mến Tàn-Hoàng
Trở về Namặng có sửa sang
Cho thiện tín được rành chân lý*

*Khuyên tu hành hao sức tổn hơi
Chẳng hề mở miệng ra than trách*

Chính vì lòng từ-bi mà Ngài đi khắp cùng đất nước từ Nam ra Bắc hoằng truyền chánh pháp:

*Chuyển miền Nam địa lung lay
Nam Trung cùng Bắc một tay giáo đời*

*Khai ngọn đuốc từ-bi chí thiện
Tìm con lành dắt lại Phật đường*

Chính vì lòng từ-bi mà Ngài đã lìa xa quê hương, xa gia đình, thân quyến, dốc tâm cứu độ chúng sanh:

*Lìa quê tách bước xa ngàn
Gia đình chẳng đoái còn màng chi ai
Dốc tâm nguyện đến Phật đài
Hiệp cùng chư Phật độ rày chúng sanh*

Chính vì lòng từ-bi mà Ngài xin tạm gác lại “Ôn cha nghĩa mẹ phải đền” và Ngài nguyện đền đáp lại mai sau:

*Từ-bi buộc chặt cõi lòng
Còn ơn cứu dục để hòng mai sau
Ơn nhà tạm gác sau này trả
Xin bớt đau lòng bớt nóng trông*

Cho đến một ngày nhân loại không còn hận thù, biết thương yêu nhau, sống trong hòa bình, an lạc, hạnh phúc:

Một ngày hiệp mặt lập nền từ-bi

Chính vì lòng từ-bi mà Ngài đã sống kham khổ, đạm bạc, chẳng màng danh lợi:

*Thần cũng chẳng say mê chùa tháp
Chẳng tham tiền, tham vật, món chi chi*

*Cũng không có muốn hoa hòe
Lâu dài sơn phết cũng là chẳng ham
Ai chê khờ dại cũng cam
Chớ tôi cũng chẳng có ham lâu dài*

Chỉ quyết chí khuyên dạy chúng sanh bước vào
đường Phật đạo:

Truyền sanh chúng phải kính thờ Trời Phật

Và khuyên:

*Khuyên bá-tánh tâm Ttiên rời tục.
Gái cùng trai già trẻ bước vào
Đường trí-huệ qui-y gìn Đạo pháp.*

Thấy chúng sanh còn mắc trong vòng khổ ải “Thấy
biển khổ đâu an lòng đặng”. Thấy nhân loại xâu xé tranh
quyền đoạt lợi gây họa chiến tranh, giết hại lẫn nhau
“Thấy nhân sanh tuôn giọt máu đào”, nên Ngài xúc cảm:

Lòng bác ái động tình rơi nước mắt

Để rồi vì lòng từ-bi, Ngài chẳng quản gió sương,
xông thuyền giác ra cứu vớt sanh linh:

*Lòng từ-bi chẳng quản nắng mưa
Xông thuyền giác rước đưa sanh chúng*

*Thuyền bát-nhã ta cầm tay lái
Quyết đưa người khỏi bến sông mê*

Chính vì lòng từ-bi mà Ngài nhận hết mọi nỗi khổ cho chúng sanh:

Ta chịu khổ khổ cho bá-tánh

*Nhìn dân châu lụy ử-ê
Biết sao trút hết gánh về ta mang
Mang cho hết tai-nàn thế giới
Kẻ tâm lành bớt đợi chờ trông*

Chính vì lòng từ-bi mà Ngài đã phát đại nguyện:

*Phân sữ-tặng tay trồng miệng kèn
Giác thiện tín chân hưng nền Phật giáo
Nếu chùng nào khai thông đại Đạo
Đuốc từ-bi rọi khắp cả nhân gian
Bể trầm luân khô cạn sáu đàng
Tăng-sữ mới trở về nơi thanh tịnh*

Quyết độ đời cho đến chung thân

*Nếu thế gian còn chón mê tân
Thì ta chẳng an vui Cực-Lạc*

Chính vì lòng từ-bi, mà đối với người Pháp là kẻ thù của dân tộc ta, Ngài cũng dùng lời lẽ khoan hòa: “Trước kia chúng nó hà khắc ta, chúng nó đành; ngày nay ta hà-khắc lại, sao đành. Vì lòng chúng nó đầy sự hung tàn, còn lòng ta đầy nhân ái”.

Cư sĩ tại gia nuôi dưỡng tánh từ-bi như thế nào?

Một nhà tư tưởng Âu Tây, trong khi nghiên cứu ảnh hưởng của đạo Phật đã viết: “Nếu trong đạo Phật, công tác từ thiện chưa có được hình thức tổ chức hoàn bị, thì ít nhất các Phật tử cũng đã đem lòng từ-bi của họ mà cứu vãng rất nhiều cảnh đau khổ của loài người. Lòng thương người ấy là nền móng của từ-bi trong đạo Phật. Từ-bi ở đây không phải là một tiếng suông đâu, mà tất cả ai ai đã sống ở các xứ Phật giáo đều cảm thấy rõ ràng như một mùi hương thơm dịu mà chúng ta được thở chung quanh ta. Đó là một thái độ từ tâm đối với hết thảy các sinh vật, dù là hèn hạ, và người ta cảm thấy nó kín đáo nhiều hơn là hùng hồn, nó hiện ra trong đôi mắt hiền lành, trong nụ cười êm dịu, trong cách tiếp đãi ân cần giản dị gây ra một không khí thanh đạm, trái hẳn với lối “Cạnh tranh sinh tồn” ở nơi khác...”

Đức Phật cũng dạy hãy tôn trọng sự sống: “Ai cũng sợ gươm đao, ai cũng thích sống còn. Vậy hãy lấy lòng mình suy lòng người mà chớ giết chớ bảo giết”.

Tánh từ-bi đã có sẵn trong chúng ta “Sách Thánh đạo ghi trong Tam Tự. Người mới sanh tánh thiện Trời dành” và “Thiện căn ở tại lòng ta”. Chúng ta không phải cầu xin ở Ngài hay mua chuộc vị thần nào. Hạt giống từ-bi có sẵn trong tâm não chúng ta. Hạt giống này bị che phủ bằng lớp tham lam, sân hận, si mê, ích kỷ nên không thể nảy mầm. Nếu muốn dưỡng tánh từ-bi, phải phá vỡ lần những chướng ngại đó thì mầm từ-bi mới có cơ hội mọc lên và tạo điều kiện cho nó phát triển.

Thể hiện lòng từ-bi qua cách sống không phân biệt thương ghét và hết lòng giúp đỡ loài hữu tình. Chúng ta thực hành tâm từ-bi với lòng yêu thương rộng lớn và bình đẳng đối với mọi người không phân biệt bạn, hay thù kẻ thân hay người sơ. Ta nên xét kẻ thù không có tính cách vĩnh viễn là thù, mỗi liên hệ thường thay đổi. Một người mà ta xem là một kẻ thù về sau cũng có thể trở thành một người bạn thân. Hay có thể trở thành vợ hoặc chồng. Đã có trường hợp thay bậc, đổi ngôi bạn thành thù, thù thành bạn, thì chúng ta nên cố gắng phát sinh tình thương bình đẳng với tất cả loài hữu tình.

Muôn dưỡng tánh từ-bi, ta nên dẹp lòng ích kỷ đó là cách duy nhất chúng ta mới đến với nhau mà không làm tổn thương cho nhau. Nhưng trong thực tế ít có ai làm, vì sự ích kỷ nên người ta quên đi người bên cạnh.

Chúng ta nên tâm nguyện phải làm tất cả việc lành tránh các việc dữ, dù to, dù nhỏ, dù trước mặt mọi người hay chỉ có một mình ta dù dễ hay khó, dù khen hay chê. “Ai biết tri việc phải cứ làm. Sau mới biết ai phàm ai thánh” như lời của Đức Huỳnh Giáo Chủ khuyên dạy.

Đối tượng của lòng từ-bi là cảnh đời đau khổ. Cho nên muốn nuôi dưỡng tánh từ-bi chúng ta phải ở gần những cảnh khổ ấy. Những người ở nhà cao cửa rộng ăn sang mặc đẹp đâu có cảm xúc được trước cảnh của kẻ ở nhà tranh vách lá xiêu vẹo, lo ăn từng bữa, thêm nỗi vợ đau, chồng yếu, con đói đòi ăn. Chúng ta hãy nghe mấy bài thi văn sau đây, Đức Huỳnh Giáo Chủ mô tả cảnh

một gia đình nghèo khổ và khuyên “Khá thương những kẻ bần cùng. Tâm lành dư của hãy dùng vào đây”:

*Sột sạt nhà sau mưa vết nôi
Ông chồng quần áo rách lôi thôi
Bầy con ngơ ngác đòi xoi bữa*

*Lũ nhỏ giành nhau lán chỗ ngồi
Khua đũa mèo mun ngò chủ thảo
Muỗng rơi chớ vện tưởng cho môi
Làm than đói khó vì tai ách
Hời kẻ sang giàu cứu nạn trôi*

*Nạn trôi lúa ngập đói còn xa
Điền chủ mau mau nghĩ tận mà!
Tế-độ dân nghèo trong lúc túng
Giúp dùm kẻ rối buổi vừa qua
Có ăn dư huệ nhờ thân nó
Nghèo khổ bần phu thảm dữ a!
Nếu đã xả thân tâm đạo đức
Mở lòng bố thí ngộ thần ca*

*Tỏ lời nhắn nhủ khắp đâu đâu
Vạn vật từ đây luống thảm sầu
Áo-não thương đòi đa đói khổ
U buồn trăm họ vẽ vài câu.*

Những kẻ thường ngồi trước bàn tiệc với đầy món ngon thịt béo, đâu có nghe dưới nhà bếp những tiếng thét

tiếng dấy dựa đón đau của các con vật bị làm thịt. Có thấy có nghe cảnh khổ đau thì lòng từ-bi mới được đánh thức.

Ngày xưa thái tử Sĩ-Đạt-Ta, nài xin vương phụ ra ngoài bốn cửa thành. Ngài chứng kiến được cảnh sanh, già, bệnh, chết của loài người. Và từ đó lòng từ-bi đã thôi thúc Ngài quyết tâm bỏ lại sau lưng mọi tình thương không màng danh lợi quyền tước để đi tìm phương giải thoát cho nhân loại.

Đến thời cận đại ở đất nước Việt Nam xuất hiện một vị Đại-Bồ-Tát lâm phạm là Đức Huỳnh Giáo Chủ. Ngài vì “Lòng quảng đại từ-bi” cũng như “Thương bách tính tới hồi tai họa”, xả thân vào những nơi mà con người còn nhiệm trược, u ám “Say mê vật dục chìm đắm trong biển lợi danh, gây nên nghiệp quả” để cứu vớt họ. Ngài nói:

*Bể trần sóng cuộn lao xao
Xông thuyền bát nhã lướt vào một phen*

Ngài cũng ví mình như:

*Ta đây dường thể như lươn
Cứu dân bất luận nắng sương lấm đầu*

*Tớ với Thầy nào quản thân lươn
Muốn cứu thể xá chi bùn trịn*

Chúng ta có thương nhau mới tìm cách cứu khổ cho nhau. Cách cứu khổ thiết thực nhất ở trước mắt là bố thí. Bố thí dù tài-thí, pháp-thí, hay vô-úy-thí đều là cách phát triển tâm từ-bi nhanh nhất và hành giả sớm tạo nhiều phước đức. Bố thí là hiện thân của lòng từ-bi, không có gì thiết thực bằng gặp người đói cho ăn, thấy người bị lạnh cho mền đắp, thấy người rách rưới cho quần áo mặc, gặp người nghèo giúp đỡ.

Tình thương càng phát triển ta càng phấn khởi. Ta thấy chính những kẻ khốn khổ đã tạo nhân duyên cho tình thương của ta mở rộng; càng ngày càng hoạt động mạnh mẽ. Cảnh khổ chính là đất sống của cây từ-bi. Ly cảnh khổ cây từ-bi mất hết sinh lực không thể nở hoa kết trái được.

Lòng từ-bi của chúng ta không phải chỉ đặt vào cứu khổ loài người mà cho cả loài vật. Loài vật cũng có linh hồn có thân xác cũng biết tìm lẽ sống còn như loài người cũng có tình mẫu tử có dạ trung thành, biết đau khổ, biết lo sợ. Chúng ta không nên hắt hủi nó, hành hạ chúng nó nhất là các loại gia súc như trâu, bò, ngựa, chó, mèo v.v. Vì chúng đã giúp ích cho ta trong các sinh hoạt hàng ngày. Chúng ta cũng không nên tìm thú vui trong cuộc săn bắn hay câu cá. Như giết thú vật để làm sự vui thích, bắn chim bay trên trời, chặt cá đang lội dưới nước.

Nếu ai có thể tìm thú vui được trước cảnh tượng đau đớn của các con thú, con cá, con chim bị bắn giết, thì họ sẽ quen dần cảnh giết chóc, tàn bạo giữa loài người.

Cho đến loài thảo mộc, chúng ta cũng không nên tàn phá. Nó cũng có sự sống và được bảo tồn sự sống. Chúng ta nhặt lá, bẻ hoa, phá cành không có mục đích gì chỉ làm thỏa mãn tính thích phá hoại chỉ làm vui đi lòng từ-bi của mình. Lòng thương cây cỏ giúp ta thấy được lẽ huyền vi của sự sống, hòa mình vào với cái chung của muôn loài vạn vật.

Sự sống không phân biệt giữa muôn loài, chính là lòng từ-bi chúng ta cần nuôi dưỡng và Đức Huỳnh Giáo Chủ dạy:

*Rán bắt chước làm theo Phật Thánh
Nếu thiệt người thì biết thương người*

*Chữ bồ-đề như cội bá-tòng
Rán dưỡng nuôi chữ đó trong lòng
Thì là được định chùng diệu quả.*

Đức Huỳnh Giáo Chủ nói:

*Tâm từ-bi sánh thể ngọc ngà
Trong các báu khó bì tánh Thiện*

Trong nếp sống đạo đức Phật giáo là bỏ ác hành thiện, bỏ bất thiện, thực hiện tốt lành, như Phật dạy trong Kinh Pháp Cú:

Tránh làm mọi điều ác
Làm hết các hạnh lành

Giữ tấm lòng cho trong sạch
Chính lời chư Phật dạy

Hay là:

Ác hạnh không làm
Làm xong chịu khổ lụy
Thiện hạnh ắt nên làm
Làm xong không ăn năn

Trong các pháp môn mà chư Phật dạy đều là phương pháp loại trừ các điều bất thiện và thành tựu những hạnh lành. Đối với pháp bất thiện chưa sanh hãy tinh tấn chặn đứng đừng cho phát sinh. Các pháp bất thiện đã sanh thì tinh tấn đoạn trừ. Các pháp thiện chưa sanh tinh tấn làm cho khởi sanh và đã sanh rồi thì tinh tấn phát huy.

Đức Phật cũng giúp chúng ta phân biệt pháp nào là thiện pháp, pháp nào là ác pháp, như lời dạy sau đây của Ngài với du-sĩ ngoại đạo Vacchagota:

“Tham là bất thiện, vô tham là thiện. Sân là bất thiện, vô sân là thiện. Sát sanh là bất thiện, không sát sanh là thiện. Tà hạnh trong các dục là bất thiện, từ bỏ các tà hạnh trong các dục là thiện. Nói láo là bất thiện, từ bỏ nói láo là thiện. Nói hai lưỡi là bất thiện, từ bỏ nói hai lưỡi là thiện. Nói lời độc ác là bất thiện, từ bỏ nói lời độc ác là thiện. Xan tham là bất thiện, từ bỏ xan tham là thiện. Sân là bất thiện, từ bỏ sân là thiện. Tà kiến là bất

thiện, từ bỏ tà kiến là thiện. Như vậy, này Vacchagota, mười pháp là bất thiện, mười pháp là thiện”.

7. Tánh Bình Đẳng

*Chữ nhân-ngã cũng là quá gắt
Ta chớ nên phân biệt với người
Lời của Đức Huỳnh Giáo Chủ*

Bình-đẳng là bằng, là ngang nhau không cao không thấp, không trên, không dưới. *Đẳng* là thứ bậc. *Bình đẳng* là sắp ngang nhau, không thấy có cái này cao, cái kia thấp, không thiên vị người này bỏ người kia.

Bình-đẳng theo nhà Phật là tuyệt đối. Mọi sự sống bất luận dưới hình thức nào cũng đều có giá trị ngang nhau, đều được tôn trọng như nhau. Tất cả chúng sanh (người và mọi sinh vật) đều có Phật tánh, đều có thể trở thành Phật.

Đối với Đức Phật, vật và người, người và Phật đều bình đẳng như nhau vì cùng bị chi phối bằng định luật nhân quả. Không loài nào được hưởng ân huệ riêng hay bị thiệt thòi riêng. Hễ tạo nhân lành thì hưởng quả tốt, tạo nhân bất thiện thì hưởng quả xấu. Chúng sanh nào tạo nhiều tham dục, sân hận, mê si thì bị sống trong cảnh khổ. Trái lại cõi lòng trong sạch, có từ-bi trí-tuệ thì sống trong cảnh an lạc.

Cho đến thời hiện tại, thực tế chúng ta chưa thấy có bình đẳng. Còn có bất bình đẳng trong nhiều xã hội dựa

trên huyết thống, quyền lợi vẫn còn tồn tại. Vấn đề kỳ thị chủng tộc, chia rẽ màu da vẫn chưa giải quyết xong.

Trong tương lai cho đến một thời điểm nào đó nhân loại dù cho có thực hiện được lý tưởng bình đẳng, thì cái bình đẳng ấy chỉ có trong loài người, chứ không có bình đẳng chung trong muôn loài vạn vật.

Nếu mọi người đều đem tính bình đẳng ra áp dụng triệt để thì cõi đời này thật là an lạc. Mọi người được đặt ngang hàng với nhau, san bằng mọi giai cấp, tiêu trừ bất

công, ngăn chặn mọi áp chế dựa trên huyết thống, màu da, sắc tộc.

Tinh thần bình đẳng làm cho người sống trong điều kiện tối tăm, thấp kém, có nhiều hy vọng tin tưởng vào việc tạo lại hoàn cảnh của mình ở ngày mai. Cũng trong tinh thần bình đẳng này làm cho những người ở địa vị quyền cao, chức trọng, bớt tánh tự cao, tự đại, tánh ích kỷ dựa vào giai cấp của mình. Tinh thần bình đẳng làm cho người giàu sang, cũng như kẻ nghèo hèn gần gũi, thông cảm, bớt khinh nhau, oán nhau, biết tôn trọng nhân phẩm và quyền sống của nhau.

Với Phật tánh trong mỗi người, có bình đẳng trong từ-bi, trong sự sống; con người biết thương loài vật hơn, không thấy mình có độc quyền giết hại sinh vật; cho rằng loài vật sinh ra là để phụng sự cho mình, để chết cho

mình “Vật dưỡng nhân”. Vì thể tánh bình đẳng, nên chúng sanh cũng có Phật tánh giống Phật. Từ đó con người có khả năng thành Phật của mình, nên hăng hái “Tu cầu Phật hóa tánh tình. Lưới mê chẳng buộc nhẹ mình tiêu dao”.

Bình-đẳng của Đức Phật Thích Ca

Trước thời Đức Phật ra đời tư tưởng tôn giáo, triết học cũng như về chính trị, xã hội rất phức tạp. Một xã hội hỗn hợp chính trị và tôn giáo đã ấn định nhiều sinh hoạt bắt công đưa hai giai cấp Bà-la-môn và Sát-đế-ly ngồi vững chắc để thống trị hai giai cấp thuộc hàng tiện dân là Phệ-xá và Thủ-đà-la. Ngoài ra còn có một giai cấp cùng khổ, mật chủng Chiên-đà-la là hạng nô lệ, hạ tiện.

Sống dưới chế độ giai cấp đầy bất công, tư tưởng tôn giáo rồi ben, không tin tưởng bám víu vào đâu “Trong bá-tánh sàu thành chất ngất. Mãi nghi-nan chẳng biết đảng nào”. Trong hoàn cảnh bế tắc ấy Đức Phật xuất hiện như mặt trời sáng âm buổi bình minh làm tan đi bóng đen trong đêm tối bao phủ cuộc đời từ lâu nay. Ngài không những là vị cứu tinh cho nhân dân xứ Ấn-Độ thời bấy giờ mà là người vạch ra hướng đi mới cho nhân loại. Đức Phật là người đầu tiên lấy con người làm cứu cánh để giải quyết mọi vấn đề bế tắc của thời đại.

Trong khi đi tìm đạo, Đức Phật đã nói với người chăn cừu: “Mỗi người sinh ra không mang sẵn dấu “Tín ca” trên trán (dấu riêng của hạng quý phái), không mang

sẵn giai cấp trong giòng máu cùng đỏ và trong nước mắt cùng mặn như nhau”.

Trong công cuộc giáo hóa quần sanh, Đức Phật không bỏ một ai, dù hạng nghèo khổ, hạ tiện, cũng như không thiên vị một ai, dù đó là vị đế vương. Kinh Đại Niết Bàn đã tán thán tánh bình đẳng của Đức Phật như sau:

“Đức Như-Lai không phải chỉ thuyết pháp cho những người có quyền thế như vua Bạt-đề-ca mà cũng thuyết pháp cho hạng bần cùng, như ông Ưu-bà-ly. Không riêng thọ lãnh cúng dường của người giàu có như ông Tu-đạt-đa mà cũng thọ lãnh sự cúng dường của hạng người nghèo khổ như ông Thuần-Đà. Không riêng cho phép các hạng không có tính tham như ngài Ca-Diếp xuất gia mà cũng cho phép được xuất gia những người nhiều tánh tham như ông Nan-Đà. Không những thuyết pháp cho người an tịnh không dự việc đời mà cũng thuyết pháp cho vua Tần-Bà-Sa-La trong lúc đang lo việc nước. Không những thuyết pháp cho hạng thanh niên 25 tuổi, mà cũng thuyết pháp cho ông già 80 tuổi. Không những thuyết pháp cho bà hoàng hậu Mạt-Ly, mà cũng thuyết pháp cho dân-nữ Liên-Hoa”.

Mặc dù Đức Phật đạt đến địa vị vô thượng chánh đẳng chánh giác được toàn thể loài người từ giai cấp hạ tiện đến vua chúa, tăng lữ sùng kính, bái phục, vậy mà Ngài vẫn khoác chiếc áo vá nhiều mảnh, mang bình bát đi khất thực từ nhà này sang nhà khác. Ngài tự múc nước

rửa chân mỗi khi đi đâu về. Lối sống của Ngài và đệ tử không có sự khác nhau hay nói cách khác không có sự cách biệt giữa thầy và trò. Lối sống hoàn toàn bình đẳng đó, chúng ta nhìn thấy qua các vị tăng-già ôm bình bát đi khất thực hàng ngày. Đó là lối sống lục-hòa. Lục-hòa là “Sáu niềm hòa đồng ái kính” của các sư. Cung cách của các vị xuất gia. Ngoài thì hòa thuận, trong lòng thì khiêm nhường ấy là kính. Lục-hòa là:

1. Thân hòa đồng trụ: Cùng ở chung trong hoàn cảnh như nhau. Nên cần phải từ hòa và kính nhường nhau trong mọi cử động, đi, đứng, nằm, ngồi.

2. Khẩu hòa vô tranh: Vì sống chung nhau, cần phải nhường nhịn nhau, nên nói lời khiêm cung, hòa nhã để tạo sinh khí ấm áp hòa ái kính nơi am-tự.

3. Ý hòa đồng duyệt: Tâm, ý luôn luôn sáng suốt vui vẻ, cùng duyệt xét phê bình những tình ý của nhau trong sự ôn hòa, thông cảm, không méch lòng nhau.

4. Kiến hòa đồng giải: Cùng thờ Phật, thiết hành giáo pháp của Phật, nên có những ý kiến gì đem ra thảo luận để mọi người cùng lĩnh hội, từ chỗ đó kiến thức được hòa nhau.

5. Giới hòa đồng tu: Cùng tôn trọng giới luật như nhau.

6. Lợi hòa đồng quân: Cùng chia sẻ những quyền lợi đồng đều như nhau (phẩm vật cúng dường), không có kẻ ít người nhiều, chung hưởng một cách hòa thuận ái kính.

Các sư ở cùng tu viện giữ lục-hòa với nhau mà đối với các sư ở khác tu viện cũng phải giữ phép lục-hòa nữa.

Tinh thần lục-hòa là khuôn mẫu giúp cho những ai xây dựng cuộc sống an vui, tự tại ngay trên cõi trần này chớ chẳng cần tìm kiếm thiên-đường ảo vọng ở một nơi nào khác.

Đệ tử của Đức Phật đã áp dụng tinh thần bình đẳng triệt để, nên họ cũng có những lời nói và cử chỉ đẹp chẳng khác gì lời dạy của Đức Phật. Một điển hình chúng ta thấy câu chuyện giữa ông A-Nan và một thiếu nữ giòng Chiên-đà-la (giai cấp hạ-tiện). Một hôm ông A-Nan đến xin nước, người thiếu nữ này thưa:

“Thưa Ngài, Ngài hãy tránh xa vì con là giòng họ Chiên-đà-la”.

Ông A-Nan trả lời: “Tôi đến đây xin nước uống, tôi không xin giai cấp”.

Tương tự, vua A-Dục vương đã trả lời cho một vị đại thần, khi vị này ngăn cản nhà vua đánh lễ các vị Tỷ kheo:

“Nếu lấy huệ-nhãn của Phật mà xét thân thể, thì thân thể của ông vua và thân thể của mọi người đều giống nhau, cũng là da, thịt, xương. Chỉ khác nhau là cái phủ hoa bên ngoài. Cái cốt yếu sống ở đời là phải có đạo đức ở trong lòng. Về phương diện này dù cho người hèn hạ thể nào thì chắc chắn cũng có đạo đức. Chính cái đạo đức ấy, người có trí phải xét biết, nên gặp đâu cũng phải tôn kính”.

Trong Kinh A-Hàm có kể câu chuyện: Thuở Đức Phật còn tại thế, Ngài nhìn thấy những hoa sen, có cái còn nụ, có cái sắp nở, có cái đã nở tròn. Ngài nói: “Tất cả hoa sen nở ra tròn trịa thơm tho, đều phát xuất từ bùn dơ rồi từ từ vượt ra khỏi bùn, khỏi nước để rồi sau đó trở thành đóa hoa tỏa mùi thơm ngát. Hoa trở rồi và hoa chưa trở đều như nhau vì mầm sen cũng đều xuất phát từ bùn.

Đức Phật bảo rằng: “Ta là Phật đã thành, các người là Phật sẽ thành”. Phật không thấy mình là đáng tối cao không ai bì kịp. Ngài khẳng định chỗ ấy ta đã đến, các người tu cũng sẽ đến, không ai thua ai cả. Đó là bình đẳng chân thật vì Đức Phật cũng nói: “Tất cả chúng sanh đều có Phật tánh”, nghĩa là tất cả chúng ta ai cũng có tính Phật. Có Phật tánh là chúng ta tu cũng sẽ được thành Phật, không còn nghi ngờ gì nữa. Đã tu và chưa tu thì Phật và chúng ta cách xa diệu vợi. Nhưng nhìn vào tánh giác sẵn có thì chúng ta không thua Phật. Một bên đã tu,

đã dẹp được vô minh phiền não, nên tánh giác hiện bày; còn một bên còn nguyên vẹn vô minh phiền não nên tánh giác bị che mờ. Cho nên người muốn tu thành Phật phải dẹp vô minh phiền não. Trong thế gian còn có người khôn, kẻ dại, người sang, kẻ hèn sai biệt, nhưng trên tánh giác thì bình đẳng như nhau không khác. Đó là tánh bình đẳng trong đạo Phật.

Chư Phật ra đời chỉ vì mục đích duy nhất là chỉ dạy chúng sanh được thành Phật như các ngài. Bồ-Tát thường bất khinh trong Kinh Pháp Hoa, gặp ai cũng bái và nói: “Tôi không dám khinh các ngài vì các ngài đều sẽ thành Phật”. Dù bị mắng, bị chọi đá, bị phang gậy, Ngài chạy ra xa nhưng cũng bái và nói vậy.

Đức Phật nói: “Ta là bậc đạo sư hướng dẫn chỉ dạy cho mọi người con đường đi”. Đạo sư là thầy chỉ đường. Phật nói Ngài là người chỉ đường chứ không phải là người hơn hết. Vô thượng, chánh đẳng, chánh giác là từ thường thấy trong kinh điển. Vô thượng là không trên, Ngài là bậc giác ngộ không ai trên, chứ có thể bằng. Nếu người nào giác ngộ như Ngài thì cũng sẽ bằng Ngài. Vô thượng là giác ngộ viên mãn không ai hơn. Nếu ai giác ngộ viên mãn cũng đều thành Phật như Ngài. Đó là chỗ bình đẳng ở quả vị Phật.

Đức Phật thường dạy chúng sanh, là Phật tử cũng như người ngoại đạo, ai làm việc thiện thì hưởng quả lành, ai làm việc ác thì bị quả dữ, bình đẳng như nhau. Chớ không thể nói tôi là Phật tử, tôi có làm điều ác thì

Phật giảm tội cho còn một nửa. Chữ “Nghệp” trong đạo Phật rất công bằng và bình đẳng không thiên vị một ai. Từ chư Phật cho đến chúng sanh đều thọ lãnh như nhau.

Đức Phật cũng nói: “Dù có người tán thưởng ta, vừa lễ bái ta, cùng một lúc có người vừa sỉ nhục ta, vừa đánh đập ta, hai người đó Như-Lai vẫn thương yêu như nhau không khác”.

Bình-đẳng của Đức Huỳnh Giáo Chủ

Tánh bình-đẳng của Đức Huỳnh Giáo Chủ thể hiện khi còn thời niên thiếu. Tuy mắc việc ở tại ruộng, nhưng hễ cứ đến ngày 14 và ngày Rằm hoặc 29, 30 Âm Lịch thì người ta thấy Ngài trở về ở tại nhà. Sự có mặt đều đặn trong mấy ngày nói trên làm cho mọi người trong nhà cho là chuyện lạ và có ý tò mò. Hễ ai có hỏi đến, được Ngài trả lời là bệnh; nhưng chưa bao giờ thấy Ngài dùng thuốc men hoặc có vẻ chi là bệnh cả. Đó là chu kỳ thời gian Ngài không bỏ sót chính là tinh thần bình đẳng của Ngài. Cũng như sau này Ngài dạy tín đồ cách hành đạo công phu bái sám hằng ngày, Ngài khuyên:

*Sớm chiều bình đẳng chớ lơ
Thường hành như vậy nhớ lời đừng sai*

Rồi đến khi gặt xong, người ta phải gom từng cụm nhỏ lại thành lớn hơn. Ngài cũng làm như mọi người, nhưng công việc làm của Ngài khác thường. Ngài cũng gom lại thành từng mớ và xếp ngay hàng thẳng lối, chiều

nào cũng ngay thẳng giống như nhau, mớ nào lớn thì sót qua mớ nhỏ, chia đều nhau, lại còn lấy tay vỗ vào gốc lúa cho bằng đầu.

Thấy vậy, ông Út (bào-đệ của Đức Ông) mới rầy: “Cứ chông thí cho nhau, ở đó sót đi sót lại, so tới so lui, còn nhắm cho ngay hàng thẳng lối làm gì”.

Dù ông Út nói nhiều lần, nhưng Ngài vẫn làm theo việc Ngài làm, thấy vậy ông Út phó mặc.

Việc làm của Đức Huỳnh Giáo Chủ không khác gì khi Ngài đã khai đạo độ đời. Ngài thường đi đây đi đó để thuyết pháp, có người hỏi Ngài: “Tại sao đi đâu Ngài cũng ở nhà những người giàu có, không thấy Ngài ở nhà kẻ nghèo khó?” Đức Huỳnh Giáo Chủ bình thản trả lời: “Nhà giàu như cái gò, nhà nghèo như cái hố. Tôi ở nhà người giàu cũng như để ban cái gò xuống cho cái hố nhờ cậy”. Đúng như lời kêu gọi những người có của tiền dư hãy nên làm việc phước thiện “Việc nhà quý bạn đã xong. Hiệp nhau làm phước rõ lòng hiền nhân”. Ngài nói tiếp:

*Khuyên người hữu phước giàu sang
Mau mau làm phước làm doan cho rồi*

*Khá thương những kẻ bản cùng
Tâm lành dư của hãy dùng vào đây*

Thật tuyệt diệu, đúng với tinh thần xã hội Phật giáo, không cưỡng bức, chỉ đánh thức từ tâm, để họ phát tâm từ-bi cứu khổ. Theo nhà Phật, giàu nghèo là do ở căn nguyên tạo thiện nghiệp hay ác nghiệp trong đời quá khứ. Người giàu có là do tiền kiếp của họ tạo tác ra nhiều phước đức, cho nên đời này họ nên trao tặng để giúp người nghèo khó, cũng như cành cây sai quả, nếu không hái bớt thì dễ bị gãy Ngài khuyên dạy:

*Làng gần chí những tỉnh xa
Lúc xưa thì cũng ruột rà với nhau*

*Giữ bo đến lúc phong ba
Gặp cơn bát loạn khó mà yên thân*

*Giàu sang như nước trên nguồn
Gặp cơn mưa lớn nó tuôn một giờ*

Có lần ông Nguyễn Văn Lễ quận trưởng Tân Châu đem xe đến rước Đức Huỳnh Giáo Chủ, Ngài từ chối, đồng thời Ngài xuống thuyền của một tín đồ và nói: “Tôi không thể thiên vị kẻ giàu mà phụ người nghèo khó”. Ngài cũng thuyết giảng cho ông quan đầu Quận này: “Song thân ông đã tu nhân tích đức, nên nay ông mới được quyền cao chức trọng. Vậy ông cũng nên lập công bồi đức, nếu ông muốn hưởng phước lâu dài”. Lời khuyên của Ngài đã tăng thêm lòng tin của chúng ta về hiệu năng của việc tạo công đức và phù hợp với luật nhân quả của nhà Phật “Ngày nay tốt phước giàu sang. Xin thương kẻ khó giúp hào một khi”.

Lúc Đức Huỳnh Giáo Chủ còn ở trong chiến khu, Ngài đã trả lời câu hỏi của một ký giả của báo “Nam Kỳ”.

Hỏi: “Xin ông cho biết lý tưởng chính trị có liên quan với giáo lý nhà Phật không?”

Ngài đáp: “Theo sự nhận xét của tôi về giáo lý nhà Phật do nơi Đức Thích Ca Mâu Ni Phật đã khai sáng lấy chủ nghĩa từ-bi , bác ái, đại đồng đối với tất cả chúng sanh làm nòng cốt thì tôi nhận Ngài là một nhà cách mạng triệt để về tư tưởng; vì những câu “Nhất thiết chúng sanh giai hữu Phật tánh” và “Phật cũng đồng nhất thể bình đẳng với chúng sanh”. Đã có những sự bình đẳng về thể tánh như thế mà chúng sanh còn không bằng được Đức Phật là do nơi trình độ giác ngộ của họ không đồng đều, chớ không phải họ không tiến hóa ngang hàng với chư Phật được. Nếu trong cõi nhân gian còn có những chúng sanh tiền tiến áp bức những chúng sanh lạc hậu thì là một việc trái hẳn với những giáo lý chân chánh ấy. Giáo lý đó, Đức Thích Ca Mâu Ni không áp dụng được một cách thiết thực trong đời của Ngài là do nơi hoàn cảnh xã hội của Ấn-Độ xưa không thuận tiện. Thế nên Ngài chỉ phát dương cái tinh thần đó mà thôi. Ngày nay, trình độ tiến hóa của nhân loại đã tới một mức khả qua, đồng thời với tiến bộ về khoa học thì ta có thể thực hành giáo lý ấy để thiết hiện một xã hội công bằng và nhân đạo. Thế nên với cái tâm hồn bác ái, từ-bi mà tôi đã hấp thụ, tôi sẽ điều

hòa với phương pháp tổ chức xã hội mới, để phụng sự một cách thiết thực đồng bào và nhân loại”.

*Giàu sang nghèo khó cũng người
Nên ta thương hết dầu cười hay khen*

*Đánh liều ta cũng nói càn
Cứu dân bất luận giàu sang khó nghèo*

*Đâu đâu bá-tánh cũng con lành
Thầy dạy cho đều khắp chúng sanh*

*Tuy là Ta không thể sanh thành
Nhưng thương hết ra tài dạy dỗ*

Dù Ngài là một bậc Đại Giác Ngộ, một bậc siêu phàm, một vị giáo chủ, Ngài đang hành xử vai trò một Đại Bô-Tát, vậy mà ngôn từ của Ngài hết sức bình dị, bình đẳng đối với nhân loại, chúng sanh giống như tình huynh đệ, không có tính cách tôn ti thượng hạ:

*Ra đời dạy dỗ anh em
Xem qua ít bận rón đem vào lòng*

*Cả tiếng kêu lớn nhỏ đệ huynh
Nói chí ấy sửa sang thời thế*

*Diên đàm luận ít câu dốt nát
Mong chị anh bàn bạc thế nào?*

Nhất là trong một bài thi văn, Ngài thức tỉnh chúng sanh phá mê khai ngộ, sớm trở về bến giác; thay vì Ngài nói nhân loại chúng sanh hãy tìm đường giải thoát thì Ngài lại nói “Tỉnh bạn trần gian”, thật đáng cho chúng ta tôn kính và noi gương.

Ngài đã đặt tình thương bình đẳng cho muôn loài vạn vật:

*Ta có tình yêu rất đượm nồng
Yêu đời yêu lẫn cả non sông
Tình yêu chan chứa trên hoàn vũ*

*Ta đã đa mang một khối tình
Đường như thệ hải với sơn minh
Tình yêu mà chẳng riêng ai cả
Yêu khắp muôn loài lẫn chúng sanh*

Cư sĩ tại gia nên nuôi dưỡng tánh bình đẳng hàng ngày

Mỗi chúng sanh đều có Phật tánh, nên tinh thần bình đẳng của Phật sẵn có. Vì bị “Vô minh vọng tưởng vậ tà”, nên cái mầm bình đẳng ấy đã bị vùi sâu dưới lớp bất công, giai cấp, tập quán, thành kiến xã hội. Có những bất công, bất bình đẳng trong xã hội còn tồn tại cho đến ngày nay chính là sự phân định giai cấp. Người giàu, người có tài trí, người thuộc giòng quý phái tự thấy mình đứng cao hơn kẻ khác, được hưởng quyền lợi nhiều hơn kẻ khác, tự có quyền bắt kẻ dưới thua thiệt phục dịch cho mình, tự có quyền khinh khi kẻ nào không bằng mình. Lấy tiêu

chuẩn giai cấp để hành xử đã làm cho xã hội chia rẽ, bất an, mạnh hiếp yếu, người dưới oán hận kẻ trên. Với sự tiến bộ của nhân loại cả vật chất lẫn tinh thần thì xã hội cần được cải thiện. Phải lấy đạo đức làm tiêu chuẩn. Phải lấy tinh thần bình đẳng trong đạo Phật làm nòng cốt cho đời sống xã hội. Phải thương yêu hết tất cả mọi người, không phân biệt kẻ thân, người sơ. Phải cố gắng làm thế nào đặt mình vào vị trí “Con người thật sự” vì “Nếu thiệt người thì biết thương người” và làm sao đạt được mục đích cao cả của tình thương. Đừng thấy người giàu sang mà trọng, nghèo hèn mà khinh, đừng bợ đỡ kẻ quyền qui, đừng đạp lên kẻ thế cô “Đừng xu phụng kẻ giàu sang, phụ người nghèo khó”

Nơi thiên môn hay tại gia, chúng ta xem mọi người là đạo hữu, là đồng đạo, chớ đừng nhìn vào chức tước, giàu sang hay nghèo khó mà đối xử. Ai có đạo đức, có tu hành thì đều được kính trọng như nhau.

Hãy áp dụng tinh thần bình đẳng trong xã hội. Dù trong hoàn cảnh nào, mọi người đều có nhân phẩm, đều được tôn trọng.

Đối với tự bản thân ta, đừng bao giờ có ý nghĩ ta là quan trọng hơn người, cao hơn người, phải được săn sóc và chiều chuộng hơn người.

Để có cái nhìn về thể tánh bình đẳng trong muôn loài vạn vật, ta đừng thấy có cái sống riêng biệt, mà chỉ thấy có cái sống chung cùng toàn thể, đồng hòa với tất

cả và đồng có một cứu cánh chung. “Cỏ cùng cây điều thú chim muông. Nhân với vật hườn lai bốn tánh”.

Đức Phật đã dạy: “Hỡi các tỳ kheo, cũng như các con sông lớn, khi chúng đổ vào biển thì chúng mất tên gọi cũ và được gọi chung là biển cả”. Chúng ta là phàm nhân, dù sang hèn, có địa vị hay không địa vị trong xã hội, hãy bỏ tất cả những gì riêng tư để cùng vào biển cả mênh mông trong tánh giác trùm khắp trong trí-tuệ Phật.

Đức Huỳnh Giáo Chủ dạy: “Nhân ngã, ngã nhân đừng cách biệt”. Ta tập xóa đi giữa ta và cái ta khác trong nhân loại, không thấy có cái ta nào đáng quý hơn cái ta nào. Đừng thấy cái ta của giống người cao hơn cái ta của chúng sanh. Đừng thấy cái ta nào đáng quý hơn cái ta nào. Cũng đừng quan niệm ta là chúng sanh, chỉ thấy ta là sự sống, ta có sự sống. Đừng thấy có cái sống riêng biệt mà chỉ thấy có cái sống chung cùng toàn thể, trong ấy cái sống của ta chan hòa với tất cả.

8. Tánh Lợi Tha

*Giúp đời đừng đợi trả ơn
Miễn tròn bốn phận hay hơn bạc vàng
Lời của Đức Huỳnh Giáo Chủ*

Lợi-tha là làm tất cả những gì có ích lợi cho người khác và vật khác. Lợi-tha đổi lại của ích kỷ và lợi kỷ, chỉ làm lợi cho mình mà thôi. Trong đạo Phật, lợi tha rất

quan trọng cho người đi trên đường đạo. Bất cứ công việc nào có tính cách lợi kỷ đều không có giá trị cho việc tu học. Cái nhìn của người tu theo đạo Phật là không bao giờ chỉ thấy có mình mà không thấy có người khác, vật khác; chỉ làm lợi cho mình mà không làm lợi cho người và vật khác.

Lịch sử nhân loại cho thấy có biết bao nhiêu gương anh hùng, nghĩa sĩ cũng như các nhà phát minh khoa học, triết học đã giúp cho nhân loại có được một đời sống phong phú cả vật chất lẫn tinh thần. Nhưng lợi tha theo tinh thần thế gian thì vẫn còn tồn tại có nhân, có ngã, có kẻ ra ơn và kẻ thọ ơn.

Lợi-tha có hai hình thức: Vật chất và tinh thần. Về vật chất có thể đem tiền của, tài sản, đồ đạc của mình ra giúp đỡ mọi người hoặc đem sức lực, tài năng, thì giờ, thân mạng của mình ra để làm lợi ích cho mọi người.

Về tinh thần như trấn tĩnh người và vật đem lại sự yên ổn của tâm hồn khi họ sợ hãi hay gặp cảnh sống bất an, phập phồng, lo âu trong mọi tình huống.

Hoặc đem giáo pháp của Đức Phật ra để giảng giải cho người chung quanh làm cho họ biết rõ đường lối tu hành giải thoát khỏi cảnh sanh tử luân hồi hoặc ấn tống kinh sách Phật phân phát cho mọi người để nghiên cứu tu học hầu mở mang trí tuệ.

Bố-thí là một hình thức lợi tha cho chúng sanh đầy đủ. Nhưng hành hạnh bố thí là không vì danh lợi riêng, không phân biệt kẻ thân, người sơ, kẻ quen, người lạ, bạn hay thù, sang, hèn, không so đo số lượng nhiều hay ít, không chấp ta là người bố thí, kẻ kia là người thọ thí. Bố thí theo lợi tha là dựa trên tinh thần từ-bi trí-tuệ và bình đẳng của nhà Phật.

Những phương tiện khác của lợi tha như dùng lời dịu dàng, êm ái đầy lòng nhân hậu khi tiếp xúc với người xung quanh. Nhờ đó người đối thoại với mình cảm thấy vững niềm tin, hăng hái làm việc hay học tập trong bầu không khí hòa thuận.

Tánh lợi-tha không những có lợi cho người khác mà còn có ích cho chính cá nhân người làm lợi tha như mở rộng lòng từ-bi, tăng trưởng trí-tuệ, thiết hành bình đẳng trong đạo Phật.

Gương lợi-tha của Đức Phật Thích Ca

Đức Phật thị hiện xuống thế giới Ta-Bà này vì lòng lợi tha rộng lớn muốn cứu độ chúng sanh thoát khổ. Ngài từ bỏ tất cả những người thân yêu, ngôi báu, vương quyền, cuộc sống nhung lụa tràn đầy hạnh phúc vì muốn làm lợi ích cho chúng sanh. Nếu cuộc đời không đau khổ tối tăm, Đức Phật không xuất hiện ở đời này. Ngài ra đời chỉ vì một mục đích trọng đại chỉ bày cho chúng sanh ngộ nhập Phật tri kiến của chính mình. Ngài xuất hiện ở thế gian này vì hạnh phúc, vì an lạc cho chúng sanh. Đức

Phật quan sát thế gian và thấy: Có hạng chúng sanh ít nhiệm bụi đời, có hạng còn nhiều tham mê vật dục; có hạng căn cơ ngu độn, chậm lụt, không hiểu nổi Phật đạo, với hạng người này nên dạy cho họ tu tập nhiều lần; còn đối với hạng thông minh, hiểu nhanh nên truyền khoa đốn giáo, giúp họ ngộ nhập mau lẹ. Còn có hạng thiện tánh, có hạng ác tánh, có hạng dễ giáo hóa, có hạng khó giáo hóa, cũng giống như hồ sen xanh, hồ sen hồng, hồ sen trắng, sanh ra dưới nước, lớn lên dưới nước, không vươn lên khỏi mặt nước, được nuôi dưỡng dưới nước; có loại sanh ra dưới nước, lớn lên dưới nước, vươn lên khỏi mặt nước, không bị nước thấm ướt. Và như vậy, với hình ảnh những cành sen vươn ra khỏi mặt nước, những cành ở lưng chừng, những cành ở sâu trong lòng nước...Đã gọi lên trong Đức Thế Tôn về căn cơ bất đồng của mọi người. Dù sống trong nghiệp quả bất đồng, mỗi chúng sanh đều có hạt giống giác ngộ, như hoa sen dù sống trong bùn tanh hôi, vẫn tỏa hương thơm.

Ngài thuyết pháp trong bốn mươi chín năm cũng chỉ vì muốn cho tất cả mọi người đều được thành Phật như Ngài. Trọn đời, Ngài chỉ theo đuổi mục đích cao cả là tự giác, giác tha, tự độ, độ tha, tự lợi, lợi tha. Dù một ý nghĩ hay một lời nói đều cũng nhằm mục đích ấy. Cho đến những ngày già yếu mà Ngài vẫn đi thuyết pháp độ sanh. Các đệ tử có khuyên Ngài nên tịnh dưỡng, Ngài đã nói lên một câu đầy ý nghĩa: “Các người đừng khuyên ta như thế, ngày nào ta còn tại thế thì ngày ấy phải không vô ích”.

Gương lợi-tha của Đức Huỳnh Giáo Chủ

Đức Huỳnh Giáo Chủ ra đời “Vì thời cơ đã đến”, “Vì lòng từ ái chứa chan, thương bách-tính tới hồi tai họa”. Vì thương xót vạn dân tới hồi tai ách, nên Ngài lia bỏ cảnh thom tho của mùi sen báo xuống trần cứu độ chúng sanh, Ngài nói:

*Cảnh Thiên trước thom tho nồng nặc
Chẳng ở yên còn xuống phàm trần
Áy vì thương trăm họ vạn dân
Nên chẳng kể tấm thân lao khổ*

*Lòng thương lê-thứ đảo Ta-Bà
Thừa chuyên pháp luân dụng khuyến ca.*

Ra đời trong khoảng thời gian ngắn, nhưng đạo Phật Giáo Hòa Hảo phát triển rất nhanh khắp miền Tây Nam nước Việt với số tín đồ quy-y lên đến hàng triệu, gây thành phong trào đạo đức rất cao.

Nếu đi vào từng gia đình tính đồ Phật Giáo Hòa Hảo, chúng ta thấy có một đời sống phạm hạnh, bình dị, thanh thản thay vì đời sống bê tha, trụy lạc. Nhà nhà đều có lập ba ngôi thờ phượng: Ngôi Tam-Bảo, bàn thờ Cửu Huyền Thất Tổ ở giữa nhà, bàn Thông Thiên giữa trời trước nhà. Với hai thời lễ bái sớm, chiều như lời Đức Huỳnh Giáo Chủ dạy “Sớm chiều bình đẳng chớ lợi. Thường hành như vậy nhớ lời đừng sai”, không khác chi hai buổi tụng-niệm công-phu của nhà Thiền. Sau thời lễ

bái là ngồi niệm Phật cũng chiếm một thời gian đáng kể. Vì vậy người tín đồ Phật Giáo Hòa Hảo không còn thì giờ quá rảnh rang nghĩ chuyện đầu đầu, phí phạm thì giờ vào việc không giúp ích gì cho người cư sĩ tại gia.

Ngài dạy cho tín đồ cư sĩ tại gia có một đời sống đạo đức cao quý để trở thành con người có tư cách, đủ đức độ xử thế tiếp vật như trong Sám Giảng Thi Văn Giáo Lý của Ngài đã khuyến dạy. Ngài cũng đi thuyết pháp không ngừng nghỉ và xét thấy:

*Xác trần tục như cây cạnh khén
Làm hiền hoài ắt phải tiêu mòn
Đẽo với bào riết nó cũng tròn
Đến chùng đó trông vào rất tốt*

Ngài dạy cho tín đồ những đức tính cao quý như: “Giữ tròn luân lý, tam cương ngũ thường”, cần kiệm, tinh tấn, khoan dung, thanh đạm, chân chánh, cương trực, bố thí, hiếu sinh, kiên trì, tương trợ, tương ái và tự trị là đức tánh của người không để kẻ khác trị mình, Ngài khuyến dạy:

*Nghe rồi phải thân mình tự trị
Chẳng độ xong Phật khó dắt dìu*

Đức Huỳnh Giáo Chủ rèn luyện cho tín đồ tinh thần lợi tha, làm việc từ thiện, như kêu gọi nhà nông cày cấy để có lúa gạo giúp đồng bào miền Bắc vì nạn đói, Ngài nói:

*Chỉ có xứ Nam Kỳ béo bở
Cơ hội này bỏ dở sao xong
Cả kêu điên chủ phú nông
Đứng lên đừng để ruộng đồng bỏ hoang
Muốn cứu khỏi tan nản của nước
No dạ dày là chức đầu tiên
Nam Kỳ đâu phải sống riêng
Mà còn cung cấp cho miền Bắc, Trung*

Một việc làm hết sức độc đáo của người tín đồ Phật Giáo Hòa Hảo là cất nhà tình thương cho người nghèo có nơi nương náu.

Cuộc cứu đói, cất nhà cho dân nghèo ở, được phát triển là do tinh thần lợi tha, từ thiện mà Đức Huỳnh Giáo Chủ đã rèn luyện họ qua hành vi thực tiễn của Ngài hay qua lời khuyên dạy:

*Muốn cho rắn đặng hóa cù
Xả thân làm phước Diêm-Phù vượt qua
Giữ bo đến lúc phong ba
Gặp cơn bán loạn khó mà yên tâm*

*Của dư cho mượn mới là
Hảo tâm bố thí Ngọc-tòa được lên.*

Sứ mạng của đạo Phật Giáo Hòa Hảo là đào tạo nên những người hiền. Theo đạo Phật, người hiền là người tin lý nhân quả và luôn làm việc thiện. Người hiền là người có cả đức và trí. Như vậy muốn đến bậc Thánh

trước hết phải làm người hiền. Nếu không tu-hiền, làm lành, lánh dữ thì không thể vào cửa Thánh được.

Làm người ăn ở theo đạo lý, hành theo lời Phật Thánh, chẳng những hiền ở bên ngoài (Tu Tướng) mà còn hiền cả bên trong (Tu Tâm), sống đời thanh cao, không nhiễm bụi trần, như lời Đức Huỳnh Giáo Chủ:

*Cư trần bất nhiễm là người Thánh
Lấn tục đừng mê chứng bậc hiền.*

Về tinh thần yêu quê hương đất nước của Đức Huỳnh Giáo Chủ, Ngài phát động phong trào và trực tiếp tham gia cuộc đấu tranh chống thực-dân Pháp, Ngài quyết:

*Rứt áo cà-sa khoác chiến-bào
Tăng sĩ quyết chùa, am bé cửa
Tuốt gươm vàng lên ngựa xông pha*

Cho đến khi nào:

*Đền xong nợ nước thù nhà
Thiên môn trở gót Phật-Đà Nam Mô*

Với tinh thần vô-úy thí, với ý nguyện muốn cho tín đồ có cơ hội lập công bồi đức mà Đức Huỳnh Giáo Chủ tham gia chính trị và thành lập nghĩa-binh đoàn. Dù tham gia chính trị hay thành lập quân đội, đó chỉ là phương

tiện để đạt mục đích xả thân giúp đời, tạo công quả bồi đắp cho bước tiến tu cầu giải thoát.

Đây là thời cơ đền đáp nợ Tứ Ân, thì còn tiếc gì mà không xả thân cứu đời. Dù gặp hoàn cảnh khó khăn, gian lao nguy hiểm vẫn xem thường mạng sống với nghĩa vụ giúp đời, đó là bổn phận chẳng mong đền đáp.

Đức Huỳnh Giáo Chủ xác nhận: “Đối với toàn thể tín đồ Phật Giáo, tôi vẫn không quên rằng tôi là một đệ tử trung thành của Đức Phật Thích Ca, tôi tin chắc rằng giáo lý giải thoát chúng sanh chẳng những được truyền bá ở Thiên-lâm mà còn phải thực hiện trên trường chánh-trị.

“Đối với các đồng chí hiện đang cùng tôi đeo đuổi một chương trình Dân-Chủ Xã-Hội, tôi tuyên bố luôn luôn sát cánh với họ để chung lo gây dựng một nước Việt Nam công bình và nhân đạo, một nước Việt Nam tương xứng với các nước Dân-Chủ tiên tiến trên hoàn cầu”.

Với ý nguyện “Độ tận chúng sanh khỏi đại khờ” của một bậc Đại Bồ-Tát thật là cao cả, Đức Huỳnh Giáo Chủ đã nguyện:

*Phần sĩ-tăng tay trống miệng kèn
Giác thiện tín chán hưng nền Phật giáo
Nếu chùng nào khai thông đại Đạo
Đuốc từ-bi rọi khắp cả nhân gian
Bể trầm luân khô cạn sáu đàng
Tăng-sĩ mới trở về nơi thanh tịnh*

Hay là:

*Quyết độ đời cho đến chung thân
Nếu thế gian còn chôn mê tâm
Thì ta chẳng an vui Cực-Lạc.*

Cư sĩ tại gia nên nuôi dưỡng tánh lợi-tha

Mỗi chúng sanh đều có tánh Phật, nên cũng có tánh lợi-tha. Nhìn vào gương lợi-tha của Đức Phật Thích Ca và Đức Huỳnh Giáo Chủ, chúng ta phải nuôi dưỡng tánh lợi-tha, dù việc nhỏ hay việc lớn chúng ta cũng sẵn sàng giúp đỡ mọi người chung quanh. Tánh lợi-tha là tinh thần quên mình, lấy lòng bác ái chuyên tâm làm việc vì mọi người. Trong việc xử thế, người ta hay mắc phải một lỗi lầm là chỉ biết sống cho quyền lợi cá nhân mà quên đi kẻ khác. Tánh lợi-tha là điều kiện cần thiết để tạo được lòng tin yêu của mọi người chung quanh, tự coi nhỏ quyền lợi cá nhân để hòa vào đời sống cộng đồng, giả dụ như dẹp đi một hòn đá ngoài đường hoặc lấp đi một chỗ trống có thể gây ra một tai nạn cho người khác là những việc đáng làm. Khi những người chung quanh có gì đau khổ, người có tánh lợi-tha sẵn sàng đứng ra an ủi, giúp đỡ một cách thiết thực cốt mong sao tạo được cho những người chung quanh mình có một sự an vui bình tâm trở lại là nhiệm vụ của người con Phật như chúng ta. Người có tánh lợi-tha thường hay giải bày với người chung quanh mình những điều hay lẽ phải, hướng dẫn họ dần dần đi vào cửa Đạo, cho họ hiểu biết về giáo lý của nhà Phật để một lòng lo tu tập.

Đối với vật chất, người làm lợi tha không phải ai cũng có như nhau, tùy theo điều kiện tài vật mà giúp đỡ cho người khác. Cũng có thể bằng tinh thần như ta đóng góp một số giờ nào đó để làm việc thiện nguyện nơi dưỡng đường, ký nhi viện hay nhà dưỡng lão v.v.

Nếu chúng ta có được một trí thông minh hơn người, với một ý chí mạnh mẽ, quyết tâm học tập để trở thành nhà trí thức lành mạnh như bác-học, y-học, triết-học để phụng sự cho đời.

Đức Lão Tử có nói: “Càng giúp người, mình lại được thêm nhiều. Càng cho người, mình lại càng có thêm cho mình”. Không tham lam, không muốn tích trữ thu thập cho mình, chỉ làm điều lợi ích cho người đời, cho xã hội mà không có một chút lòng ích kỷ tự tâm.

Càng giúp đỡ người, càng phục vụ người bằng sự hiểu biết và sự sáng suốt của mình, càng cho những gì mình có mà người ta thiếu thì mình càng có được nhiều Đức.

Cái khó khăn, cái tế nhị được người đời gọi là lòng lợi-tha là tinh thần biết quên mình và sống cho mọi người, là người làm vai trò hướng-đạo thì sự thành công trên đường đời cả đường Đạo là điều tin chắc.

9. Tánh nhẫn-nhục

*Chữ Nhẫn Hòa ta để đầu tiên
Thì đâu có mang câu thù oán
Lời của Đức Huỳnh Giáo Chủ*

Nhẫn-nhục là nhịn nhục, chịu đựng những điều nhục-nhã, xấu hổ mà không có ý định trả thù. Tánh nhẫn nhục trái lại với tánh nóng giận, tánh thù hiềm.

Nhẫn-nhục theo giáo lý nhà Phật là nhẫn-nhục Ba-La-Mật. Nhẫn đến chỗ cùng tột không ai có thể nhẫn hơn thế nữa. Nhẫn-nhục Ba-La-Mật gồm ba thứ: Thân nhẫn, khẩu nhẫn, ý nhẫn. Ở nơi thân nhẫn, với nghịch cảnh như mưa nắng, nóng lạnh, đói khát, đau ốm hoặc bị người đánh đập, hành hạ, mình cũng cam chịu, không phàn nàn hay chống cự lại bằng cử chỉ hay hành động trả thù. Ở nơi miệng, dù gặp việc trái ý miệng cũng không thốt ra lời hung ác, nguyên rủa, những lời nhục mạ chua cay, mắng nhiếc tột tệ. Ở nơi ý, dù gặp nghịch cảnh, vẫn nhẫn nhục trong tâm, phải dẫn lòng đánh tan cơn tức giận, nổi oán thù, không khởi dậy ý phản đối, những tư tưởng đen tối để trả thù. Không dẹp được sự phẫn uất trong lòng thì chưa gọi là nhẫn nhục theo tinh thần trong đạo Phật.

Trong ba thứ nhẫn thì ý nhẫn là khó nhất và quan trọng nhất cho hành giả trên bước đường tu tập. Thân có thể chịu đựng được sự cực hình, miệng có thể không thốt ra lời nguyên rủa, oán trách, nhưng ý tưởng trong lòng vẫn ngấm ngấm nổi dậy như lời của Đức Huỳnh Giáo Chủ:

*Lửa trong tâm chẳng đốt mà lừng
Nổi lôi đình đâu có định chừng
Cho ta biết mà toan giữ trước*

Tánh nóng giận, sự oán thù là tai họa cho mọi tình huống của cõi đời này. Lửa sân hận làm tiêu hủy rừng công lao do tâm từ thiện của con người sẵn có. Cho nên tánh nhẫn-nhục là phương thuốc kỳ diệu để dập tắt lửa sân hận và Đức Huỳnh Giáo Chủ khuyên chúng sanh muốn cho việc tu hành được thành tựu hãy nên:

*Chúng sanh nên tầm quạt ba-tiêu
Chữa hỏa-diệm nơi thân cho tắt
Thì đạo hạnh ngày kia mới đắc
Chớ chứa hờn đũa dữ ích chi
Phận tu hành tai gác mặt lý
Chịu cay đắng của người sang-sốt*

Về phương diện cá nhân, tánh nhẫn-nhục thường biểu lộ qua nét mặt hiền diệu, nói năng hòa kính gây được lòng cảm mến của người chung quanh. Người nhẫn-nhục thì tâm trí thông minh, sáng suốt xét đoán mọi việc phải lẽ, bình tĩnh không mắc phải lầm lỗi đáng tiếc. Người nhẫn-nhục thân tâm thường an-lạc, hạnh phúc vì thường giữ được tâm thanh tịnh, từ-bi, bác-ái nên dễ thành đạt mọi công việc trong đời mình.

Về phương diện xã hội, tánh nhẫn-nhục sẽ làm cho cộng đồng hài hòa, đoàn kết để tạo dựng cuộc sống êm đẹp, chiến tranh không xảy ra, hòa bình, an lạc có khác gì cảnh Thiên-đàng tại thế mà mọi người hằng mong ước.

Về phương diện tu hành tánh nhẫn-nhục như là sự thử thách mà theo lời của Đức Huỳnh Giáo Chủ “Vàng đá bao phen cơn lửa. Chì thau lắm chuyện lúc non hài”. Sự thử thách trước mọi nghịch cảnh đối với người tu hành phải vận dụng lòng từ-bi, trí-tuệ, bình đẳng để dẹp tan đi lòng sân hận, tánh cống cao ngã mạn là cái mô cản trở cho người hành đạo. Khi mà hành trì ngăn cách giữa ta và người được san bằng thì sự ích kỷ hẹp hòi sụp đổ, chủ nghĩa cá nhân xóa nhòa, lòng bao dung, vị tha bừng sáng, nhân loại xích gần nhau, không có sự khác nhau giữa mình và người. Mọi người sẽ giao hòa trong biển sống mệnh mông cùng xây dựng hòa bình hạnh phúc, an lạc vĩnh cửu.

Gương nhẫn-nhục của Đức Phật Thích Ca Mâu Ni

Trên bước đường tìm Đạo của Đức Phật, Ngài đã có một sự kiên nhẫn chịu đựng là một tấm gương sáng cho chúng ta. Từ một thái tử sống trong nhung gấm trở thành là người không nhà không cửa đi hết khu rừng núi này đến khu rừng núi khác, chịu đói lạnh, tìm thầy học hỏi, không ngại nhục nhã, xấu hổ vì những điều mình chưa biết. Rồi Ngài bỏ lối tu khổ hạnh như nhóm ông Kiều Trần Như, mặc dù bị họ chế giễu, khinh bỉ, nhưng Ngài vẫn điềm nhiên một lòng quyết tâm tu học.

Khi đắc đạo, thành bậc chánh đẳng chánh giác, Đức Phật phải đương đầu với nhiều sự đối nghịch mãnh liệt trên đường hằng hóa. Ngài bị chỉ trích nghiêm khắc, bị đối xử tàn tệ chưởi mắng và bị tấn công một cách tàn

bạo. Kẻ đối nghịch là những người theo các hệ thống tôn giáo chủ trương những nghi thức dị đoan, tạo ra tập tục vô ích có hại cho xã hội, ngăn chặn sự tiến bộ tinh thần hoặc những kẻ có tham vọng thấp hèn mà Đê-Bà-Đạt-Đa là một điển hình. Khi niên thọ của Đức Phật đã cao, Đê-Bà-Đạt-Đa yêu cầu Ngài giao quyền lãnh đạo Tăng-Già, nhưng Đức Phật đã từ chối. Ông tìm cách xúi giục thái tử A-Xà-Thế giết vua cha để nắm binh quyền và cùng âm mưu hãm hại Đức Phật. Các tên xạ thủ thuê mướn để giết Đức Phật, nhưng bọn họ được cảm hóa trở thành đệ tử của đức Phật. Sau đó Đê-Bà-Đạt-Đa đích thân ra tay nào là thả voi dữ chạy thẳng ngay Đức Phật, nhưng voi bị Đức từ-bi của Phật cảm hóa; nào là lăn tảng đá lớn xuống đường từ sườn núi cao khi Ngài đi ngang qua. May thay tảng đá ấy va vào tảng đá khác làm vỡ tung thành các mảnh vụn và chỉ một mảnh đá nhỏ đụng vào chân Ngài rỉ máu. Đức Phật điềm nhiên bảo các đệ tử rằng: Đê-Bà-Đạt-Đa là thiện-hữu tri-thức của Ngài, nhờ Đê-Bà-Đạt-Đa mà Ngài mau thành Phật.

Vốn biết con người gây ra tội ác là do vô minh, nên Đức Phật đã dùng sức nhẫn-nhục và lòng từ-bi để cảm hóa một người Bà-La-Môn vô cơ đến xúc phạm Ngài giữa đại chúng. Đức Phật lặng thinh cho người ấy mắng nhiếc và sau cùng Ngài chỉ hỏi một câu mà chúng ta cần phải nhớ trong khi tập tánh nhẫn-nhục. Ngài hỏi: “Này Bà-La-Môn, khi người ta đem cho ai một món gì mà họ không nhận, thì người làm thế nào?” Người này đáp: “Thì tôi đem về”. Đức Phật nói tiếp: “Ồ đây cũng vậy, ta

không nhận những lời nhục mạ của người, người hãy mang về đi. Nay ông mắng ta mà ta không nhận thì ông sẽ chuốc lấy hậu quả; như vang theo tiếng, như bóng theo hình, không bao giờ rời nhau. Người ác mà hại người hiền cũng như ngựa mặc lên trời mà nhỏ nước miếng, nước miếng không thấu trời mà rơi lại vào mình. Thế nên hãy cẩn thận chớ làm điều ác”.

Hơn ai hết, Ngài hiểu rõ công dụng của nhẫn-nhục, nên Đức Phật đã từng dạy đệ tử qua những lời lẽ tuyệt diệu làm phương châm cho hậu thế: “Không nên lấy oán báo oán, chỉ nên lấy ân báo oán”, cũng như “Thế gian này chẳng phải lấy oán trừ được oán, chỉ lấy nhẫn mới trừ được oán”.

Đức Phật hằng khuyên dạy hàng tín đồ không nên trả thù báo oán mà phải hành pháp nhẫn nại trong mọi trường hợp, ở mọi nơi, trước mọi khiêu khích. Đức Phật tán dương những ai sẵn sàng chịu đựng lỗi lầm của kẻ khác mặc dù trong tay có đủ quyền lực để trả thù. Khi hành pháp nhẫn nại thì tất cả mọi hận thù tiêu tan. Kinh Pháp Cú có câu:

Người kia chưởi bới, đánh tôi
Lại còn lẩn lút, cướp hoại. Giận thay!
Ai không còn nghĩ điều này
Sẽ mau dứt bỏ được ngay hận thù

Với người biết nhẫn-nhục, Đức Phật còn tán thán như sau: “Người nào ngăn được phần nô sắp phát ra, như dừng được chiếc xe đang chạy nhanh, như thế mới được gọi là thiện-ngự, ngoài ra chỉ có kẻ cầm cương thôi”.

Chính đạo Phật có thái độ nhu hòa, nhẫn-nhục trong lúc truyền đạo: Người ta đánh đập mình thì mình chạy, nếu chạy không được thì mình chịu bị đánh hay bị giết. Do thái độ hiền hòa bất bạo động ấy, bất đề kháng ấy, mà đạo Phật đã cảm hóa được nhân tâm lan rộng khắp thế giới.

Nhẫn-nhục và từ-bi là nền tảng của hòa bình thế giới là cuộc sống an lạc của nhân loại, là thiện pháp trên bước đường tu tập giải thoát sinh tử luân hồi; nên trước khi nhập Niết-Bàn, Ngài còn dặn dò đệ tử: “Nếu có người đến chặt tay chân các ông, xẻo mũi, cắt tai...Các ông cũng nhiếp trì tự tâm, chớ nên móng niệm sân hận mà làm trở ngại đạo Bồ-Đề của các ông và chớ nói ra lời hung ác mà bị lửa sân hận thiêu đốt rừng công đức của các ông”

Gương nhẫn-nhục của Đức Huỳnh Giáo Chủ

Đức Huỳnh Giáo Chủ làm trọn vẹn vai trò của một bậc Đại Bồ-Tát hoằng pháp độ sanh, xiển dương chánh pháp của Đức Phật Thích Ca. Trên bước đường hoằng hóa, Ngài cũng gặp nhiều thử thách, nhưng Ngài chẳng nao lòng thối chí “Dù gian lao dạ sắt chẳng sờn. Miễn sanh chúng thông đường giải thoát”. Ngài nói:

*Muốn lập Đạo có câu thành bại
Sự truân chuyên của khách thiền môn*

Khắp sáu châu mức tiếng người đồn

Ta chịu khổ khổ cho bá tánh

Dù Ngài dùng lời lẽ từ hòa để mách bảo chúng sanh làm lành lánh dữ, nhưng cũng bị kẻ hung nói lời bất nhã khinh khi gạt người để kiếm ăn. Vì tinh thần nhẫn-nhục của bậc Đại-Giác, Ngài nói:

*Nam Mô hai chữ từ-bi
Trần hạ nói gì đây cũng làm thinh
Tu thời nhàn hạ thân mình
Phân diên khuyên nhủ mặc tình ghét ưa*

“Nào ai biết tâm ta đời bác lãm”, Ngài hiểu rõ lòng người, hiểu rõ huyền cơ, toán biết âm dương, nên Ngài đành an phận:

*Vì diên chưa đến cái thời
Nên còn ẩn dạng cho người cười chê*

Có hạng người bướng bỉnh như Ngài nói: “Lê dân ngoan ngoãn, xóm làng cừ khôi” hay “Tu hành mà mãi nghi nan. Sợ ta gạt gẫm cũng kỳ cho dân” mà điển hình là ông Mạnh-Xuân-Quả tức Giáo Xoài và số người khác nữa dùng lời khiếm nhã châm chích, nhạo báng, bắt bẻ Ngài nhằm làm chậm bước trong cuộc hoằng hóa của Ngài, Ngài cũng không buồn giận.

Còn đối với bọn thực-dân Pháp, chúng lưu cư Ngài đi nhiều nơi nhằm mục đích làm xa cách tín đồ cũng như làm nhục chí Ngài trong việc hoằng hóa chúng sanh, Ngài nói:

*Ta còn thương thương trò liễu diệu
Chớ cũng mừng được dịp phổ thông*

*Càng đi càng biết nhiều nơi
Càng đem chân lý tuyệt vời phổ thông.*

Đức Huỳnh Giáo Chủ khuyên dạy vạn dân tập tánh
nhẫn nhục và thiết hạnh được pháp nhẫn nhục mới thật
sự là người hiền:

*Rán nhẫn trăm phần dầu khó nhẫn
Dạ thừa quan chức phận làm dân
Làm dân bá nhẫn thị lương hiền
Chữ nhẫn lời truyền Phật Thánh Tiên
Gương trước Hón, Tần, Hàn-Tín nhẫn
Đã không khổ nhục khỏi ưu phiền*

*Bước ra đường ăn nói thiết-thà
Dù khôn-khéo cũng là giả dại
Nếu tranh đương ắt ta bị hại
Thêm sa cơ lại bị xích xiềng
Vì đời nay chúng nó dụng tiền
Ít ai dụng chữ nhân chữ nghĩa
Theo học đạo mặc ai mai mỉa
Ta cũng đừng gây gổ với người
Được mấy điều thì đáng vàng mười
Thiết hiền đức có ai mắng chưởi*

Cư sĩ tại gia nên học tập và nuôi dưỡng tánh nhẫn nhục

Đức Phật dạy: “Luôn luôn nhẫn nhịn tất cả”. Đức Huỳnh Giáo Chủ cũng dạy: “Chữ Nhẫn hòa ta để đầu tiên. Thì đầu có mang câu thù oán”. Không phải nhẫn vì người ta khen ngợi hay tán thán mình, không phải nhẫn vì sợ oai lực đe dọa, không phải nhẫn vì mong đợi được có chức tước. Ta nhẫn vì một tình thương cao cả với tấm lòng vị-tha sáng suốt. Ta nhẫn vì muốn trau giồi đức tánh tốt để đối trị lòng sân hận, ích kỷ, ngạo mạn, si mê, tham lam gây ra.

Xem như một định luật thông thường, nhưng cũng rất tế nhị và khó khăn. Cuộc sống của con người càng trở nên phức tạp hầu như chịu ảnh hưởng của tiền tài, vật chất cho nên việc sinh hoạt không đơn thuần mà mọi người đua nhau cạnh tranh vì quyền lợi cá nhân. Vì thế nên chúng ta không lấy gì làm lạ khi đời sống hiện tại khó ai nói được tiếng “Nhuòng nhịn” một cách hoàn toàn.

Thế nên dù đứng trước một hoàn cảnh như thế nào, ta luôn luôn ôn tồn, điềm đạm, nói năng dịu dàng hòa nhã, ý nghĩ sáng suốt để phân tích vì sao ta phải nhẫn nhịn, không nên nóng giận, hãy lấy tình thương xóa bỏ hận thù, là nước cam lồ dập tắt sân hận.

Người biết nhẫn nhịn sẽ có cuộc sống an vui, không tranh chấp, không thị phi hơn thua nên tránh được phiền não khổ đau trong cuộc đời. Nếu có ai chửi mắng mình mà mình mắng trả lại thì dễ dàng quá. Người chửi mắng mình dù có lý hay vô lý, mình nhịn được mà cảm

thấy không có gì là nhục mới thật là việc khó làm. Người ta đưa lửa sên hận đến đốt, mình vẫn thản nhiên, không đưa tâm ra đón nhận, thì mọi việc chắc chắn sẽ bình yên. Chưởi mắng mình mà mình không chưởi lại, riết rồi họ mỗi miệng cũng im luôn. Cũng như lời Đức Phật dạy: Nếu có ai đem cho ta một món quà mà ta không nhận thì đương nhiên người đó phải mang về. Người biết tu tâm dưỡng tánh cần biết nhẫn nhịn, để tránh hậu quả phiền toái.

Với nếp sống hiện tại, con người coi thường mọi thứ lễ nghĩa trong lãnh vực xử thế mà lúc nào cũng đặt quyền lợi cá nhân lên trên hết, không đặt vấn đề nhường nhịn nhau, thông cảm tha thứ cho nhau ngay cả đến việc làm cho dung hòa cũng là một khó khăn. Họ coi nhường nhịn nhau như là một sự thua thiệt, một thất bại cá nhân và làm như thế là nhục nhã, mất mặt v.v.

Nếu như con người biết thông cảm cho nhau và nhường nhịn lẫn nhau thì cuộc đời không có gì khó khăn, rối rắm. Kết quả sẽ là thoát ra ngoài tranh chấp, đau khổ, đưa con người đến chỗ an lạc.

Nhìn trong khung cảnh nhỏ hẹp như gia đình chẳng hạn. Trong một mái nhà mà mọi người trong gia đình biết thương yêu nhau, luôn luôn tha thứ cho nhau, thông cảm nhường nhịn lẫn nhau thì tin chắc rằng gia đình ấy là một gia đình có nguồn hạnh phúc, an vui, sung sướng. Đó là gia đình lý tưởng “Từ trên tới dưới thuận hòa. Hay

hơn châu báu ngọc ngà giàu sang” như lời Đức Huỳnh Giáo Chủ dạy.

Ra ngoài như quốc gia, xã hội, mọi người sống trong cộng đồng tập thể, người nọ biết nhường nhịn người kia thì làm gì có chuyện bất đồng, làm gì có chuyện lời thôi tranh chấp, làm gì có chuyện giết hại lẫn nhau. Dân tộc của quốc gia này biết tha thứ, nhường nhịn dân tộc kia thì làm gì có chuyện binh-biến chiến tranh tàn phá.

Nhường nhịn không có nghĩa là đầu hàng, là thua thiệt mà nhường nhịn có nghĩa là sự thông cảm và tha thứ cho nhau. Nếu ai có mặc cảm cho rằng, sự nhường nhịn là nhục nhã thì đó là hành động thiếu thiện chí, khiếm khuyết về giáo dục.

Vậy điều kiện mà con người phải biết là muốn tạo lập cuộc đời có ý nghĩa cần phải ghi nhớ hai chữ “Nhường nhịn” lẫn nhau. Chúng tôi xin nêu ra đây những lời khuyên về chữ “Nhẫn” của Đức Huỳnh Giáo Chủ để chúng ta suy ngẫm và thiệthành:

*Chữ thứ nhất Nhẫn-Năng-Xử-Thế
Là người hiền khó kiếm trong đời
Lập thân danh tuân trái nơi nơi
Chờ thời đại mới là khôn khéo
Chữ Nhẫn-Giái trì tâm trong trẻo
Khuyên dương trần giữ phận làm đầu
Nhẫn Hương-Lân cùng khắp đầu đầu
Trên cùng dưới đều hòa ý hỉ
Nhẫn Phụ Mẫu gọi trang hiền sĩ*

*Phận xướng tùy chồng vợ nhịn nhau
Nhịn xóm chòm cô bác mới cao
Nhẫn Tâm nọ ngày ngày an lạc
Nhịn tất cả những người tuổi tác
Nhẫn Tánh lành yên tịnh dài lâu
Giữ một lòng hiền hậu mới mau
Quanh năm cũng bảo toàn thân thể
Chữ Nhẫn Đức kể ra luôn thể
Thì trong đời vạn sự bình an
Chữ Nhẫn Thành báu quý hiển vang
Khắp bá-tánh được câu hoà nhã.*

Cũng vậy, trong “Mười Điều Khuyên Tu” của Đức Phật Thầy Tây-An, điều thứ năm về chữ “Nhẫn” như sau:

*Điều thứ năm quyết không hờn giận
Ghét ganh chi cho bận lòng mình
Con xem vạn quyển thiên-kinh
Hiền-nhơn quân-tử rộng tình vô câu
Muôn việc xảy bắt đầu sân nộ
Là nguyên nhân thống khổ ly tan
Chân truyền chánh pháp đạo tràng
Học xong chữ Nhẫn Niết-Bàn đâu xa.*

10. Tánh hỉ-xả

*Học câu hỉ-xả đại từ
Nêu gương nghĩa sĩ dạ tư chớ gần
Lời của Đức Huỳnh Giáo Chủ*

Hỉ là vui mừng, sung sướng, nghe được việc vừa ý, gặp được việc tốt lành. Đối nghĩa của *hỉ*, *xả* là ưu, sầu.

Xả là buông bỏ, không chấp giữ trong lòng. Đối nghĩa của *xả* là cố chấp.

Hỉ-xả là hai hạnh lành, tương quan mật thiết với nhau, như muốn vui theo người, muốn làm cho người vui, mình phải đừng chấp, phải *xả* bỏ hết mọi bất đồng ngang trái, những điều sỉ nhục người khác làm cho ta. Nếu không bỏ qua, không tha thứ thì không thể nào cùng vui với người khác cũng như làm cho người khác vui được.

Nhưng nên nhớ một điều “cực lạc sanh bi”, cứ vui mãi không biết lúc nào cần dừng lại thì cái vui đó sẽ biến thành buồn.

Cái vui của thế gian là cái vui theo cảnh dục lạc, phớt lờ đi hậu quả của nó dù cho ngày mai sẽ ra sao!

Trái lại cái vui trong đạo Phật là vui theo điều kiện chân-thiện-mỹ, là cái vui phát sanh từ lòng từ-bi, bình-đẳng, chớ không phải vì lý do ích kỷ nào khác.

Cái *xả* của đạo Phật không phải là bỏ qua những gì trái tai gai mắt, không phải bỏ qua những gì mà người khác làm ta đau khổ. Cái *xả* ở đây là cái *xả* tuyệt đối, không chấp bất cứ một cái gì về vật chất hay tinh thần dù ở vị trí phạm phu hay đã chứng được thánh quả.

Cái xả của người đi trên đường đạo là cái xả hết mọi thứ dục lạc như tiền tài, danh vọng, sắc đẹp, ăn uống, ngủ nghỉ.

Tánh nhẫn-nhục làm cho ta không phát khởi nóng giận, làm cho ta có sức chịu đựng sự khổ nhục, làm cho ta không nghĩ tưởng làm điều xấu. Còn tánh hỉ-xả làm cho ta nhẹ nhàng, thư thái, thường nghĩ về cái vui hồn nhiên trong sáng. Người hỉ-xả luôn gây được thiện cảm với mọi người; cho nên bất cứ nơi nào người hỉ-xả cũng được tiếp đón nồng hậu vì đem lại hòa khí cho mọi người.

Người có tánh hỉ-xả không còn bị phiền não chi phối, quấy nhiễu, không có kẻ nghịch làm chướng ngại nên có nhiều trợ duyên trên đường tu giúp tiến bước mau chóng quả bồ-đề.

Gương hỉ-xả của Đức Phật Thích Ca Mâu Ni

Đức Phật trước khi xuất gia, Ngài đã hoan hỉ xả phú cầu bần, xả thân cầu đạo. Ngài hỉ-xả bỏ lại tất cả những gì quý báu nhất mà người phàm phu hiếm có: Ngai vàng, điện ngọc, ngọc ngà châu báu, cha mẹ, vợ đẹp, con ngoan, mặc đẹp, ăn ngon... Ngài chỉ đem theo cái chí nguyện xuất gia cầu đạo giải thoát. Đó là xả phú cầu bần.

Sáu năm tu khổ hạnh, Ngài ăn uống đơn giản, hàng ngày chỉ ăn một chút ít đậu mè cho đến khi kiệt sức bị ngất xỉu. Trong Kinh A-Hàm có mô tả lúc đó thân Phật chỉ còn da bọc xương. Đối với thân mạng, Ngài còn không chút luyến tiếc miễn sao tìm được đạo giải thoát mà thôi. Đó là tinh thần xả thân cầu đạo của Ngài.

Ngài xả hết các thứ bên ngoài, rồi đến thân mạng và sau cùng là xả hết nội tâm của mình. Ngài buông bỏ hết niệm tưởng lăng xăng lộn xộn từ thô đến tế cho đến khi tâm hoàn toàn thanh tịnh không còn một chút ý niệm gì nên vào được đại định, phát triển tuệ-giác như thật của mình, thấu suốt tánh tướng của các pháp, liền được giác ngộ chứng quả vị Phật.

Với tâm từ, Ngài luôn luôn mang đến niềm vui cho mọi người không phân biệt. Với tâm bi, Ngài luôn cứu giúp người đau khổ bất hạnh. Với tâm hỷ, Ngài luôn luôn hoan hỷ việc lành, những thành tựu của người chung quanh, không có tâm ganh tị. Với tâm xả, Ngài không chất chứa trong lòng bất cứ điều phiền não nào dù nhỏ đến đâu. Trái lại Ngài luôn luôn tha thứ cho bất cứ ai gây phiền muộn, ác ý với Ngài như bọn Đề-Bà-Đạt-Đa, A-Xà-Thế, cô gái ngoại đạo độn bụng vu oan cho Ngài... Ngài đã không chấp nhất mà còn thương xót tế độ cho bọn họ.

Nếu chúng ta muốn được an nhiên tự tại, muốn được hạnh phúc hiện đời, chúng ta hãy noi gương Đức Phật tu theo bốn hạnh “Từ, Bi, Hỷ, Xả”.

Khi Đức Phật còn tại thế, trên đường đi hoằng hóa, có người cầm hai chậu bông đến cúng dường Phật với tâm mong cầu tu giải thoát. Lúc gặp mặt, Đức Phật bảo người kia buông, ông ta bèn buông tay trái, chậu bông rơi xuống đất. Đức Phật lại bảo buông, ông ta buông cả chậu bên tay phải rơi xuống đất. Đức Phật bảo buông, ông ta bèn thưa: Bạch Đức Thế-Tôn, hai tay con đã buông hết rồi, đâu còn gì để buông nữa? Liền Đức Phật dạy: “Nhu-Lai bảo ông buông lần thứ nhất là bảo ông buông sáu căn; lần thứ hai là bảo ông buông sáu trần; lần thứ ba là bảo ông buông sáu thức. Khi sáu căn, sáu trần và sáu thức không còn nhiệm trước, tức thập bát giới không thành lập thì ông được giải thoát”. Thập bát giới không thành lập là lục căn tiếp xúc với lục trần không sinh ra lục thức. Đó là cảnh giới của người “Vô tâm”, là người không có tâm niệm lăng xăng điên đảo, cho nên không có phiền não khổ đau. Đó là cảnh giới Niết-Bàn ở trong tâm chúng ta hiện đời, chớ không phải đợi hết thờ rồi mới thấy cảnh Cực Lạc.

Gương hi-xả của Đức Huỳnh Giáo Chủ

Đức Huỳnh Giáo Chủ thị hiện xuống cõi Ta-Bà này vào thời kỳ đặc biệt như Ngài nói: “Vì thời cơ đã đến, lý Thiên-Đình hoạch định”, Ngài vâng sắc lệnh của Đức Phật-Tổ:

*Ta thừa vưng sắc lệnh Thế-Tôn
Khắp hạ giới truyền khai đạo pháp*

Vì Ngài ở trong hàng chư Phật, chư Bồ-Tát “Thiên trước tòa sen có chỗ ngồi. Xuống trần chẳng dựng chôn cao ngôi”. Ngài xuống đất nước Việt-Nam mở đạo để hoàng hóa nhân loại chúng sanh trong thời kỳ hạ ngươn mặt kiếp:

*Ngày vâng chỉ đạo lai trần-thế
Cõi Trung Ương nhằm đất nước Việt-Nam
Chọn một chàng tuổi trẻ tục-phàm
Mượn tay gã, tờ hoa Thần hạ bút*

Trường hợp của Đức Huỳnh Giáo Chủ không giống như trường hợp của Đức Bổn-Sư Thích Ca Mâu Ni. Đức Phật trước khi thành Phật, Ngài cũng là nhân loại chúng sanh, xuất gia đi tu đắc quả thành Phật như chúng ta đã học qua về lịch sử của Ngài.

Đặc biệt về Đức Huỳnh Giáo Chủ, trước khi trở thành một vị giáo chủ, Ngài là một thanh niên sống trong một gia đình lễ giáo, cũng sinh hoạt bình thường như mọi gia đình trong xã hội đương thời. Một hôm Ngài hoá nhiên Đại-Ngộ-Đạo, hiểu biết tất cả mọi luân chuyển trong vũ trụ, sáng suốt hoàn toàn, như Ngài nói: “Nào ai biết tâm ta đời bác lãm” và Ngài tuyên bố “Nối theo chí Thích-Ca ngày trước” và “Ta dạy thế mượn lời Phật Thánh. Nên truyền ban cho chúng sanh tương”.

Mặc dù trong bài sứ-mạng của Ngài, do chính tay Ngài viết: “Nghĩ lúc còn làm người trong biển tục, lăn lộn chôn mê đồ, mà chẳng quản thân giúp thế cứu dân,

vong thân vị quốc, hướng chi nay cơ mầu đà thấu tỏ, sớm chiều hầu chơn Phật nghe kinh, ngao du tứ hải, dạo khắp Tiên-bang, cảnh an nhàn của người liễu-đạo, muôn ngày vô sự, lóng sạch phàm tâm, sao chẳng ngồi nơi ngôi vị hưởng quả bồ-đề trường thọ mà len lõi xuống chốn hồng trần, đặng chịu cảnh chê khen?”. Thực tế chúng ta không thấy Ngài đi đâu tầm sư học đạo, cũng như ẩn mình nơi am-cốc nào. Qua Sám Giảng Thi Văn Giáo Lý cũng chính tay Ngài viết ra, chúng ta không thể nào phủ nhận đây chính là một vị Phật lâm phàm hay một vị Đại Bồ-Tát hóa hiện để giáo độ chúng sanh.

Đức tánh hi-xả của Đức Huỳnh Giáo Chủ chỉ có trong các bậc Đại Bồ-Tát hóa hiện để dẫn dắt chúng sanh tu hành giải thoát, cho nên Ngài hoan hỉ:

*Chờ con đây đủ nghĩa nhân
Ra tay tế-độ dắt lần về ngôi
Có ngày mở rộng qui-khôi
Non thân vang chuyển Khùng ngôi xử phân
Huyền cơ máy tạo xoay vần
Đồng về Phật cảnh mười phần xinh tươi
Thánh Tiên vừa nhích miệng cười
Chúc mừng trần thế có người chơn tu*

Vì:

*Phật thương bốn đạo như con
Muốn cho bốn đạo lòng son ghi lời*

Với tâm hi, Ngài luôn luôn đem đạo lành ban rải khắp nơi với lòng ước ao “Ước mơ thế giới lân Hòa Hảo.

Nhà Phật con Tiên hé miệng cười” và “Mãng chò trông bá-tánh thanh thoi. Khấp bốn biển liên dây Hòa Hảo” cũng như “Ước trăm họ nhẹ mình có cánh. Đồng bay về Cực-Lạc một đàn”. Có được như vậy Ngài rất mãn nguyện:

*Thiết tha thiện tín cầu cầu nguyện
Vui đẹp dạ Thầy luống ước ao*

Hay:

Thỏa dạ Thầy nơi chốn mây rồng

Với tâm xả, Ngài không chứa điều hờn giận ai “Chớ chứa hờn đũa dĩa ích chi”. Dù cho hạng người hung dữ gây ác ý với Ngài như Mạnh-Xuân-Quả tức Giáo Xoài, Hương Lễ Uống và số người khác, nếu chúng ta tìm đọc trong Sám Giảng Thi Văn giáo lý của Ngài, chúng ta biết đó là ai. Ngài không oán trách, trái lại Ngài còn khuyên họ nên kính trọng Phật Tiên, tránh làm điều tội lỗi mà bị đọa tâm thân.

Ngài luôn luôn hi-xả cho những ai biết ăn năn hối cải quay đầu hướng thiện:

*Ai mà xét đến ăn năn
Quay đầu hướng thiện bản-tặng dất giùm*

Cư sĩ tại gia nuôi tánh hi-xả như thế nào trong đời sống hàng ngày

Chúng ta là người hành đạo tại nhà, nên tập tánh khoan dung đối với kẻ lỗi lầm ở xung quanh ta. Đừng chất chứa trong lòng những lời nói hay những hành động không đẹp để đối với ta dù vô tình hay cố ý họ đem đến cho ta những điều phiền muộn, như Đức Huỳnh Giáo Chủ dạy: “Ta thường nên tập tánh khoan dung. Tha thứ kẻ lỗi lầm ngu xuẩn”. Sự chung đụng trong trường đời với bao nhiêu điều phức tạp, ai cũng lo nghĩ đến quyền lợi nhỏ nào đó, đã vô tình tạo nên những lỗi lầm trọng đại đối với người sống chung quanh. Để có một cuộc sống tốt đẹp cho mình cũng như cho mọi người, ta nên đem sự thương yêu và tha thứ đối đãi với nhau trong tinh thần hi-lạc.

Tâm tùy-hỉ là tấm lòng quảng đại dẹp bỏ tính ích kỷ, ganh tị như thấy người khác thành công ta không ganh ghét dù là kẻ làm cho ta đau khổ. Trái lại ta còn hoan hỉ sự thành công của họ nhất là việc làm phước thiện tu bổ chùa chiền bị hư hoại hay tặng hội từ thiện một số tịnh tài nào đó chẳng hạn. Ta nên biểu lộ sự vui mừng với việc thiện người khác làm được. Với tâm tùy-hỉ ta cũng được phước báu như người đó, bởi vì như trong Kinh A-Hàm Đức Phật có dạy: “Khi có người mời ngọn đuốc được sáng rồi, nếu có người khác đến mời ngọn đuốc đó, thì ngọn đuốc sau cũng sáng như vậy, trong khi ngọn đuốc trước không giảm sáng chút nào”. Cũng vậy, nếu có người phát tâm làm việc phước thiện thì tâm từ-bi của họ tăng trưởng, tâm tham lam, keo kiệt của họ giảm bớt. Họ có được phước báu, giảm đi phiền não, dần dần tâm tánh

của họ thanh tịnh, cuộc sống của họ được an lạc, hạnh phúc. Nếu chúng ta phát tâm tùy-hỷ vui theo việc thiện của người khác thì tánh ganh tị của ta được giảm bớt, tâm từ-bi của ta dần dần tăng trưởng để rồi có đủ duyên ta cũng làm được việc phước thiện như họ.

Với tâm xả, tiến lên một bậc cao hơn của người tu giải thoát. Muốn được giải thoát, muốn nhẹ nhàng bước ra khỏi vòng trầm luân sanh tử luân hồi, ta cần phải xả. Xả bỏ những gì ta cho là quý báu dù là vật chất hay tinh thần. Có xả bỏ ta mới đi xa được, mới lên cao được. Nếu lục căn của chúng ta tiếp xúc với lục trần, đừng dính đừng mắc, cái gì cũng bỏ qua hết thì không còn gì để chứa vào tâm thức của chúng ta hết, đó là xả. Ví như có tiền của dư ăn dư để, đem bố thí giúp người nghèo khổ, đó là xả. Người đời ham tranh giành quyền lợi, còn mình tu, không còn tranh danh đoạt lợi, đó là xả. Những lời tranh cãi hơn thua mình cũng dẹp bỏ hết, đó là xả.

Xả phải đi với hỷ, phải xả với vẻ mặt vui tươi. Xả mà còn ưu phiền nuôi tiếc cái mà mình đã bỏ thì xả như vậy không có ích lợi gì cho ta.

11. Tánh tinh-tấn

*Chánh Tinh-Tấn dầu thành hay bại
Cứ một đường tín ngưỡng của mình
Dầu cho ai phá rối đức tin
Ta cũng cứ một đàng đi tới
Lời của Đức Huỳnh Giáo Chủ*

Tinh là chuyên ròng, thuần nhất không xen tạp. *Tấn* là siêng năng tiến tới không thối lui. Theo nghĩa thông thường tinh-tấn là siêng năng, chuyên cần. Trong tinh-tấn có siêng năng, chuyên cần để đạt mục đích chân chính tốt đẹp, đồng mãnh và bền chí tu tập các thiện pháp, trong tâm đoạn tuyệt những mối ác trực, nghịch lại không phải siêng năng, chuyên cần trong mục đích không tốt đẹp, hẹp hòi, ích kỷ.

Tinh-tấn trong đạo Phật có những tính chất và phạm vi rõ ràng như: Xa lánh phiền não, ngăn ngừa tội lỗi, điều làm ác tiềm phục trong ta khi chưa phát khởi. Ví như từ trước ta chưa hề nhiễm vào rượu chè, cờ bạc, hút sách, gian tham thì từ đây về sau ta phải giữ gìn tính xấu ấy không cho phát sinh. Tinh tấn lướt qua phiền não, việc dữ khi đã phát sanh, đã phạm. Giả như đã phạm phải việc dữ như trộm cắp, dâm dật v.v. Thì từ nay ta phải cương quyết diệt trừ nó đừng cho tiếp tục tái phạm nữa. Tinh-tấn mở thông đức lành, việc lành mà mình chưa phát. Ví như từ trước đến giờ ta chưa bố thí cho người nghèo khổ, bệnh vực cho kẻ cô thế yếu hèn, chưa từng đi chùa lễ Phật, thì nay ta quyết tâm thực hiện những điều thiện lành đó. Tinh-tấn để duy trì, tăng trưởng việc lành mà mình hiện có, như ta đã và đang tu tâm dưỡng tánh, bây giờ ta tiếp tục làm những công việc ấy nhiều hơn.

Tóm lại tinh-tấn là siêng năng không ngừng nghỉ trong công việc, diệt trừ, chặn đứng cái xấu, ác và làm

phát sinh tăng trưởng cái đẹp, cái thiện đi đến chung cuộc là giải thoát hoàn toàn.

Tinh-tấn là động lực mạnh mẽ thúc đẩy ta đi theo con đường thiện lành. Nếu không có tinh-tấn, dù ta có kế hoạch, có chương trình tốt cũng không thực hiện nổi công việc có ích cho ta cũng như cho xã hội. Tinh-tấn cũng giống như nhiên liệu của chiếc xe. Thân người giống như chiếc xe. Xe dầu tốt, người lái giỏi, mà nếu không có nhiên liệu thì xe vẫn ở một chỗ.

Trong lịch sử nhân loại, ta thấy có biết bao vĩ nhân lưu danh muôn thuở là nhờ có tánh tinh-tấn, ý chí dũng mãnh quyết tâm giúp ích cho đời. Tinh-tấn là điều kiện cần thiết cho người tu hành dù thất bại không ngã lòng, cố gắng vùng lên, không thối chí trước mọi trở ngại. Nhờ tinh-tấn ta chiến thắng tất cả từ ngoại cảnh cho đến nội tâm và sự thành công sẽ đến dù chậm hay mau. Người tu hành mà không tinh-tấn chẳng khác nào người muốn qua sông mà không có thuyền bè. Tinh-tấn chính là ý chí và nghị lực của hành giả muốn đi đến quả vị Phật.

Gương tinh-tấn của Đức Phật Thích Ca Mâu Ni

Đức Phật là gương tinh-tấn cao quý, rực sáng nhất trên đời này. Nhờ tinh-tấn tu hành mà Ngài thành Phật cách đây hơn hai mươi lăm thế kỷ.

Trên đời này, chỉ có duy nhất Đức Phật có ý nguyện vĩ đại và cao xa nhất là nghĩ đến tự giải thoát ra khỏi luân hồi sanh tử và tìm con đường giải thoát cho toàn thể nhân loại chúng sanh. Với ý nguyện ấy Ngài đã cương quyết lia bỏ cung điện trong đêm tối. Ngai vàng, điện ngọc, vợ đẹp, con ngoan không thể giữ chân Ngài lại được. Rừng thiên nước độc không làm Ngài thối chí nản lòng. Nắng mưa đói rét không làm Ngài nhụt chí. Một khi đã ra đi Ngài không bao giờ nhìn lại quá khứ cao sang tột đỉnh mà nuối tiếc. Con đường trước mắt của Ngài là chỉ có tiến lên cao chớ không thể lùi bước. Mỗi bước đi là mỗi bước tiến. Lúc chưa đạt đạo, Ngài quyết tâm tìm cho được đạo. Khi tìm ra đạo rồi, Ngài quyết tâm dẫn dắt chúng sanh trên đường đạo ấy. Tự-giác, giác-tha rồi giác-hạnh viên mãn. Những thành tựu đó là nhờ tinh-tấn.

Thế gian này có mấy ai nói được câu quyết liệt đầy nghị lực như Ngài nói: “Nếu không chứng được đạo quả, dù thịt nát, xương tan, ta quyết không rời khỏi chỗ ngồi này”. Cũng như có ai ngồi thiền định dưới cội bồ-đề 49 ngày liền giữa rừng núi u-tịch mà không có một giây phút thôi chuyển!

Gương tinh-tấn của Đức Phật đã khích lệ trong lòng chúng ta và làm cho chúng ta càng thêm phấn khởi quyết tâm trên đường tu học.

Gương tinh-tấn của Đức Huỳnh Giáo Chủ

Trong bài sớ-mạng do Ngài viết, có đoạn nói: “... Bởi đời này pháp môn bế-mạc, Thánh đạo trần vu, người tâm trí tối đen, đời lăm Ma-Vương khuấy rối. Ta là một trong các vị cứu đời ấy. Ai liễu đạo nơi quốc độ nào thì cũng phải trở về quốc độ ấy mà trợ tế nhân dân; vì thế lòng từ-bi bác-ái cùng thù đáp những linh hồn đã trợ duyên trong nhiều kiếp giúp ta nương cây tu hành, nên ngày 18 tháng 5 năm Kỷ-Mão, ta hóa hiện ra đời cứu độ chúng sanh...”

Ngài cũng như bao nhiêu chư Đại Bồ-Tát, chư Phật trước khi hoàn thành sớ mạng đều lập lời thệ nguyện cao cả để vững bước tiến dù phải chịu gian nan nguy khốn:

*Cảnh Thiên-Trước thom tho nồng nặc
Chẳng ở yên còn xuống phàm trần
Áy vì thương trăm họ vạn dân
Nên chẳng kể tâm thân lao khổ*

Chỉ một lòng tinh-tấn, một chí hướng quyết độ đời mà thôi:

*Dầu cho xoay chuyển đất trời
Lòng ta chí dốc độ đời mà thôi.*

Ngài độ đời vì lòng từ-bi vô lượng dù phải chịu đắng cay, chẳng quản thân danh, chẳng màng nguy hiểm:

*Thương đời phải chịu đắng cay
Thân danh chẳng quản chông gai chi sờn*

Dù cho đời có bạc đãi, dù có sự ghét ưa của sanh chúng, Ngài cũng quyết nêu cao ngọn đèn chân-lý soi đường minh thiện cho bá-tánh vạn dân hết tăm tối:

*Quản chi lực kém tài hèn
Dù đời bạc đãi ngọn đèn cứ nêu*

*Quyết lòng độ tận trong sanh chúng
Ai ghét ai ưa cũng mặc tình.*

Ngài mở đạo dạy đời trong thời kỳ đạo Phật bị đình đốn do hạng tu hành dối thế làm điều tà-mị dẫn dắt chúng sanh làm sai lệch đi chánh pháp của Đức Bổn Sư Thích Ca Mâu Ni. Cũng như bọn Pháp lang-sa đang thống trị nước ta.

Ngài phải đương đầu với bọn thực-dân Pháp lúc nào cũng kềm chế Ngài không được tự do truyền dạy đạo, rồi đến bọn tu hành giả dối lúc nào cũng châm chích Ngài vì những điều khuyên của Ngài hãy trở về đường ngay nẻo chánh.

Ngài đã quyết tâm không thối chuyển “Dù gian lao dạ sắt chẳng sờn. Miễn sanh chúng thông đường giải thoát”, dù hoàn cảnh có thế nào Ngài cũng tinh-tấn đi theo bước đường của Ngài đã vạch ra:

*Ta bước, bước đường gập nẻo chông
Mà không nản chí với nao lòng*

*Dắt dìu nhân loại câu huyền bí
Bủa đức dạy đời rạng Á-Đông*

Cái chí nguyện cao cả nhất của Ngài là lời thệ nguyện: Ngày nào mà nhân loại còn đau khổ thì ngày ấy Ngài chẳng an vui nơi Tịnh-Độ:

*Nếu thế gian còn chôn mê tân
Thì ta chẳng an vui Cực-Lạc*

Khi nào nền đại đạo được khai thông, đước từ-bi được thấp sáng nơi nơi, bể trầm luân khô cạn sáu đàng thì ngày ấy Ngài mới trở về ngôi vị cũ:

*Nếu ngày nào khai thông Đại Đạo
Đước từ-bi rọi khắp dương gian
Bể trầm luân khô cạn sáu đàng
Tăng sĩ mới trở về nơi thanh tịnh*

Khi mà chúng sanh hết còn trầm luân trong biển khổ, tức là ngày thế gian hết phiền não, ngày mà Chúa vững ngai vàng trong cõi đời Thượng Nguơn, thì ngày đó Ngài mới rời cảnh tục trở lại cảnh Tiên:

*Chúa vững ngai-vàng, Sãi mới yên
Rời ngay cảnh tục trở về Tiên
Chẳng còn tham luyến nơi trần thế
Vì cả thế gian hết não phiền*

Xem đó chí nguyện của Đức Huỳnh Giáo Chủ thật là vĩ đại chỉ hàng đại Bồ-Tát mới phát thệ nguyện như thế.

Ngài tin chắc rằng, dù gặp phải sóng gió trên bước đường hoằng pháp, thành bại là lẽ thường, nhưng tà phải khuất phục chánh để rồi vạn dân sẽ hưởng được đời chung Cực-Lạc.

*Thân hành đạo ba giềng năm mối
Dù gặp cơn gió thổi mưa tuôn*

*Bại rồi thành lại nên tuồng
Vạn dân hưởng được nước nguồn Ma-Ha*

*Dù cho nay xa cách Sở Tê
Sau thấy tớ gặp nhau Phật cảnh*

Đức Huỳnh Giáo Chủ khuyên chúng ta hãy tinh-tấn giữ đức tin cho mạnh mẽ: “Dầu các thị-dục có lớn lao thế mấy, dầu cho có sức lực gì cảm dỗ hay bức bách bỏ lòng tín ngưỡng Phật Trời đặng theo việc khác, các sự ấy cũng chẳng thể lôi kéo được. Và ta luôn luôn phải nhớ đến công cuộc cứu vớt quần sanh thoát nơi khổ hải của Đức Thế Tôn, phải nhớ rằng sanh linh đang chìm đắm trong bể hồng trần, rằng ngày giờ nào còn có kẻ trong chúng sanh chịu khổ, thì ta cũng phải khổ vì họ vậy, rằng ta có cái bản phận giác ngộ trần gian bỏ những oan trái luân hồi cay nghiệt. Muốn thế trước hết phải tìm phương tự

giác, nhắm cảnh Niết-Bàn tấn tới; quyết chí tu hành đắc thành đạo quả hầu dứt dứt búa-tánh thập phương xa miền tục lụy. Người bỏ hết các sự rầu-buồn, các điều tà-vạy, dẹp lục căn, lục trần và rần làm cho tinh thần được thêm sáng suốt, rèn luyện các đức tánh cho thiện-mỹ: Yên tịnh, hỉ-lạc, nghiêm-trang quyết gắng công phu, một lòng bước tới Niết-Bàn đặng có tế độ chúng sanh thoát khổ trầm luân quả báo”.

Cư sĩ tại gia tu theo đạo Phật tinh luyện tinh-tấn như thế nào?

Muốn dưỡng tánh tinh-tấn, chúng ta cần phải xét theo hai mặt: Đời và Đạo.

Về mặt đời, ngăn ngừa tính háo thắng trong con người đừng cho phát khởi. Nó là nguyên nhân gây ra bao thất bại vì không biết lượng sức mình, tỏ ra là người thông thạo hơn người muốn làm những việc ngoài tầm hiểu biết của mình; cho nên dù có tinh tấn bao nhiêu cũng phí công vô ích. Phải biết mình, biết người mới vững vàng tiến bước.

Lại phải canh phòng tánh nóng nảy, hấp tấp muốn mau đạt kết quả. Mọi sự việc trên đời muốn thành tựu đều phải có thời gian phát triển, trưởng thành dần dần. Ta quên điều này thì không có kết quả tốt nào đem đến. Như anh chàng mê muội muốn cho đám mạ của ruộng mình mau thu hoạch, nên một ngày nọ ra công nhóm chun từng gốc mạ. Làm xong về nhà khoe với mọi người

trong gia đình là việc làm của anh ta vừa xong và những cây mạ giò đây trông cao lên sẽ mau có bông. Các người con liền chạy ra ruộng để xem cho biết sự việc. Thế là thất vọng trở về nhà cho biết đám mạ trong ruộng đã khô héo hết! Vậy mùa thu hoạch đã qua, chỉ còn con số không. Kết quả tánh hấp tấp thiếu suy nghĩ lợi và hại là như thế.

Cho nên muốn có sự tinh-tấn có kết quả tốt, cần phải có phương pháp làm việc, dứt hẳn tính háo thắng nóng nảy gấp gáp. Một người có tinh thần cầu tiến, đặt ra mục đích cao xa, nhưng phải bước từng bước mà tiến, hết giai đoạn này đến giai đoạn khác, đi từ gần đến xa, từ thấp lên cao, từ dễ đến khó. Tiến đều đặn không mau cũng không chậm. Đừng chạy quá nhanh rồi ngồi nghỉ thờ, không muốn đứng dậy nữa.

Về mặt đạo, chúng ta hãy nên tinh tấn tu thập thiện để diệt trừ thập ác. Mỗi khi một tánh ác được loại trừ, ta thay vào đó một tánh thiện đối lập lại và cứ như thế cho đến khi nào tánh ác không còn nữa mà chỉ còn lại toàn tánh thiện.

Đối trị của thập ác là:

1. Không giết hại sanh mạng, mà còn tha thứ phóng sanh.
2. Không ăn trộm, ăn cắp tài vật của người, mà còn phải làm việc bố thí.
3. Không dâm bậy vợ người, con của người mà còn

- phải cung kính hàng phụ nữ.
4. Không nói láo, mà phải nói thành thật ngay thẳng
 5. Không nói trau chuốt, thô tục, mà phải nói việc nhân nghĩa, hữu ích cho người đời.
 6. Không nói lời độc ác làm cho người chia rẽ thù hằn nhau, mà phải nói cho người ta hòa hợp thương yêu nhau.
 7. Không nói lời độc ác nguyên rửa, mắng chưởi người mà phải nói lời hòa nhã, nhu thuận, hiền lành.
 8. Không tham lam, xảo trá, mà phải suy xét mọi vật ở thế gian này đều là vô thường.
 9. Không oán hờn, mà phải nhẫn nhục đối với chúng sanh.
 10. Không mê muội, không tà-kiến, mà phải phát huy trí-tuệ, hành chánh kiến.

Sự lười biếng nó bào mòn tánh tinh tấn của ta. Vậy muốn tinh-tấn thì phải siêng năng. Có siêng năng thì mình mới thấy được ái yếu điểm của mình. Siêng năng trong việc hành đạo là theo dõi từng tâm niệm của mình để loại trừ những thói hư tật xấu. Siêng năng liên tục mới làm chủ được tư tưởng mộng lung. Càng siêng năng thì những tập quán xấu càng giảm dần, không còn chạy theo trần cảnh nữa.

Trong công phu tu tập, nếu không siêng năng thì không bao giờ có tiến bộ. Hành giả đi trên đường đạo hơn ai hết gặp nhiều chướng ngại khó khăn nên cần phải siêng năng tinh-tấn vượt qua. Siêng năng tinh-tấn thể

hiện qua từng hành động, từng thói quen nhỏ. Chẳng hạn như mỗi ngày ta công phu hành đạo hai thời sáng, tối. Nhưng tới giờ lễ lạy, mình còn vướng một chút công việc rồi tự nói: “hôm nay bận phải cho xong công việc, thôi buổi hành lễ để ngày mai cũng được”. Nhưng nếu hôm nay vướng một chút, bỏ qua thời công phu, rồi ngày mai cũng vướng một chút khác, rồi lại tiếp tục mất công phu. Cứ thế kéo dài từ ngày này sang ngày khác, tháng lụn, năm tàn chiếm hết thời khóa công phu hành đạo của chúng ta. Không nên dễ dãi với bản thân mình phút ban đầu là ta tự chôn mình bởi những thói quen đó.

Người tu theo đạo Phật, cần phải có sự khắc định, khắc tĩnh. Định tĩnh để không lay chuyển, không dễ người xem thường thời khóa. Đừng bao giờ tư duy ngày nay thế này ngày mai lại khác, việc tu phải cần và chuyên, nếu không sẽ không đi đến đâu hết. Việc tu cần phải thiết hành liên tục, không thể ngày một, ngày hai mà xong được. Tu là tu tiến chứ không được thụt lùi như lời của Đức Huỳnh Giáo Chủ cảnh giác: “Việc tu bá-tánh bán lùi như tôm” hoặc “Tu theo nước lớn rồng bèn thả trôi”.

Việc tu hành không phải là cầu may. Luật nhân quả chi phối cuộc đời của mỗi chúng sanh. Người công phu tu hành như thế nào thì sẽ được kết quả như thế ấy, chắc chắn không sai. Người tu hiểu luật nhân quả, hành trì theo nhân quả thì chẳng sợ gì cả. Còn lo lắng sợ sệt thế này thế nọ là chưa hiểu luật nhân quả. Kinh sách Phật

dạy, người gây nhân bất hảo thì hưởng quả không lành; gây nhân tốt thì được quả tốt đem lại. Là định luật bất di dịch, nên Đức Huỳnh Giáo Chủ đã cảnh tỉnh: “Luật nhân quả thật là cao viển. Suốt cổ kim chẳng lọt một ai. Vậy ta nên làm việc thẳng ngay. Hãy bền chí có ngay thong thả”.

Ai muốn thi đậu phải siêng năng học tập, muốn tu hành kiến tánh thì phải công phu liên tục, nhất định có ngày sẽ thành công.

Phải phá tan tư tưởng hoài nghi, nghi ngờ về Tam Bảo, nghi ngờ về tánh giác ngộ của chính mình. Trong số người tu theo đạo Phật, cũng còn có người còn nghi ngờ về lời Phật dạy. Người như vậy chưa vững niềm tin vào Phật pháp, nên Đức Huỳnh Giáo Chủ khuyên:

*Dân với chúng còn nghi mãi mãi
Đạo tu hành nói phải mà nghe.*

Đức Phật đã từng dạy chúng ta đến với Như-Lai là để suy nghiệm chớ không phải đến để mà tin. Đức Phật không chấp nhận cuồng tín hay nghe đồn đãi linh nghiệm mà chúng ta đến với Ngài. Ngài dặn dò môn-nhân đệ tử muốn học theo Ngài phải hiểu Ngài rồi mới tin Ngài, tu theo giáo lý của Ngài. Vậy làm sao hiểu Phật? Muốn hiểu phải có trí-tuệ làm chủ được các cảnh duyên, không được phóng tâm, là “Tâm viên ý mã”. Không để thất-tình lục-dục lôi cuốn, quấy rầy làm mất thì giờ của mình.

Định thời khóa tu tập và tự tuân thủ, như vậy là tin Phật, tu theo Phật.

Hãy nhìn vào gương Đức Phật Thích Ca Mâu Ni, trước khi thành Phật, Ngài không phải là một vị Thánh có những biến hóa thần kỳ rồi mới vào thế giới Phật được. Ngài cũng là một chúng sanh, trải qua nhiều kiếp số, trải qua những khổ đau trong luân hồi sanh tử. Ngài đã có mặt tại Ấn-Độ cách nay hơn hai mươi lăm thế kỷ, con vua Tịnh-Phạn và hoàng hậu Ma-Da với tên Sĩ-Đạt-Ta. Lớn lên cũng lập gia đình, rồi xuất gia tu hành. Trải qua thời gian tâm đạo và tu khổ hạnh trong rừng già, tinh-tấn dũng-mãnh, cuối cùng Ngài thành tựu đạo quả Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác tức là Phật.

Chúng ta hãy lắng nghe với lòng tôn kính lời Đức Phật Thích Ca dạy: “Ta hãy tinh-tấn nỗ lực thêm lên mãi, để đạt được mục đích nào ta chưa đạt được, để làm chủ các pháp nào ta chưa làm chủ được, để thực hiện những đức tính nào mà ta chưa thực hiện được. Siêng năng tinh-tấn thì không việc gì khó khăn. Siêng năng tinh-tấn như giọt nước thường nhỏ có thể xuyên thủng đá. Người tu hành mà biếng nhác, thì khác nào như người cọ cây lấy lửa, cây chưa kịp nóng đã nghỉ, dầu tha thiết được lửa, lửa cũng không vì thế mà có được. Hãy siêng năng tinh-tấn không dừng”.

Đức Phật cũng dạy: “Này các đệ tử, các vị nên nhận thức rằng mọi vật thể, hiện tượng trên thế gian này đều biến chuyển, vô thường, có kết hợp thì phải có tan rã,

chẳng có gì để quyến luyến, thương tâm. Cuộc đời là như thế, các vị phải nỗ lực tinh-tấn để tự giải thoát. Dùng ánh sáng trí-tuệ để tiêu diệt bóng tối si mê. Đời là một sự vận hành không kiên định. Nay các đệ tử, các vị phải tha thiết tìm kiếm con đường giải thoát. Toàn thể thế giới từ những vật thể đang vận động cho đến các vật thể không vận động cũng đều không thường còn và không có thực thể, rồi phải đến lúc hoại diệt”.

Nếu ta làm được những điều mà Đức Phật và Đức Huỳnh Giáo Chủ dạy là ta đã dưỡng tánh tinh-tấn của Phật đã có sẵn ở trong ta.

Tóm lại muốn “Tu tâm” nghĩa là chừa bỏ những tâm niệm xấu ác và phát huy những việc thiện lành. “Dưỡng tánh” nghĩa là nuôi dưỡng, phát triển những đức tính tốt đẹp như đã trình bày. Những đức tính tốt đẹp này thay cho những tâm niệm bất thiện, nếu tu tập lâu ngày sẽ giúp ta giác ngộ và chuyển hóa vọng tâm thành chân tâm là giải thoát khỏi sinh tử luân hồi. Chúng ta đều biết đời là biển khổ. Khổ nhiều vui ít. Khổ, vui, an lạc, hạnh phúc trải qua nhiều đời nhiều kiếp cũng đều do chính chúng ta tạo theo định luật nhân quả. Chúng ta tạo ra nhân nào trước đây thì bây giờ chúng ta nhận cái quả tương ứng không sai. Chư Phật và chư vị tu hành đắc đạo cũng không đi ra ngoài luật nhân quả. Giờ đây các Ngài đã ra ngoài vòng sinh tử luân hồi vì nhờ biết tu theo đúng chánh pháp của Phật, không còn khổ đau hay ràng buộc của cuộc đời.

Vậy muốn khỏi khổ đau, muốn được an vui, chúng ta hãy phát tâm bồ-đề tu ngay bây giờ, mà “Muốn tu hành thì phải cần chuyên”, nên chúng ta phải phát tâm cầu học Phật pháp siêng năng tinh tấn. Chỉ có cách đó mới giúp ta sớm giác ngộ. Chúng ta hãy tự xác định lại mình thuộc hạng nào. Nếu đến với Phật để cầu xin điều nọ điều kia hay cầu cho được bình an được mọi sự như ý thì hãy nên sớm thức tỉnh chuyển hướng tu hành để trở thành người tu hành chân chính đúng theo chánh pháp. Nếu đến với Phật, tu tâm dưỡng tánh thì nên cố gắng nỗ lực hơn nữa để giải trừ tánh xấu, giảm bớt phiền não, lần lần tiến thẳng lên đường giác ngộ, giải thoát khỏi vòng sanh tử luân hồi.

Toàn thể người tu hành như chúng ta phải là người chánh tín, chớ không như kẻ mê tín dị đoan bị màn vô minh đen tối che khuất “Màn vô minh che mờ căn trí. Nên thường hay nhận nguy làm chơn” như lời của Đức Huỳnh Giáo Chủ thuyết. Ngài đã đem ngọn đuốc chánh pháp của Đức Phật để khai hóa chúng sanh còn u tối:

*Khai ngọn đuốc từ-bi chí thiện
Tìm con lành dắt lại Phật đường
Thương dân hiền giáo đạo Nam-phương
Đặng chỉ ngõ làm lành lánh dữ*

Nhờ học hiểu Phật pháp, biết tu tâm dưỡng tánh nên người tu hành tạo được cảnh giới Niết-Bàn an lạc hiện đời cho cả cư sĩ tại gia hay tăng-sĩ xuất gia.

II. ĐỪNG CHO MA NGHIỆP VỌNG TÂM SANH

Đức Huỳnh Giáo Chủ nói “Ma nghiệp” là ám chỉ cái ác nghiệp của ta tạo ra bởi sự ác bằng xác thân, bằng lời nói, bằng ý nghĩ, che lấp chánh đạo, phá hoại huệ mạng.

Chữ “Nghiệp” theo tiên Phạm là karma, người Trung-Hoa dịch là nghiệp.

Nghiệp là thói quen hành động, nói năng hay suy nghĩ hằng ngày của chúng ta trong cuộc sống, trong việc làm, trong giao tiếp, tại nhà hay sở làm hay bất cứ nơi nào. Hành động này là hành động có dụng ý, tức là người hành động với ý thức hành động của mình. Trái lại nếu không có dụng tâm thì không gọi là nghiệp. Chính vì vậy, Đức Phật xác định con người là chủ của nghiệp và cũng thừa tự nghiệp của mình. Người tạo ra nghiệp có dụng tâm thì nghiệp quả ấy mình phải nhận lấy không thể trốn chạy được. Hay nói cách khác con người chủ động hành vi của mình và chịu trách nhiệm về hành vi đó trong cuộc sống hiện tại và tương lai của mình không qui trách cho thánh thần hay một lực siêu nhiên nào. Con người chịu trách nhiệm với con người về hành vi tạo nghiệp hạnh phúc hay đau khổ.

Nghiệp có hai loại: Nghiệp thiện và nghiệp bất thiện. Tuy nhiên nếu bàn xét về chữ nghiệp, người ta thường đề cập đến nghiệp bất thiện, ác nghiệp, tà nghiệp, ma nghiệp.

Nghiệp từ đâu mà có? Theo nhà Phật thì nghiệp đến từ ba chỗ: Thân, miệng, ý.

Thân làm điều lành thì gọi là tạo nghiệp lành, làm điều xấu dữ gọi là nghiệp ác. Miệng nói lời tốt lành thì tạo nghiệp lành, nói lời hung dữ là tạo nghiệp ác, ý nghĩ điều hay lẽ phải là tạo nghiệp lành, nghĩ điều xấu là tạo nghiệp ác.

Trong ba nghiệp, ý là chủ động. Ý nghĩ tốt thì miệng nói tốt, ý nghĩ xấu thì miệng nói xấu, thân làm xấu. Tội lỗi hay phước đức đều từ gốc ý mà ra. Cho nên chúng ta tu là để giảm bớt tham, bớt sân và bớt si là nhắm vào gốc của ba nghiệp. Phải cố gắng làm chủ ba độc tham, sân, si thì đời sống của chúng ta mới được bình an. Nếu không làm chủ được chúng thì khổ đau liên miên không dứt.

Ba nghiệp thân, khẩu, ý là động cơ dẫn dắt chúng sanh vào vòng trầm luân sanh tử luân hồi nhiều đời nhiều kiếp. Cho nên muốn thoát ly sanh tử luân hồi người ta phải dừng nghiệp. Chúng ta phải dừng lại tất cả nghiệp ác từ thân, khẩu, ý của mình và chuyển chúng thành ba nghiệp thiện hành.

Nhưng mà sống ở thế gian này “Việc ác không làm” không phải là điều dễ dàng. Việc xấu ác là việc làm không tốt, đáng khinh, đáng trách, trái với đạo đức, không hợp lẽ phải, lợi mình hại người, gây phiền não, tạo khổ đau đem tai họa đến cho người khác do tâm ích kỷ,

cống cao ngã mạn, khen mình, khinh người, ganh tị hơn thua, phải quấy. Những cái xấu này phát xuất từ tham, sân, si. Do nghiệp chướng huân tập lâu đời, do thói quen trong cuộc sống thường ngày, con người làm việc xấu, hại người lợi mình một cách dễ dàng, cho nên muốn dừng lại không làm nữa cũng rất khó khăn.

Cũng vậy sống ở thế gian “Làm hết các việc từ thiện” không phải là điều dễ dàng. Những việc tốt, những việc lành đáng khuyến khích, đáng quý trọng hợp với đạo đức, lợi mình lợi người, không làm phương hại đến người và vật. Người có tâm từ, sẵn lòng giúp đỡ người khác, đem lại an vui cho mọi người không phân biệt kẻ thân người sơ. Làm việc phước thiện mà không cầu danh, không vụ lợi, không có dụng ý, không cầu báo đáp lại càng khó khăn hơn nữa.

Muốn ngăn ngừa ma nghiệp lôi kéo, dẫn dắt ta vào đường tà-vạy, quấy phá cái chân tâm, Phật tánh của mình, phải kiên tâm làm theo lời dạy của Đức Huỳnh Giáo Chủ: “Thầy cảnh tỉnh giác ngộ điều gì chánh đáng thì khá vâng lời” và hãy “Tỉnh ngộ nghe Thầy dạy hỏi con!”. Ngài nói tiếp: “Thầy xét trong tam nghiệp, các trò còn mang nặng lắm. Trong đường tu nương theo tam nghiệp, thì khổ não lắm. Chúng sanh tịnh được tam nghiệp mới mong về cõi Phật. Tam nghiệp là: Thân nghiệp, khẩu nghiệp, ý nghiệp”. Ngài không nói suông, Ngài chỉ cho chúng ta phương pháp để thiết hành giữ cho tam nghiệp hằng thanh tịnh. Ngài dạy:

Về thân nghiệp:

- Không sát sanh, hại mạng bất cứ loài sinh vật nào.
- Không được trộm cướp của người.
- Không được gian dâm với chồng, vợ hoặc con của người khác.

Về khẩu nghiệp:

- Giữ lời nói mình được thành thật chánh đáng, tránh sự khinh miệt kẻ khác.
- Không ý có nhiều tiền bạc xài-xỉ người nghèo, không ý sự khôn lanh nói điều thất thiệt, không ý có học thức khôn ngoan dùng lời nói hạ nhục người dốt nát.
- Không được kêu réo Phật Trời, mời thỉnh Long Cung, làm như vậy càng thêm tội lỗi.
- Không dùng lời lẽ tục tằn, thô lỗ từ trong gia đình cho đến ngoài xã hội. Hãy dùng lời lẽ êm dịu thanh bai.
- Không nên tráo-trác với người, bỏ tiếng xảo ngôn, dùng lời chơn chất.

Về ý nghiệp:

- Dẹp lòng vị kỷ tham lam, lo vun tròn phước đức, bố thí kẻ nghèo, rán công phu sám hối để có thể yên vui miền Cực Lạc, lánh sự giả tạm ở cõi đời này.
- Hãy nhẫn nhịn và chẳng nên cãi cọ tranh luận hơn thua làm cho nảy sanh ra những điều hiềm khích.
- Hãy xóa bỏ các điều mê tín, quy thuận theo tinh thần đạo đức, lánh chốn mê lầm, tỉnh cơn mộng huyễn, phá tan màn vô minh che mờ tâm trí, lần bước lên con đường đạo hạnh, đi đến chỗ bất sanh, bất diệt.

Một điều chúng ta cũng nên lưu tâm, nghiệp là một định luật rất công bằng. Đức Phật dạy ai gây nghiệp nào thì phải đền trả nghiệp ấy, người khác không thể được. Cho nên chúng ta muốn được an vui thì cố gắng tạo nghiệp thiện lành, tránh tạo nghiệp dữ để khỏi lâm vào cảnh khổ não. Nghiệp lành hay nghiệp dữ không ai tạo dùm hay hưởng dùm ai được.

Trong Kinh A-Hàm có nói: Người tu Phật và người không tu Phật, nếu làm mười phần lành thì hưởng hết mười phần tốt, làm mười phần xấu thì phải chịu mười phần xấu. Không phải người không tu Phật làm ác mới

chịu khổ, còn người tu Phật có làm ác, được Phật giảm tha. Mình và người làm điều lành hay làm điều ác đều chịu quả báo như nhau, không có ân huệ riêng tư nào cho ai vì lý nghiệp báo rất công bằng cho tất cả mọi loài sinh vật.

Đức Huỳnh Giáo Chủ dạy: “Trở về cội phúc đường chân đạo”. Chân đạo là con đường chân chính hay nói cách khác là chánh pháp. Chánh pháp không dành riêng cho người tu theo đạo Phật hay bất cứ một ai. Chánh pháp là chân lý mà bất cứ người nào với “Tâm bình thường” đều có thể tìm hiểu và thiết hành được không phân biệt.

Chánh pháp trong đạo Phật là vô tư không phân biệt. Cho nên người Phật tử cần phải sáng suốt, không được suy tưởng sai lầm mình là Phật tử, nếu có làm điều gì sai phạm, sám hối sẽ hết lỗi. Chữ “Sám hối” có nghĩa là chừa bỏ lỗi cũ và không tạo lỗi mới. Người biết sám hối là người biết chừa lỗi cũ, không tạo lỗi mới, nhờ vậy được giảm bớt tội. Người không hiểu biết sám hối, trước làm tội, nay tiếp tục làm, tội càng tăng thêm, dù cho có sám hối, van xin, lạy Phật mòn gối sám hối cũng không thể nào bớt tội được.

Có khi người Phật tử không hiểu ý nghĩa của sám hối, nên vào chùa lạy Phật xin sám hối, rồi về nhà tự nghĩ hôm nay đã lạy Phật xin sám hối, những tội lỗi cũ đã xí xóa, từ nay nếu có gây tội mới, ngày kia sám hối nữa sẽ hết. Cứ tha hồ làm tội rồi sám hối, Phật sẽ xóa sổ đều

đều lo gì. Sám hối như vậy đã không hết tội mà tội lỗi càng tăng lên.

Nên hiểu rằng Đức Phật Thích Ca cũng như Đức Huỳnh Giáo Chủ là đấng đạo sư, là người chỉ đường dẫn lối chứ không phải là người quyết định nghiệp quả của mình “Vì nếu ta làm tội sẽ hưởng tội”, các Ngài không đưa đón mình lên thiên đàng hay đày đọa mình xuống địa ngục.

Có biết bao nhiêu bậc thánh hiền, dù quá khứ có làm điều bất thiện, nhưng nhờ các ngài tinh mộng, qua cơn mê, quay đầu hướng thiện, tinh tấn tu hành và trở thành bậc thánh nhân. Cho nên bây giờ chúng ta nên noi gương các ngài, chỉ quán xét lại chính mình, không cần phải bận tâm biết quá khứ của các ngài ra sao.

Đức Phật dạy:

Tội tùng tâm khởi tâm tương sám
Tâm nhược diệt thời tội diệt vong
Tội vong tâm diệt lưỡng câu không
Thị tắc danh vi chân sám hối

Muốn cho tội lỗi không còn nữa, chúng ta phải diệt được cái nguyên nhân chính gây ra tội lỗi, xúi giục mình làm vậy, nghĩ quấy đó là vọng tâm lăng xăng lộn xộn hằng ngày của chúng ta.

Một khi chúng ta thực tâm sám hối, thì tâm không muốn làm chuyện sai quấy trước kia nữa. hay khi vọng tâm khởi lên, xúi giục mình làm chuyện bất thiện lợi mình hại người, ý nghĩ khen mình khinh người, thì chúng ta biết ngay, dừng lại không theo. Lâu ngày vọng tâm đó lặn đi, tội lỗi sẽ không còn gây ra nữa.

Đức Huỳnh Giáo Chủ khuyên: “Cầu trên Phật Tô giải mê căn”. Ngài muốn chỉ cho chúng ta về “Sự sám hối”, khi tâm chúng ta còn mê mờ, chưa giác ngộ chân lý, chưa hiểu biết chánh pháp, chúng ta phải hành theo sự sám hối, như đối trước ngôi Tam Bảo, chúng ta phải hành lễ bái tỏ bày sám hối mong diệt nghiệp chướng, siêng năng tinh tấn.

Tùy tâm niệm chúng ta bày tỏ sự sám hối theo nguyện cầu mà ý nghĩa trong bài kệ sau đây là lời dạy điển hình:

Ngã tích sở tạo chư ác nghiệp
Gia vô thủy tham sân si
Tùng thân, khẩu ý chi sở sanh
Nhất thiết ngã kim giai sám hối

Chúng ta đã tạo không biết bao nhiêu ác nghiệp từ trước đến giờ đều do ba độc tham, sân, si thể hiện qua ba hình thức: Thân hành động, miệng nói năng, ý suy nghĩ. Tất cả nghiệp bất thiện đó, chúng ta đều thành tâm thực lòng, ăn năn sám hối, quyết tâm chừa bỏ, không còn tái phạm, giữ gìn thân, khẩu, ý cho được thanh tịnh.

Cũng trong kinh có câu: “Ngã thân ảnh hiện chư Phật tiền”. Đền trước ngôi Tam Bảo, chúng ta hiện là con người thực, phản ảnh đúng nội tâm để thành tâm phát lộ sám hối, không che dấu bất cứ điều gì cả. Chúng ta có thể che dấu tội lỗi với người đời, chớ đối với Phật tâm của chúng ta; chúng ta chẳng thể dấu bất cứ điều gì. Như chúng ta đứng trước gương chiếu yêu nơi Diêm Vương cảnh đài, bất cứ việc gì chúng ta làm, đã nói, đã nghĩ trong suốt cuộc đời đều hiện ra hết tất cả khi còn tại dương thế.

Đức Huỳnh Giáo Chủ cũng muốn làm sao cho chúng ta thấy được việc làm sai trái của chúng ta để sớm quay đầu ăn năn sám hối mà lo tu tỉnh để hưởng phước báo. Ngài nói:

*Ta dóc chỉ tâm đài-nguyệt-kiến
Cho dương trần rọi chuyện sai lầm
Định thần dẹp hết tà tâm
Hườn lai bốn tánh thân khâm qui nương*

Trong Kinh Hoa Nghiêm, Đức Phật dạy: “Nhất thiết duy tâm tạo”. Muôn việc trên thế gian này đều do tâm tạo ra cả. “Địa ngục cũng tại Tâm làm quấy. Về thiên-đàng cũng Tâm ấy tạo ra”. Như chúng ta phát triển tâm lượng rộng lớn từ, bi, hỷ, xả là ta đã phát triển cảnh giới thiên-đàng để sống an lạc ở cảnh giới đó. Trái lại nếu ta còn chấp chặt định kiến, thành kiến, tà kiến, hẹp hòi ích kỷ, đố kỵ, tham lam, sân hận, mê si, khen mình, khinh

người, lợi mình, hại người tức là ta phát triển cảnh giới địa ngục và sống bất an trong cảnh giới đó.

Người tu hành phải biết kết hợp lý sám hối với sự sám hối nghĩa là lý sự viên dung đầy đủ vẹn toàn thì đường tu mới tiến lên được. Người tu tiến là người biết “Tri hành hợp nhất”. Biết mà không hành là tu lùi, biết phải năng hành là tu tiến là giảm bớt phiền não, sống được cảnh giới an lạc hiện đời.

Hãy tự thấp ngọn đuốc chánh pháp lên mà đi, cho nên dù bất cứ tôn giáo nào, vị giáo chủ cũng không thể ban phước cho chúng ta trong bình an hạnh phúc hay đày đọa chúng ta trong đau khổ. Các ngài cho chúng ta tấm bản đồ để chúng ta tự tìm con đường đi đến cảnh giới an lạc. Các Ngài là bậc chí công vô tư. Chúng ta không chỉ biết cầu nguyện, van xin, khẩn vái “Vì thần thánh không bao giờ dùng hối lộ mà tha tội cho ta, vì nếu ta làm tội sẽ hưởng tội”.

Có nhiều cách tu hành, nhiều phương pháp, nhiều pháp môn để giúp chúng ta dừng nghiệp hoặc chuyển nghiệp. Tịnh Độ tông dùng câu niệm Phật, dùng cách quán tưởng, dùng thời khóa công phu để dừng các nghiệp, như Đức Huỳnh Giáo Chủ dạy:

*Niệm chữ Di Đà tan chướng nghiệp
Thuyền từ Thầy rước lại Non-Bồng*

Hay:

Mãn kiếp hồng trần sanh Lạc-quốc

Hưởng công niệm Phật rất yên lành

Thiền tông dùng công án nhà thiền hay dùng pháp “Đối cảnh vô tâm” hay pháp “Tri vọng” để dùng các nghiệp. Đức Huỳnh Giáo Chủ cũng khuyên nên thiết hành thiền định:

Phật pháp thiên-na độc thực hành

Sống trong đời mà giữ được tâm thanh tịnh là điều khó khăn. Bản tâm thanh tịnh là tâm thể của mọi người khi đã dẹp sạch hết phiền não, khổ đau. Không còn dấy niệm hay khởi niệm bất cứ niệm tưởng nào dù niệm thiện hay niệm bất thiện ở bất cứ hoàn cảnh nào hay nơi nào. Bản tâm thanh tịnh là hiện tiền. Trong kinh Phật dạy:

Tam nghiệp hằng thanh tịnh
Đồng Phật vắng Tây-Phương

Ba nghiệp chúng ta hằng thanh tịnh trong sáng như thân không sát sinh, trộm cắp, tà dâm, miệng không nói dối, vu khống, thị phi, phi báng, ý không tham lam, sân hận, mê si thì chắc chắn chúng ta sẽ được an lạc hiện đời sẽ cùng chư Phật về cõi Tây-Phương-Cực-Lạc sau này.

Tóm lại chúng ta muốn thiết hành trừ vọng tâm thì mỗi ngày nên quán xét lại coi trong ngày đó mình đã làm những việc gì từ ý nghĩ cho đến hành động, xem ra việc nào sai trái thì ăn năn chừa bỏ, việc nào tốt thì cố gắng phát huy thêm. Điều gì mình không muốn mà nó đến với

mình thì nên cố gắng khắc phục tu tỉnh vì “Ai mà tu tỉnh chuyên cần. Làm điều ngay thẳng có Thần độ cho” như Đức Huỳnh Giáo Chủ dạy.

Đức Phật cũng từng dạy: “Bậc trí chăm giữ tâm mình không buông lung như nhà giàu chần giữ cửa quí”. Nếu chúng ta cứ để cho trần cảnh và việc trái ý nghịch lòng dấy khởi tạo cơ hội cho tham, sân, si nổi lên thì việc chế ngự thân tâm rất khó có kết quả. Đối với việc vui buồn tâm dễ chiêu cảm, cho nên việc gì cũng dễ đi vào trong tâm nếu không ngăn giữ thì kết quả sẽ khó tự tại.

Mọi người sống ở thế gian đều đi theo nghiệp. Nghiệp giống như sợi dây buộc chúng ta, nó lôi chúng ta mà không cưỡng lại được nên trầm luân muôn kiếp. Ngày nay chúng ta tu theo Phật thì phải cương quyết dứt sạch nghiệp, chuyên mê làm thành giác ngộ. “Chẳng tưởng việc lành, không nghĩ điều ác, lúc đó chính là bồng-lai-diện-mục, tức chân tánh của chúng ta”, đó là lời dạy của Đức Lục Tổ Huệ-Năng.

Chúng ta là người chủ của nghiệp đi trong vòng sinh tử luân hồi, nên chúng ta cũng là người chủ để giải thoát khỏi sinh tử luân hồi. Hãy nhớ điều này tức là ta đã tu.

Chúc cầu tất cả chúng ta đều dứt sạch ba nghiệp để an vui tự tại trong cõi đời đau khổ này.

Nam-Mô Bồn-Sur Thích-Ca-Mâu-Ni Phật
Nam-Mô A-Di-Đà Phật

III. Nhân sinh

1. Giá trị của con người

Đạo Phật lấy con người làm cứu cánh và đối tượng để phục vụ và khai triển bằng cách dạy cho con người thoát mọi ràng buộc khổ đau của cảnh trần cũng như đặt con người trước trách nhiệm của cuộc đời mình. Cuộc đời mình có trong sáng hay mê mờ là do mình tự tạo và tự thụ hưởng, không có thần thánh nào can dự hay thưởng phạt. Đức Phật đã từng dạy: “Mỗi người đều có chủng tử Phật, nên có Phật tánh và có khả năng thành Phật trong tương lai”. Cho nên con người chỉ cần hiển lộ được Phật tánh, tức sẽ thành Phật.

Thế nên đạo Phật là đạo của con người, của xã hội loài người. Kinh Hoa Nghiêm ghi: “Con người là hơn cả vì có thể thực hiện được mọi sự tốt đẹp ở đời”. Con người là một trong các loài sinh vật nhưng có những đặc tính khác với loài động vật khác như có tình cảm cao đẹp trong sáng, có tư tưởng hài hòa, linh hoạt, có hành động quả cảm. Kinh Ưu Bà Tắc cũng ghi về thân phận con người: “Hoàn cảnh của con người không quá khổ như địa ngục, không quá vui như thiên-đàng và không ngu si như các loài thú vật”. Từ đó chúng ta hãy tự nhìn thẳng vào mình để biết giá trị của con người là quý quá, được đề cao trong đạo Phật và nhìn nhận rằng một chủng loại có tính vạn năng.

Dáng vóc con người trông uy nghiêm, nói năng linh lợi, đi, đứng, nằm, ngồi khoan thai, không dữ tợn, không

sù sì thô kệch như loài muôn thú. Về phương diện tinh thần, con người giàu khả năng tính hơn muôn loài, nên nhà hiền triết Aristotle đã nói: “Con người là một sinh vật có lý tưởng”. Mọi vấn đề đều do con người phát sinh. Con người có những đức tính như đạo đức tinh khiết, ý chí tự cường, tự lập, nên con người tự đủ nâng cao giá trị của mình lên trên và ra ngoài tất cả. Với những đức tính này, con người dễ dàng tiến hóa trên nấc thang tu chứng. Ý chí tự cường giúp cho con người thoát khỏi mọi ràng buộc của hoàn cảnh phức tạp bao phủ chung quanh để tự thắng. Đời sống của con người có vui tươi hay buồn khổ đều do con người tự quyết định. Cho nên con người có ảnh hưởng rất lớn với xã hội. Con người thiện thì xã hội tốt đẹp. Con người ác thì xã hội xấu xa, băng hoại.

Hiểu được giá trị của con người, chúng ta hãy mạnh dạn tu chỉnh đời sống của mình cùng đứng lên cứu lấy giống nòi và nhân loại. Chỉ có con người đầy lòng dũng cảm tự cứu mình và giải thoát đời với tinh thần vô-nghã và vị-tha mới làm nổi công việc vĩ đại ấy. Một nhà đạo đức học cũng là tư tưởng gia Ấn-Độ Vivekananda đã đề cao giá trị của con người, ông nói: “Con người cao hơn các loài vật, hơn các vị thiên thần. Con người cao quý hơn cả. Các vị thiên thần còn phải giáng sinh làm người mới chứng được đạo giải thoát. Chỉ có con người mới đạt được hoàn toàn giác ngộ”. Đức Khổng Tử cũng từng nói: “Nhân vi vạn vật chi linh”. Con người khôn hơn

sáng hơn các loài vật. Quả là con người siêu việt vượt lên trên muôn loài.

Con người có một vị trí quan trọng hằng sống trên quả đất này và hãy nhớ một điều là làm bất cứ việc gì cũng phải hữu ích cho đời; nếu không cũng đừng có ý niệm làm tổn thương có hại cho quốc gia dân tộc như lời cảnh tỉnh những kẻ buôn dân bán nước của Đức Huỳnh Giáo Chủ:

*Nam Kỳ có một lũ hề
Mày râu nhẵn nhụi chuyên nghề buôn dân
Nhờ ơn mẫu quốc vinh thân
Giờ toan mua tảo bán tân nữa sao?
Dừng đứng trước nghĩa đồng bào
Đói cơm khát nước trông vào thống tâm
Làm ngo, giả điếc, giả câm
Tay ôm hủ bạc, mắt đăm đăm chờ
Vái rằng: “Mẫu quốc gặp cơ
Trở qua Nam Việt con thờ muôn năm*

*Dầu con nay ở xa xăm
Chớ lòng thương nhớ đứng nằm không yên
Trước kia nước mẹ xin tiền
Của muôn trong túi con liền tuôn ra
Ngày nay tuy chẳng lại qua
Con cũng len lén cúng cha ít nhiều
Đồng bào con chết bao nhiêu
Con để mặc kệ qua điều bươi thây”.*

*Ai ơi còn ước mơ Tây
Mắt kia quá tối lại Thầy chữa cho.*

Đạo Phật rất trọng con người và từng khuyên con người hãy tự tiến lên đừng bao giờ lùi bước. Khi mắt thân người rồi muôn kiếp khó trở lại “Nhất thất nhân thân vạn kiếp nan phục”.

Đáng thương thay cho những ai hay rong ruổi chạy theo dục vọng hảo huyền, mê man danh lợi cõi hồng trần, tự đặt mình rơi vào hố sâu vực thẳm không tìm ra lối thoát, nên Đức Huỳnh Giáo Chủ cũng đã khuyên dạy chúng sanh:

*Dạy sanh chúng cho rời mới rảnh
Cũng hiếm kẻ ghinh-ngang cường ngạnh
Ôi! Kể sao cho hết thói đời
Mãi say sưa theo cuộc vui chơi
Nên kiếp kiếp đời đời lên xuống*

Nhưng mà:

*Kẻ vô tình đâu có chí bền
Phải sa ngã theo nơi mộng ảo*

Chúng ta đừng bao giờ tự khinh mình, phải tự tin ở ta, vì con người là trung tâm trong mọi sinh hoạt trong cộng đồng xã hội. Tất cả mọi hoạt động trong mọi lãnh vực đều do con người thực hiện. Từ đó chúng ta nhận ra con người là khí cụ rất có lợi mà cũng có thể trở thành hại, nếu như con người hiểu biết nghĩa vụ của mình, tôn

trọng chân lý, sáng suốt hành động thì con người đem lại nhiều lợi ích thiết thực cho xã hội. Trái lại nếu như con người chỉ biết sống vào những thành kiến, tập quán, chơi bời phóng túng, sống không mục đích, không lý tưởng thì sự tác hại của con người sẽ làm băng hoại xã hội không nhỏ.

Giáo lý của đạo Phật luôn luôn muốn kiến tạo xã hội loài người càng ngày càng trở nên tốt đẹp mà mọi người sống trong đó cần hiểu rõ đạo lý từ-bi trí-tuệ, bình đẳng và hướng đến mục đích giải thoát. Cho nên con người phải “Định tâm thần như mặt nước hồ. Suy với nghĩ, nghĩ suy đường lối” thì mới xóa bỏ được mọi mê lầm, mọi khổ đau của cuộc đời phiền tạp hôm nay.

Tư tưởng, ý chí, hành động của con người quyết định tất cả. Con người tốt hay xấu, giàu hay nghèo, sang hay hèn, tối tăm hay sáng suốt, xã hội có mở mang hay thoái hóa cũng xuất phát từ nơi con người.

Cái hiện hữu mà ta thấy trong cõi đời này đều do con người tạo ra cả, cũng không ngoài mục đích vì hạnh phúc vì an lạc cho mọi người.

Trong Kinh Tăng Chi, Đức Phật dạy: Thế gian này có bốn hạng người:

a. Hạng thứ nhất: Là hạng chuyên làm khổ mình, tức là hạng chỉ biết sống cuộc đời buông thả, lười biếng,

cờ bạc, rượu chè, hút sách không có lợi ích gì cả. Đó là hạng làm khổ mình.

b. Hạng thứ nhì: Là hạng chuyên làm khổ người, sanh tâm điên đảo, tráo trác, làm hại kẻ khác, không biết sự đau khổ của người khác cũng chính là sự đau khổ của mình.

Đức Phật dạy: “Ai cũng sợ gươm đao, ai cũng sợ chết, vậy hãy lấy lòng mình mà suy lòng người, đừng gây điều khổ đau cho người khác, phá hoại hạnh phúc của người khác”, lại nữa “Ai cũng có gia đình, thân nhân, muốn bảo bọc, muốn duy trì hạnh phúc tốt đẹp. Vậy đừng phá gia đình, đừng phá thân nhân của người khác”, “Ai cũng muốn của cải mình được trọn vẹn yên ổn, vậy lấy lòng mình mà suy lòng người, giữ gìn của cải người khác, đừng xâm phạm, đừng gian tham, đừng bóc lột, đừng cướp giựt”.

Lời dạy đó của Đức Phật, cách đây hơn hai mươi lăm thế kỷ rồi, nhưng ít ai theo được. Cho nên cuộc đời của chúng ta ít đem lại niềm vui cho mình, cho người mà ngược lại còn gieo rắc khổ đau, làm điên đảo cho mình, cho người và cho cả gia đình.

c. Hạng thứ ba: Là hạng làm khổ mình và làm khổ người. Là hạng người sống không có đạo đức, không có lý tưởng, không có nghĩa nhân. Hạng người chỉ biết sống ích kỷ, hẹp hòi, chỉ biết làm lợi cho mình, làm thiệt hại kẻ khác.

d. Hạnh thứ tư: Là hạnh không làm khổ cho mình, không làm khổ cho người. Là hạnh người biết sống có đạo đức, biết theo lẽ phải, biết sống thế nào là đem lại an vui không gieo rắc tai họa cho người khác. Đó là hạnh người luôn nghĩ đến hạnh phúc của mình, hạnh phúc của người để tạo dựng cuộc đời hạnh phúc cho cả hai bên.

Nếu mình chỉ lo hạnh phúc cho mình mà phá hoại hạnh phúc của người khác thì mình không thể nào mình có hạnh phúc trong khi người khác không có hạnh phúc. Như chung quanh mình là những người thiếu thốn về vật chất, thiếu ăn, thiếu mặc trong khi mình thì dư ăn dư để thì làm sao mình an vui cho được. Như vậy giữa mình và người có một sự tương quan trong cuộc sống, giúp đỡ lẫn nhau mới tồn tại, mới yên vui. Nếu phá hoại lẫn nhau thì cả hai đều đau khổ.

Chúng ta là người đang đi trên con đường đạo, ai lại không muốn siêu thoát. Siêu là vượt lên những cái nhỏ mọn lặt vặt hàng ngày thì ta mới thoát được. Còn có chấp việc nhỏ nhặt hàng ngày tất nhiên phải duyên vào những việc đó thì không thể thoát được, bởi vì bị níu kéo lại thì không siêu được. Nghe ai nói động đến mình một tiếng là khó chịu nổi giận...

Đức Phật dạy: “Thân mạng vô thường”. Có đó rồi không đó tựa như nước từ dốc chảy xuống, như sương đọng ban mai. “Không ai có thể đặt chân lên cùng một dòng nước”. Dòng nước của ngày hôm nay nhìn qua thì có cảm tưởng như dòng nước của ngày hôm qua. Nhưng

thật ra dòng nước ngày hôm nay là dòng nước từ trên nguồn vừa chảy xuống, còn dòng nước ngày hôm qua bây giờ đã trôi đi xa và đã hòa nhập vào nước của đại dương rồi. Thân người cũng có khác gì dòng nước đâu, chảy như dòng sông, trôi qua như đám mây, thoáng qua như bóng câu qua cửa sổ. Đời người dù cho 70, 80 hay 100 năm là mấy. Chỉ trong nháy mắt mà thôi.

Đã chiêm nghiệm được điều đó rồi, ta còn làm khổ cho nhau là điều mê làm trọng đại “Lợi danh chớp nhoáng như luồng gió. Thấy đó rồi đâu bỗng mất liền”.

Chúng ta hãy nghe và suy ngẫm về cuộc đời mà Đức Huỳnh Giáo Chủ luận thuyết để chúng ta tự tìm phương giải thoát. Ngài nói:

*Việc trải qua như mây gió cuốn
Nhìn cuộc đời ngày tháng trôi đưa
Trời sáng ra kể lại thấy trưa
Năm cũ đó rồi qua năm mới
Mười hai tháng mà còn mau tới
Thì tuồng đời cũng chóng đổi thay
Chữ phù-vân phú-quí nay mai
Luân với chuyển dời qua đổi lại
Cõi Ta-Bà mấy ai tồn tại*

*Sống dư trăm như tuổi lão Bành
Đời Hạ-Nguồn hay chết tuổi xanh
Như thỏ trước Nhan-Hồi còn trẻ
Miễn cho được ngày hai com tẻ*

*Buổi bàn hàn đặng có tu thân
Nhờ ơn Trời ban bố đức ân
Xem chung cuộc Phong-Thần tại thế
Xử những kẻ hung hăng tội tề
Thưởng những người trung nghĩa vẹn toàn*

Và Ngài cũng khuyên chúng ta:

*Máy ai trăm tuổi ở đời
Được như Bành-Tổ mà rời lợi danh?*

Giá trị nơi con người như trong Kinh Kim Cang, Đức Phật dạy: Phải biết hàng phục tâm mình bằng cách độ vô biên chúng sanh trong tâm thức mình vào Niết-Bàn, mà không thấy có chúng sanh nào được diệt độ và biết an trụ tâm mình bằng cách bố thí, xả bỏ không chấp ngã tướng, nhân tướng, chúng sanh tướng, thọ giả tướng, không dính mắc vào sáu trần: Sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp.

Theo quan niệm trong nhà Phật là giác ngộ được bản ngã chân thật, bên ngoài không chấp trước, dính mắc trần cảnh, mắt trông thấy sắc rời thô, tai nghe tiếng nghe rời thì không, đó là tâm không nổi lên bất cứ niệm khởi nào, ấy là giải thoát phiền não khổ đau. Là người dám bước chân lên con thuyền không đáy, trôi dạt giữa trời nước mênh mông. Con thuyền đó chính là thuyền bát-nhã, cảnh trời nước mênh mông chính là cảnh trầm luân khổ hải. Trong truyện Tây-Du-Ký có chương nói về ngài Huyền Trang đứng trên chiếc thuyền không đáy. Khi Ngài Huyền Trang đến Tây-Phương, gần chùa Lô-i-Âm,

nơi Đức Phật ngự. Bốn thầy trò đứng trước một con sông rộng có sóng lớn (gồm Huyền Trang, Tôn Ngộ Không, Sa Tăng, Trư Bát Giới). Cả bốn đều lo sợ không biết tìm cách nào qua sông thì thấy có một chiếc đò nhỏ đi đến bên, bèn vẫy tay gọi. Khi đò ghé vào bờ thì Tôn Ngộ Không biết người lái đò chính là Bảo Tăng Quang Vương Phật, nhưng Huyền Trang thì không biết. Ông vừa bước xuống đò, thấy đò không có đáy thì kêu ầm lên, nhưng Tôn Ngộ Không trấn an: “Thưa thầy, đò này tuy không có đáy nhưng nó vững như bàn thạch, sóng to cũng không làm chìm nổi nó đâu”. Tuy nhiên Huyền Trang vẫn lo sợ không muốn xuống. Tôn Ngộ Không bèn xô thầy ngã xuống thuyền và giục người chèo đò đẩy đò rời bến. Khi vừa đứng lên thì Huyền Trang thấy có một thầy ma nổi lên lênh đênh trên mặt nước, nhìn kỹ thì thấy người đó giống mình như đúc bèn hoảng hốt hô hoán, nhưng cả Tôn Ngộ Không lẫn người chèo đò đều lên tiếng chúc mừng: “Lành thay, lành thay! Chúc mừng ngài đã qua sông”.

Chiếc thuyền không đáy tượng trưng cho cái gì? Thuyền không đáy tượng trưng cho bát-nhã thuyền. Phật và Bồ-Tát đưa người chân tu qua sông mê, biển khổ đến Niết-Bàn an lạc bằng thuyền bát-nhã.

Có phải khi Huyền Trang vớt được bản ngã của mình đi, ví như thầy ma chết trôi trên sông đó thì mới có một Huyền-Trang khác đứng trên chiếc thuyền không đáy để về cõi Tây-Phương. Từ đó Tôn Ngộ Không và

Tiếp Dẫn Độ Phu mới chúc mừng ông “Đã qua sông”. Phải chăng khi bản ngã có tiêu tan thì Phật tánh mới hiện bày! Cũng như thân bất động, tư tưởng có ngưng thì vọng tâm mới dứt. Khi thân và tâm yên tĩnh, bản ngã dần dần mờ nhạt thì Phật tánh mới hiển lộ và chỉ khi đó con người mới kinh nghiệm qua trạng thái an lạc thật sự.

Như chúng ta biết Phật lưu xuất tại tâm. Mỗi người trong chúng ta đều có tánh Phật trong lòng và vì vậy ai cũng có thể trở thành Phật. Tánh Phật này là khả năng vượt thoát ảo vọng. Nếu chúng ta tu tập theo đạo lý của Phật, thì tánh Phật trong chúng ta mỗi ngày mỗi sáng lên và một ngày kia sẽ đạt được tự do, an lạc hoàn toàn như Phật. Phật ở ngay trong tâm của chúng ta. Chúng ta hãy trở về tìm Phật ngay trong tâm ta, như Đức Huỳnh Giáo Chủ dạy:

*Phật tại tâm chớ có đâu xa
Mà tìm kiếm ở trên Non-Núi*

Hay:

*Địa ngục cũng tại Tâm làm quấy
Về thiên-đàng Tâm ấy tạo ra
Cái chữ tâm mà Quỷ hay Ma
Tiên hay Phật cũng là tại nó.*

Trong Sấm Giảng Thi Văn Giáo Lý của Đức Huỳnh Giáo Chủ, Ngài cũng dụ cho chúng ta thấy qua hai câu:

*Thuyền bát-nhã ta cầm tay lái
Quyết đưa người khỏi bến sông mê*

Thuyền bát-nhã tượng trưng cho chánh pháp với những phương pháp thiện xảo giúp cho con người giác mê khai ngộ để rời tự mình tiến thẳng đến bờ giác-ngạn.

2. Vô Ngã

Chúng sanh không hiểu đúng nghĩa lời Phật dạy nên khởi lên tà-kiến, vô-thường thì cho là thường, vô-ngã thì cho là ngã rồi chấp ngã, phiền não thì chấp là thanh tịnh, khổ đau cho là an lạc, rồi sanh tử luân hồi không dứt.

Mọi vật thể trên thế gian này đều biến chuyển không ngừng, không mãi mãi ở yên trong một trạng thái cố định, luôn luôn thay hình đổi dạng, biến đổi liên tục. Thoạt tiên chúng là hình thành, rồi tồn tại, sau đó biến dạng, cuối cùng là tan rã. Đạo Phật gọi những giai đoạn này “Thành, trụ, hoại, không” hay “Sanh, trụ, di, diệt”. Tất cả đều là vô thường. Chúng không những vô thường từng năm, tháng, ngày, giờ mà còn vô thường từng sát-na sanh diệt.

Khoa học đã chứng minh trong thân thể con người các tế bào đang thay đổi luôn luôn. Trong mỗi giây đồng hồ có hàng triệu tế bào chết đi và thay vào hàng triệu tế bào mới sinh thế vào. Sự thay đổi này làm cho con người chóng lớn lên, mau già nua, tiến dần đến cái chết. Cái tâm thân mới hồi nào còn khỏe mạnh trẻ trung mà bây giờ gầy mòi, lưng còm lại sinh nhiều thứ tật bệnh. Hôm qua tóc còn đen mượt, hôm nay soi gương, lại thấy bạc

đầu. Hôm nay làn da còn tươi láng, ngày mai lại thấy nếp nhăn nheo.

Vũ trụ, son-hà, đại-địa rất to lớn khiến chúng ta lầm tưởng rằng nó kiên cố, nhưng thật ra nó cũng chịu sự biến hoại vô-thường. Như hòn núi kia có từ khi ta chưa có mặt trên thế gian này cho đến khi chúng ta nhắm mắt lìa đời nó vẫn còn đó nên chúng ta tưởng hòn núi đó là thường, cho đến của cải, vật chất chúng ta cũng lầm tưởng như thế. Vì lầm tưởng mọi thứ là thường còn nên mới quay cuồng trong vòng điên đảo, vọng tâm khởi dậy, giành giật chiếm hữu cho rằng nó là quý giá, là thật là thường tồn vĩnh viễn, nên tạo ra biết bao điều khổ não.

Như cái hoa kia, mới đầu nở là sinh, vẻ tươi đẹp tồn tại một thời gian là trụ, tiếp đến là sự thay đổi dần dần phai nhạt héo úa là dị, rồi tàn lụi, khô héo là diệt. Chỉ cần ngắm nhìn một bông hoa từ khi mới nở hoa cho đến khi tàn lụi thì chúng ta có thể nắm bắt được giáo lý của nhà Phật về luật “Vô thường”.

Thân phận của con người có khác gì cái bông hoa kia đâu. Luật vô thường đè lên kiếp sống của một con người qua bốn thời kỳ sanh, trụ, dị, diệt, nên sau khi sanh ra, con người làm sao tránh khỏi già, tránh khỏi bệnh, tránh khỏi chết. Đó là bốn giai đoạn của Sanh, Lão, Bệnh, Tử.

Vẫn biết thế, nhưng con người sống trong thế gian này chỉ là cuộc sống của một cái Ta, là do sự mê chấp của từng cá thể mà từ trong Phật học gọi là “Chấp ngã”.

Vì lòng tham-ái chấp ngã nên mới có luân hồi và chúng ta sinh ra ở đây. Nếu không có cái Ta thì chúng ta đã vào vô-sinh rồi, vào Niết-Bàn rồi vì “Niết-Bàn tịch-tĩnh là đường vô-sanh” như lời Đức Huỳnh Giáo chủ thuyết.

Dòng sanh tử tiếp diễn liên tục là do tham ái, ngoại trừ chư BỒ-Tát thị hiện. Mọi người có mặt trên đời này đều mang theo cái tính chấp ngã luôn có mặt trong cuộc sống.

Tâm-tư, tình cảm, hi, nộ, ái, ố... Cũng vì cái Ta mà có. Như ta có cái buồn vì cái Ta không được như ý. Có cái vui vì cái Ta được thỏa mãn. Thuận với ta, ta thương, nghịch với ta, ta ghét. Rõ ràng là như thế, dù ai cố biện giải như thế nào cũng không chối bỏ được lẽ thật này.

Cũng chỉ vì cái Ta mà cả đời của một người phải tranh giành, được, mất, hơn, thua, lao tâm, khổ trí, tốn bao nhiêu mồ hôi, nước mắt tạo tác sự nghiệp, đôi lúc dẫm lên thân mạng của kẻ khác mà đi.

Nào là chất chứa không biết bao cái “Tự” nằm trong tiềm thức sẵn sàng phát sinh, nếu có ai chạm vào cái Ta thì tự ái nổi lên. Có tạo được một chút thành tích nào thì cái Ta tự hào, tự mãn lấy làm hãnh diện v.v. Thật vậy chỉ vì cái Ta mà sinh ra đủ thứ chuyện trên đời này nào là tự-tôn, tự-đại, tự-kiêu, tự-ti v.v.

Cũng chỉ vì tính ích kỷ trong người, nên người ta hay đổ lỗi cho người khác hay hoàn cảnh. Nói tại cái này, tại cái kia, tại người này, tại người kia, tại lý do này, tại lý do nọ...Mà quên đi điểm chính là ta. Tại sợ cái Ta này bị đụng chạm, lo trách người mà quên trách tại cái Ta này. Từ chỗ coi cái Ta quá trọng đại, nên Đức Huỳnh Giáo Chủ giáo khuyên chúng sanh:

*Cả tiếng kêu những kẻ trí tài
Hãy yên lặng bình tâm suy nghĩ
Tiên xử kỷ hậu lai xử bi
Bắt lỗi người phải xét lỗi mình
Vậy mới là phải bậc công bình*

Hay:

*Đạo-pháp thường hay dung với hòa
Xét người cho tốt xét thân ta
Nếu người rõ phân vui lòng thứ
Ta thứ được người, người thứ ta.*

Trong Kinh Bách Dụ có câu chuyện: Thuở xưa có một lão sư có hai người đệ tử theo hầu. Lão-sư này có đôi chân tật bệnh không duỗi thẳng ra được nên thường phải chống nạng mà đi. Ông thường nhờ hai đệ-tử đấm bóp mỗi ngày một chân. Nhưng hai đệ-tử này thường không hòa thuận với nhau, nên tự nói: “Không phải là ta chán ghét người mà chính là người chán ghét ta”.

Một hôm có việc nên lão-sư sai một đệ-tử lãnh việc đi xa. Người đệ-tử ở nhà phải đấm bóp luôn cả hai chân cho thầy. Thay vì sẵn sóc như thường lệ, người học trò

này dùng đá đập gãy cái chân của ông thầy, do người đệ-tử mắc việc đi xa thường ngày xoa bóp.

Khi người đệ-tử đi xa trở về, thấy vậy nổi cơn phẫn nộ, định tâm báo thù, lập tức cũng dùng đá đập gãy chân của lão-sư thường ngày do người ở nhà đắp bóp. Kết quả hai chân của lão-sư bị gãy hết.

Hai cái chân của ông thầy có tội vạ gì đâu mà phải bị đau đớn như vậy. Có phải tại cái Ta đồ kỵ mà ra: Cái Ta thật là nguy hiểm.

Khi chưa có Phật pháp, thì con người còn sống trong vô-minh u-tối. Nay đã có ánh sáng Phật pháp, con người phải bừng sáng lên để tầm phương giải thoát. Đức Phật đã bày ra hàng vạn pháp môn cho người tu hành mà cốt lõi là bỏ tính chấp ngã sẽ được thành tựu viên mãn. Nhân vô-ngã, pháp vô-ngã, nếu nắm được cái mâu chốt này mà hạ thủ công phu là đi đúng đường. Kinh Kim Cang ghi “Thông đạt pháp vô-ngã, gọi là Bồ-Tát. Là Bồ-Tát thì phải vượt qua vô-ngã và thông suốt pháp vô-ngã. Bởi vì, nếu mang cái Ta mà tu hành, quyết không thể giải thoát về sau phải sinh trở lại theo nó mà thôi”. Người tu hành còn mang cái ta dù có đạt được đạo quả lên các cõi trời sống hàng vạn năm đi nữa, đến một ngày nào đó hết sức định cũng rớt trở lại sinh vào cõi đời này như Uất-Đầu-Lam-Phất tu đắc phi tướng phi phi tướng định, được sinh lên cõi Trời Phi Phi Tướng, nhưng Đức Phật nhìn thấy, sau khi hết tuổi thọ trên cõi trời, ông sẽ sinh lại cõi đời này làm con chồn bay, theo như ước nguyện của ông.

Vô-ngã là không có cái “Ta”, không có cái “Bản ngã”. Đối với mình, đối với người cũng như với vật đều không chấp có cái ta thường tồn bất biến mà chỉ là cái thân do ngũ uẩn hợp thành. Hiểu được như vậy thì ta chấm dứt được phiền não chướng. Còn vọng chấp thân tứ đại này và tâm duyên theo sáu trần làm là ta, là còn vô minh. Vì không phải thật mà ta chấp là của ta là nguồn gốc của sinh tử. Khi nào còn bóng dáng ta là còn đi trong vòng luân hồi.

Chúng ta xét xem cái “Ta” trong con người có phải là xác thân hay là linh hồn, hoặc cả hai thứ hợp lại.

Nếu “Ta” là xác thân mà trong nhà Phật gọi là sắc. Xác thân con người là do tứ-đại là bốn chất lớn trong thế giới tạm hiệp làm thành con người và vạn vật (địa, thủy, phong, hỏa). Địa là chất đất, là chất cứng như xương thịt, răng, tóc và bao nhiêu món khác có chất cứng. Thủy là nước là chất lỏng như máu, mồ hôi, nước miếng và bao nhiêu món khác có chất lỏng. Phong là gió là chất khí là những món thường lay chuyển và có hơi, những luồng khí chạy lên xuống, hơi thở vô và thở ra. Hỏa là lửa là chất nóng để làm ấm áp trong thân và làm tiêu hóa những vật mà ta ăn uống vào.

Ta lấy một thí dụ như khí trời đang ở bên ngoài thì gọi là của cảnh thiên nhiên, nhưng nếu ta hít vào lỗ mũi thì gọi khí trời ấy là của ta. Khí vào trong người rồi biến thành thán khí. Thán khí và các thứ hơi đang ở trong phổi ta, cho là của ta. Nhưng khi thở ra khỏi mũi, thì các

khí đó là cảnh ngoài. Nếu như cây cỏ hút lấy khí đó thì gọi là của cây cỏ. Các chất lỏng, chất đặc, chất nóng trong thân thể của con người cũng đều như vậy cả. Thoạt đầu là của ta, sau đó lần lượt của cảnh ngoài hay của vật. Tại sao ta nhất định là của ta và gọi nó là cái “Ta”. Nếu như cả bốn chất (tứ-đại) đó rời nhau và mỗi thứ trở về mỗi loại của nó trong vũ trụ thì còn chất gì để gọi là ta nữa đâu.

Nếu “Ta” là tâm-linh hay linh-hồn, mà tâm linh là cái tâm-thức linh diệu, tâm ấy biết cảm giác có đủ các mối tình cảm hỉ, nộ, ái, ố... Những ý nghĩ, ghi nhớ, phân biệt, hiểu biết... Xét về tôn giáo, tâm ấy rất linh hoạt, biến hiện vô ngại (vô ngại là không có sự ngăn trở, thông đạt, tự tại). Đạo Phật gọi những thứ đó là thọ, tưởng, hành, thức. “Thọ” đối với cảnh, tâm thọ cái cảm giác vui sướng, buồn khổ. “Tưởng” đối cảnh nhận ra màu sắc, dài, ngắn, to, nhỏ, nam, nữ v.v. “Hành” đối cảnh đem lòng ham muốn, thương, ghét v.v. “Thức” đối cảnh bèn hiểu biết, phân biệt sự vật. Tổng hợp bấy nhiêu thứ ấy lại để thành cái “Ta”, nhưng có hợp thì có tan. Khi tan thì chẳng còn thứ gì để lại để làm thành cái Ta nữa.

Sắc, thọ, tưởng, hành, thức hợp lại thành “Thân” và “Tâm” của con người. Tâm chúng ta luôn luôn thay đổi, thân thể của chúng ta cũng thay đổi không ngừng không có lúc nào là thật ta cả.

Đức Phật dạy rằng các vật không có chất gì là riêng biệt của nó, để làm thành cái “Ta” riêng cho nó. Nó chỉ

là những hợp tướng giả tạm của nhiều phân tử duyên lại với nhau. Khi nào duyên hết thì hợp tướng phải tan. Đó là định luật vô-thường và vô-ngã của vạn vật trong vũ trụ.

Chúng sanh đau khổ là vì vô-ngã mà chấp là ngã, không ta mà chấp thật là ta. Ai biết nhìn kỹ thân thể mình, qua pháp môn “Bất tịnh quán” như Đức Phật đã dạy thì thấy toàn thân chất chứa đồ bất tịnh (bất tịnh là uế trược). Nếu bỏ lớp da ngoài thì ai cũng dơ bẩn như ai. Cái bất tịnh ấy có từ trong bào thai và khi lọt lòng mẹ cũng đã bất tịnh rồi. Dù cho có trang điểm thể nào cũng chỉ là thân bất tịnh cho đến khi lìa cõi đời nó cũng là bất tịnh. Thân bất tịnh như vậy mà chúng ta không nhận thấy. Ngược lại còn chấp cái thân này là tịnh, nâng niu, trau chuốt, chiều chuộng nó hết mực để rồi tạo ra bao nhiêu nghiệp bất lành là nguyên nhân sinh ra đau khổ, nghiệp báo, luân hồi.

Một hôm có tăng đến hỏi thiền sư Duy Khoang: “Đạo ở đâu?” **Sư đáp:** “Đạo ở trước mắt”. - “Sao con không thấy?” **Tăng hỏi. Ngài đáp:** “Vì ông còn bận nghĩ tới mình, ta, cho nên không thấy”. - “Con đang nghĩ tới mình, ta cho nên không thấy, còn hòa thượng có thấy không?” **Tăng hỏi. Ngài đáp:** “Hễ còn nghĩ tới ta, người thì đều không thấy”. - “Không con, không hòa thượng thì có thấy không?” **Tăng hỏi. Ngài đáp:** “Khi không còn có tâm phân biệt nghĩ tới ta, người thì bây giờ không ông, không ta, còn ai câu thấy”.

Còn thấy mình là thật, người thật, phân biệt mình và người, nên càng không thể thấy đạo.

Trong Kinh Đại Niết Bàn, có câu chuyện: khi Đức Phật còn tu Bồ-Tát hạnh, làm một vị Tiên ở trên núi, hành đạo muốn cầu kinh điển đại thừa mà không nghe biết ở đâu. Một hôm vị Tiên đang ngồi thiền tư-duy trong hang núi, cảm đến trời ĐẾ-Thích hiện xuống hóa là quỷ La-Sát đến bên hang đọc nửa bài kệ:

Chư hành vô thường
Thị sinh diệt pháp

Nghĩa là:

Các hành vô thường
Là pháp sinh diệt

Vị Tiên nghe được liền đi ra ngoài để nhìn xem ai đọc nửa bài kệ đó thì thấy một hình dáng ghê sợ, đầu tóc rối bù, mặt xanh, nhe nanh vuốt, thân to, bụng teo.

Vị Tiên bèn hỏi:

Phải chăng ông đọc hai câu kệ vừa rồi?

La-Sát đáp:

Phải, chính tôi đọc đó

Vị Tiên đáp:

Xin ông đọc tiếp hai câu cuối, tôi sẽ đền ơn cho.

La-Sát nói:

Bụng tôi đang đói, không còn sức đọc tiếp.

Vị Tiên nói:

Thức ăn của ông là gì?

La-Sát nói:

Tôi ăn bằng thịt người và uống máu nóng, nếu ông có thể xả thân cho tôi ăn, tôi sẽ nói cho.

Vị Tiên nghĩ: Nếu mình xả thân cho y ăn thì lấy gì nghe pháp? Bèn nghĩ ra một cách, bảo La-Sát hãy viết bài kệ lên vách đá. Ngài ở trên cao nhìn xuống, đồng thời gieo thân cho ăn.

La-Sát đồng ý viết tiếp hai câu:

Sinh diệt diệt dĩ

Tịch diệt vi lạc

Nghĩa là:

Sinh diệt diệt rồi

Tịch diệt là vui

Vị Tiên nhảy xuống, La-Sát đỡ lấy thân ngài và hiện nguyên hình trời Đế-Thích, tán thán: Lành thay! Ngài sẽ thành Vô-Thượng Chánh-Đẳng Chánh-Giác, xin chớ quên độ tôi.

Trong bài kệ này đã nói lên mọi việc trên đời này đều là vô thường. Tất cả đều là pháp sinh diệt, các thứ sinh ra rồi diệt đi, không tồn tại vĩnh viễn, không có gì là quan trọng.

Nếu coi trọng cái thân và cái tâm sinh diệt thì con người còn sống trong phiền não khổ đau.

Điều quan trọng là làm cho tâm sinh diệt lặng đi, không còn tham lam, không còn nổi sân, không còn si mê nữa, chính đó là cảnh giới tịch diệt hiện tiền, đó mới thực là vui, đó chính là Niết-Bàn, là Cực-Lạc vậy.

Phật pháp dù có mênh mông, nhưng không ngoài một vị giải thoát. Cũng như nước biển của các đại dương cũng không ngoài một vị mặn. Cho nên người tu hành dù theo một pháp môn nào hay học thuộc một câu kinh, hiểu cho thấu đáo cũng có thể hưởng được hương vị giải thoát mà không cần uông hết cả biên giáo lý. Điều này muốn nói lên tu là phải hành chứ không thể nói suông mà hiểu được. Đức Huỳnh Giáo Chủ cũng đã khuyên dạy:

*Nghe cạn lời chớ có mờ hồ
Tìm hiểu nghĩa làm theo đức Đạo*

Hay:

*Cả ngàn năm nhân tâm xao xuyến
Sao tu hoài chẳng thấy ai thành
Bởi chữ tu liền với chữ hành
Hành bất chánh người đời mới nói*

Đức Huỳnh Giáo Chủ cũng nói: “Đạo là vốn thiết cái đàng. Ta ra sức dọn cho toàn chúng sanh”. Đạo là con đường, nhưng đi trên con đường đạo không giống

như đi trên đường lộ. Đường lộ dễ đi vì có lộ trình rõ ràng đi đến. Đường đạo thì không như thế. Bắt đầu khởi điểm tu cũng ở tại tâm. Hành đạo cũng ở trong một cái tâm ấy. Đến khi đạt được giác ngộ thì cũng ở tâm ấy chớ không đâu khác. Đường đạo dù đi khó, nhưng không phải không thể vượt qua. Một học giả đã nói: “Đường đi khó, không khó vì ngăn sông cách núi, mà khó vì lòng người ngại núi e sông”. Nếu đem áp dụng câu này vào đường đạo, thì đi trên đường đạo cũng không khác gì.

Cái khó trên đường đạo chính là cái Ta cứ ngăn chặn làm cho trễ nải, biếng nhác, sa ngã, đi mãi vẫn không đến “Tu theo nước lớn, rồng bèn thả trôi”. Lục căn, lục trần cứ níu kéo làm chậm bước tiến đạo. Muốn tinh tấn tu hành nhưng bị cái Ngã xen vào chấp ngã dục-lạc. Cái ngã chấp càng bành trướng càng dễ gây đụng chạm với cái ngã của người khác. Người khác cũng bồi bổ cái ngã của họ nên va chạm vào cái ngã của ta.

Ngày xưa có một linh hồn tu luyện nhiều kiếp, đến thiên-đàng gõ cửa Thượng-đế. Thượng-đế hỏi: “Ai đó?” Linh hồn đáp: “Tôi”. Thượng-đế hỏi: “Tôi là ai?” Linh hồn đáp: “Tôi là tôi”. Thượng-đế bảo: “Ở đây không đủ chỗ cho ta và người cùng ở. Người hãy đi nơi khác”.

Linh hồn ấy trở về trần gian, tu luyện thêm một thiên niên nữa, sau đó trở lên trời gõ cửa lại.

Thượng đế hỏi: “Ai đó?” Linh hồn đáp: “Tôi”. Thượng đế hỏi: “Tôi là ai?” Linh hồn đáp: “Tôi là Ngài”. Liên khi ấy thượng đế mở cửa cho vào.

Câu chuyện cho thấy, một ngàn năm trước, tôi là tôi, còn chấp ngã, không vào nhà Trời được. Một ngàn năm sau, tôi là Ngài mới vào được vì hết ngã chấp, vì ta với mình tuy hai mà một.

Trong Kinh Đại Niết Bàn, Đức Phật dạy: “Ai còn tham luyến (tức còn ngã ái chấp đây là của tôi, ngã mạn chấp đây là tôi, ngã kiến chấp đây là tự-ngã của tôi) thời có dao động. Ai không tham luyến thời không dao động. Ai không dao động thời được khinh-an. Ai được khinh an thời không thiên chấp. Ai không thiên chấp thời không có đến và đi. Ai không có đến và đi thời không có diệt và sanh. Ai không có diệt và sanh thời không có đời này và đời sau, không có giữa hai đời. Đây là đoạn tận khổ đau”.

Con người vì không nhận rõ được sự thật, không biết sự giả hợp của ngũ uẩn tạo thành tám thân của mình từ khi mở mắt chào đời với cái tên gọi, cùng nhận thức sai lầm về cái “Ta” đã tạo thành một ngộ nhận về sự hiện hữu và giá trị của con người. Tính “Chấp thật” và lòng ích kỷ hình thành từ đó, là giềng mối của biết bao thống khổ suốt kiếp người. Mộng ảo về cái “Ta” và cái “Của Ta” đã gây ra biết bao tội lỗi, hận thù giữa cá nhân, tập thể cho đến xảy ra chiến tranh giữa các quốc gia.

Không có “Ta”, đều là “Vô ngã”. Chúng ta mang một tám thân mà bản chất của nó không thật là mong manh biến đổi không ngừng. Khi cái “Ta” không còn nữa thì dục vọng còn bám víu vào đâu để tham muốn có

cái “Ta” riêng biệt. Khi mà “Nhân-ngã, ngã-nhân đừng cách biệt”, mình và người bình đẳng thì sự ích kỷ không còn nữa, chủ nghĩa cá nhân bị xóa nhòa, nhân loại xích lại gần nhau với lòng bao dung và vị tha. Không còn phân biệt nhân ngã, con người sẽ giao hòa trong biển sống không bờ lũy, cùng nắm tay nhau xây đắp một nền hòa bình lâu dài an lạc, hạnh phúc chân thật ngay trên hành tinh này.

Đạo lý vô ngã của nhà Phật là động cơ thúc đẩy con người với lòng từ-bi, trí-tuệ và dũng tiến trên con đường phụng sự nhân loại, như ước mơ của Đức Huỳnh Giáo Chủ đạo Phật Giáo Hòa Hảo:

Ước mơ thế giới lân Hòa Hảo
Nhà Phật con Tiên hé miệng cười

Ước mơ cho được đại đồng
Trần trề khắp cả, Lạc Hồng thanh thoi

Biết làm sao gieo Đạo khắp đại đồng
Đưa nhân loại đi vào vòng hạnh phúc.

Cái ước mơ rất ráo của Ngài cho nhân loại chúng sanh với cứu cánh là giải thoát:

Ước trăm họ nhẹ mình có cánh
Đông bay về Cực-Lạc một đàn

3. Giác mê:

Như chúng ta đã biết, những hành động do tâm tham lam, những lời nói do tâm sân hận, những ý nghĩ do tâm si mê thúc đẩy, đã tạo ra không biết bao nhiêu tội lỗi, nghiệp báo, xô đẩy con người vào biển khổ, sông mê, trầm luân sinh tử không biết bao nhiêu kiếp mà không thoát ra được. Vì thế chư Phật, chư Bồ-Tát, chư hiền Thánh xuất hiện trên đời để giúp chúng sanh biết rằng họ đang sống trong mê, sống trong điên đảo, sống trong mộng tưởng cho đến khi sắp nhắm mắt lìa đời mà con đường phía trước vẫn mịt mịt mờ mờ không biết sẽ đi về đâu rồi đâm ra hoảng sợ thì đã muộn. Đức Huỳnh Giáo Chủ có lời chỉ giáo chúng sanh trong thời mạt kiếp này

*Đời Hạ-Ngươn nhiều người hung dữ
Nên xảy ra lắm sự tai ương
Đức Di Đà xem thấy xót thương
Sai chư Phật xuống miền dương thế
Tu kíp kíp nếu không quá trễ
Chùng đối đầu khó kiếm Diên Khùng
Cứu lương hiền chẳng cứu người hung
Kẻ gian ác đến sau tiêu diệt.*

*Phật, Tiên, Thánh cùng nhau xuống thế
Cứu bá-tánh không cần lễ mễ
Để dắt dìu đạo lý rành đường*

*Thần, Thánh, Phật, Tiên xuống kêu gào
Dương gian mau tỉnh trong tràng mộng*

Tìm kiếm nơi nào đạo cao siêu

*Trần-thế lợi danh giấc mộng tràng
Đời cùng Tiên, Phật hạ phàm gian
Hỏi ai tâm trí mau tâm Đạo
Tâm đáng hiền từ cứu thế gian.*

Đang sống trong cơn mê, con người được sống trên trái đất này đều không biết mình từ đâu đến đây. Đến để làm gì, rồi sau khi từ giả cõi đời sẽ đi về đâu? May thay, chúng ta có Tôn-Sư là Đức Huỳnh Giáo Chủ chỉ cho chúng ta lộ trình trở về nguồn cội:

*Cũng gốc Ngài Thượng đế xuống trần
Quày đầu nghe tiếng chuông ngân
Trở về nơi cũ cho gân Phật Tiên
Thấy sanh chúng quá ghiền cảnh tục
Nên nhiều lần giục thúc muôn dân
Bạch trình giữ lấy nghĩa nhân
Muốn về cõi Phật lập thân cõi trần*

Con người chỉ biết đời hiện tại, mấy mươi năm sống ở thế gian này quả là dài lắm, tưởng chừng như mọi việc đều thường tồn như vậy mãi không hề thay đổi. Đến khi tuổi già xế bóng, nhìn lại cuộc đời chỉ là giấc mơ, chỉ là cơn mê.

Trong cơn mê, khi gặp hoạn nạn, khổ đau, con người cầu mong cho tai qua nạn khỏi mau chóng. Khi được an ổn sung sướng, con người ước mong cuộc đời sẽ được y như vậy mãi mãi. Khi gặp bất trắc xảy ra bất thường, bất

như ý cho mình, mất mát về vật chất hay tinh thần, như mất nhà, mất xe, buôn bán thua lỗ, mất việc làm, mất người thân, rồi đưa đến quản trí, như lời Đức Huỳnh Giáo Chủ:

*Câu chẳng thành những việc thích ham
Người trên đời ai cũng lòng tham
Muốn phước thọ, phẩm, hàm, tiền của
Nào vợ đẹp, hầu xinh, là lụa
Không được thì bực tức ưu phiền
Cả tâm hồn điêu đứng đảo điên.*

Hay:

*Người mình thương bỗng lại chia lìa
Khi khóc than nước mắt đầm đìa
Lúc trông nhớ ruột tầm chua xót
Ở thế gian mấy ai thoát lọt
Nợ gia đình đeo đấm cắn duyên
Con nguy nghèo thân thể truân chuyên
Kẻ lưu lạc người chờ trông mãi
Cuộc tan-hiệp, hiệp-tan ân-ái
Đến xong đời để lại sầu-uu.*

Người ta không hiểu rằng cuộc đời chỉ là một mắc xích trong chuỗi dài sanh tử luân hồi nhiều đời, nhiều kiếp. Đời người chỉ là ở trong vòng biến chuyển không ngừng, hết cơn bĩ cực tới hồi thái lai, trăng tròn lại khuyết, bèo tan rồi hợp, hoa nở rồi tàn. Không có gì tồn tại vĩnh viễn trong cõi đời này, không có gì kéo dài vĩnh cửu, xuân sinh, hạ trưởng, thu liễm, đông tàn. Mùa xuân

đâu có chiếm lấy vài tháng của mùa hạ để kéo dài thêm đời sống cho nó, mà sao con người cứ muốn kéo dài tuổi xuân của mình mãi mãi. Phải chăng là mê đắm, tham dục là đi ngược thiên nhiên. Mọi vật thể cứ thay đổi từng sát-na liên tục từng giây, từng phút. Nhìn lại thân ta, nay trẻ mai già, nay khỏe mai bệnh, nay còn mai mất. Tâm tính cũng luôn đổi thay, nay vui mai buồn, nay thiện mai ác, nay ác mai thiện, nay tịnh mai động v.v.

Trong cơn mê, con người làm những việc bất thiện dễ dàng như dùng hành động thô bạo, phát ra lời nói hung ác. Chỉ khi nào con người biết thức tỉnh vượt qua cơn mê thì mới biết tại sao mình phải làm các việc từ thiện, tránh làm các việc có lợi cho mình mà gây tai hại cho kẻ khác.

Trong cơn mê, con người không biết lửa thời gian đang thiêu đốt thân tứ đại của chúng ta từng giây, từng phút, từng giờ mà cứ tưởng nó thường tồn mãi mãi cứ đắm say ngũ dục lạc. Lửa tham lam, lửa sân hận, lửa mê si cũng đang thiêu đốt qua từng cơn mê.

Trong cơn mê, con người không biết mình đang ở trong căn nhà lửa. Đó là thế giới hiện tại, thế giới đầy sức cám dỗ nào là tiền tài, danh vọng, sắc đẹp, ăn, ngủ, nghỉ. Con người sống trong đó luôn mơ ước trẻ mãi không già, thích khen thưởng, thích tiếng tăm. Trái lại nếu có ai làm phật ý thì đâm ra bực tức, ưu phiền.

Để thỏa mãn ngũ dục lạc, trong cơn mê con người bất chấp mọi thủ đoạn để chiếm đoạt dù phải dẫm đạp lên người khác mà đi. Con người tạo ra biết bao là tội nghiệp để rồi phải trả quả báo sau này, vì trong cơn mê tâm trí mê mờ không nhận rõ điều hư thật.

Trong cơn mê, con người lầm tưởng thân tứ đại là của mình, nên phải lo cung phụng cho nó đầy đủ, ăn ngon mặc đẹp, được sung sướng. Bởi vậy nên có ai động đến thân này thì cảm thấy đau khổ, cảm thấy chạm tự ái, cho nên tìm cách trả thù dù mười năm sau chưa muộn. Cho đến lúc thân này thở hơi ra mà không còn khả năng hít vào hơi khác thì con người mới thức tỉnh, thân tứ đại phải trở về với cát bụi. Biết được thân này không phải là của mình thì đã quá muộn. Tạo nhiều tội nghiệp phải đền trả, như lời Đức Huỳnh Giáo Chủ:

*Nhắm mắt cũng nắm hai tay
Đâu đem tiền của đem rày hầu non
Chỉ có tội phước hồi còn
Đến nơi thăm phán cửa sơn Diêm-Đài
Phước nhiều tiên cảnh lên rày
Tội nhiều sa đọa nhiều ngày thăm thê
Chừng ấy mới biết chĩnh ghê
Ăn năn chẳng kịp khó bề tính toan*

Cho nên Đức Huỳnh Giáo Chủ chỉ dạy:

*Phải rán tu đặng mà chết
Chớ đờng để chết đến mà chẳng có tu*

Trong cơn mê, con người tưởng cái tâm nghĩ lãng xãng của mình là thật của mình, nên khi tâm tham nổi lên, con người liền theo để thỏa mãn lòng tham, khi tâm sân nổi lên, con người liền theo bắt chấp nghĩa nhân để thỏa mãn lòng sân, khi tâm si nổi lên, con người liền theo bắt chấp thị phi để thỏa mãn lòng si mê. Khi ba tâm tham, sân, si nổi lên thì tạo ra nghiệp quả không lường, bị vọng tâm điều khiển mà quên đi cái tâm thanh tịnh của mình có sẵn từ lâu “Người mới sanh tánh thiện Trời dành”.

Trong cơn mê, con người hay thù người hận đời với những điều trái ý nghịch lòng, ít khi tự xét mình “Bắt lỗi người phải xét lỗi mình. Vậy mới là phải bậc công bình”. Cứ nghĩ tất cả đều do lỗi của người khác, lỗi của ai đâu, tại người này, tại người kia, không phải do mình, thậm chí còn dám nói: Tại ông Trời! Hai chữ “Tại”, “Bị” làm cho con người nhu nhược, thiếu can đảm nhận lấy trách nhiệm của mình khi có sự việc xảy ra.

Cái kết quả của một sự việc hiện tại, không phải do ngẫu nhiên mà phải có nguyên nhân hay nói rõ là nhân quả. Chẳng hạn như có một tai nạn xảy ra, người ta hay tức giận kẻ đã gây ra cho mình, gây nhiều phiền toái cho mình, gây ra thương tích cho mình. Vì không rõ hiểu gặp tai nạn là do phước báo kém, đã gieo nghiệp nhân không tốt trong kiếp trước hay kiếp này. Kiếp trước có làm gì không tốt, con người chưa tu chứng nên không biết, còn kiếp này có tai nạn xảy ra cũng là do con người có phần bất cẩn. Nếu không có nghiệp xấu thì không thể có quả

xấu tự nhiên được. Ta hãy tự suy nghĩ, tại sao không xây ra cho kẻ khác mà lại xây ra cho mình.

Thuở xưa có hai vị thiền sư đi qua sông, gặp một chiếc thuyền đang lưới cá. Một mẻ lưới đầy cá được kéo lên thuyền. Hai vị thiền sư này thấy có một con cá hết sức vùng vẫy nhảy thoát ra khỏi lưới, rớt trở lại sông, bơi lội tung tăng vì đã thoát nạn. Vị thiền sư thứ nhất nói: Con cá này giỏi thật, phóng một cái là thoát ra khỏi lưới. Vị thiền sư thứ hai bèn nói: Nếu con cá giỏi thật, sao lại để bị mắc lưới?

Xét về con người, chúng ta suy ngẫm có phải con người bị lưới ngũ dục lạc vây chặt mà có mấy ai thoát lọt đâu. Con người vùng vẫy trong màn lưới vô minh mê mờ đó từ khi còn bé cho đến lúc trưởng thành mà cảm thấy thỏa thích vô cùng. Đến khi tuổi già sức yếu, nhiều người vẫn chưa có phước duyên thức tỉnh, vẫn bơi lội vùng vẫy trong lưới mê tiền tài, danh vọng cho đến hơi thở cuối cùng. Nếu như “Ai mà muốn đăng phước duyên. Nghe lời khuyên thiện lòng liền phát tâm”, thức tỉnh, giác ngộ, hết sức cố gắng nhảy ra khỏi lưới. Nếu công phu còn kém chưa ra được, chớ thôi chí ngã lòng rán lo tu tâm dưỡng tánh, có ngã xuống cũng cố đứng dậy cho đến khi nào được giải thoát mới thôi. Được giải thoát là lúc thoát được khỏi lưới, qua cơn mê, đến bờ giác ngộ. Đức Huỳnh Giáo Chủ dạy:

*Tu cầu Phật hóa tánh tình
Lưới mê chẳng buộc nhẹ mình tiêu dao.*

Trong cơn mê, khi con người thấy được cảnh đời vô thường như người thân qua đời, chợt thức tỉnh hiểu rằng cuộc đời vui ít khổ nhiều, nhận ra cuộc đời ngắn ngủi, không lâu dài như người ta thường mộng tưởng, mình cũng có thể ra đi bất cứ lúc nào. Từ đó con người quay đầu hướng thiện, xa lánh những cuộc vui giả tạm, tìm nơi thanh tịnh, gặp thiện tri thức, gặp được chánh pháp “Tu cho rõ mỗi huyền thâm. Qui đầu Phật pháp khỏi lâm tai nạn”, bắt đầu tu tâm dưỡng tánh, cuối cùng qua cơn mê, tìm về cõi giác muôn đời.

Con người thường hay nằm mơ. Giấc mơ có thể là giấc mơ đẹp, cũng có thể là cơn ác mộng, hãi hùng. Trong cơn mơ chuyện gì xảy ra mình đều cho là thật. Hiện nay chúng ta đang sống trong cơn mê, đang sống trong điên đảo mộng tưởng mà nếu có người làm thức tỉnh mình thì thật là tuyệt diệu. Người này cũng có thể là người ơn, giúp mình hiểu được đạo lý, chỉ mình đường lối tu hành. Người này cũng có thể là người nghịch thù với mình, luôn luôn tìm mọi cách hại mình, hết gây chuyện này đến gây chuyện khác.

Hai hạng người trên mà theo kinh sách cũng đều gọi là thiện-hữu-tri-thức. Hạng thứ nhất gọi là người thầy, người bạn tốt tận tâm giúp đỡ mình tu học bằng mọi phương cách, chuyên tạo thuận cảnh, được gọi là Bồ-Tát thuận hạnh. Hạng thứ hai ví như vị giám khảo sát hạch chúng ta, xem việc tu học của chúng ta có tiến bộ không và được vào học trình nào trong công phu tu tập, gọi là

Bồ-Tát nghịch hạnh, chuyên tạo nghịch cảnh, giúp đỡ người tu học tiến bộ nhanh hơn.

Để làm sáng tỏ ý nghĩa Bồ-Tát nghịch hạnh, chúng tôi xin nêu ra đây “Mười điều tâm niệm” trong kinh Phật:

1. Nghĩ đến thân thể thì đừng cầu không bệnh khổ, vì không bệnh khổ thì dục vọng dễ sanh.

2. Ở đời đừng cầu không hoạn nạn, vì không hoạn nạn thì kiêu sa nổi dậy.

3. Cứu xét tâm tánh thì đừng cầu không khúc mắc, vì không khúc mắc thì sở học không thấu đáo.

4. Xây dựng đạo hạnh thì đừng cầu không bị ma-chướng, vì không bị ma-chướng thì chí nguyện không kiên cường.

5. Việc làm đừng mong dễ thành, vì dễ thành thì lòng khinh thường kiêu ngạo.

6. Giao tiếp đừng cầu lợi mình, vì lợi mình thì mất đạo nghĩa.

7. Với người thì đừng mong tất cả đều thuận ý mình, vì được thuận theo ý mình thì lòng tất kiêu căng.

8. Thi ân thì đừng cầu đền đáp, vì cầu đền đáp là thi ân có ý mưu đồ.

9. Thấy lợi đừng nhúng vào, vì nhúng vào thì si mê phải động.

10. Oan ức không cần biện bạch, vì biện bạch thì nhân quả chưa xả.

Giác mộng hay giấc chiêm bao là những ảo tưởng không có thật, cho nên trong giáo lý của Đức Huỳnh Giáo Chủ, Ngài thường “Thức tỉnh chúng sanh mới tỏ bày”, khuyên “Đừng hoài tưởng chuyện đâu đâu”, xem lợi danh là cái bóng, chớp nhoáng như luồng gió “Thấy đó rồi đâu bỗng mất liền”. Ngài nói:

Chiêm bao cuộc thế chẳng thường còn

Hay:

Giác mộng Nam-Kha chốn thế trần

Bồi hồi chợt tỉnh Nam-Kha

Đường danh nẻo lợi xem ra ích gì.

Xin kể chuyện tích về giấc Nam-Kha: Trong “Nam Kha Ký Thuật” đời Đường ở Trung-Hoa có ghi về Thuận Vu phần nằm mộng thấy hấn đến nước Hòe-An. Thuận được vua Hòe-An gả con gái, cho làm phò-mã và đưa ra quận Nam-Kha làm quan thái-thú, cai trị cả một vùng to lớn.

Vợ chồng Thuận sống đời vương giả sung sướng, bỗng có giấc kéo đến vây quận Nam-Kha. Thuận đem

quân chống cự, giặc đông mạnh, Thuần thua chạy. Quân giặc vây đánh phá thành, vợ của Thuần bị chết.

Thuần đem toàn quân về tâu lại vua cha. Nhà vua nghi ngờ Thuần đầu hàng giặc, nên tước hết phẩm hàm, đuid về làm thường dân. Thuần bị oan ức, tủi nhục, khóc lóc bi thương... Vừa lúc ấy Thuần tỉnh giấc thấy mình đang nằm dưới góc cây hòe cạnh có một ổ kiến lớn.

Lại cũng có sách ghi rằng: Đồi Đường có một nhỏ sinh họ Lữ đi thi không đậu. Trở về, dọc đường vừa buồn vừa đói, nên ghé vào một ngôi chùa nhỏ bên cạnh khu rừng, xin đỡ lòng. Chùa nghèo, nhà sư nấu kê (một thứ ngũ-cốc, hột nhỏ như cát sắc vàng) thay gạo đãi khách.

Vì mệt mỏi, nên họ Lữ nằm một lúc rồi ngủ thiếp đi. Trong giấc ngủ hấn mộng thấy mình đã thi đỗ, được làm quan chức cao, nhà vua lại gả công chúa và phong làm phò-mã cho đi trấn nhậm ở một nơi. Thật là vinh hoa phú quý không ai bằng. Nhưng trên đường đi thì bỗng gặp bọn giặc đồ đến đánh. Lữ chống cự không lại, lính hộ vệ bị bọn giặc đồ giết sạch, xe kiệu không còn. Chúng đưa gươm vào cổ vợ chồng Lữ... Lữ hoảng hốt kêu lên một tiếng, giật mình thức dậy mới biết là chiêm bao, mà lúc ấy nôi kê cũng chưa chín.

Với điển tích này, văn nhân, thi sĩ đời sau thường dùng vào văn chương của mình để nói lên mùi phú quý vinh hoa chẳng khác nào giấc mộng.

Tác phẩm “Cung Oán Ngâm Khúc” của Ôn Như Hầu Nguyễn Gia Thiệu có câu:

*Giác Nam-Kha khéo bất bình
Bừng con mắt dậy thấy mình tay không*

Hay trong bài “Lạc Đường” của nhà thơ Trần Tế Xương cũng có câu:

Giác Nam-Kha khéo chập chờn

Đức Huỳnh Giáo Chủ thuyết sau cơn mê:

*Một giấc mơ màng, một giấc say
Tỉnh hồn mới biết cuộc trần-ai
Trần ai rày đã xa phiền lụy*

*Rán bước qua truông kẻ nữa hoài
Nợ thế âu toan tròn nợ thế
Đường tu sớm liệu vẹn đường tu.*

Con Người đã từng ngụp lặn trong biển mê, giờ có nhiều phước duyên gặp được minh-sư, gặp được chánh pháp, như người đang chết đuối gặp được cái phao, giật mình thức tỉnh mới thấy rằng cả đời mình phí phạm trong cơn mê.

Nay tìm ra đường đạo để đi vì bấy lâu nay “Đường đời chật hẹp người chen chúc. Nẻo đạo thênh thang ít kẻ tầm”, quyết tâm tu tâm dưỡng tánh, tìm phương giải thoát khỏi sự trói buộc của dục lạc thế gian để có cuộc sống an

lạc và hạnh phúc. Sau cơn mê, con người được khinh an, không còn sống phập phồng lo âu, sợ hãi, không còn tâm tham, sân, si nữa, lìa xa khỏi mộng tưởng điên đảo.

Sau cơn mê, con người sống với tâm từ, bi, hỷ, xả, cảm thấy chúng sanh đau khổ cũng như mình đau khổ không khác, không còn suy nghĩ về lỗi lầm của người khác, không quan tâm đến quá khứ của người khác, luôn luôn quán xét lại tâm mình, xem những gì mình đang nói, những gì mình đang làm và đang nghĩ mà thôi.

Chúng ta hãy đọc kỹ và hiểu tường tận ý nghĩa mười bài thi liên-hoàn viết theo thể thơ thất ngôn bát cú với đề bài “Tình Bạn Trần Gian” là tình người trong giấc mộng của Đức Huỳnh Giáo Chủ là những diệu lý về “Nhân sinh quan” trong đời người, để từ đó chúng ta có cái nhìn đúng thật, làm nền tảng cho bước tiến tu của chúng ta:

*Nghiệp chương lãng loạn hại xác thân
Chuông lành buông tiếng vọng bon ngân
Cương thường gánh nặng trai gìn trọn
Tơ tóc vai quần gái vện phân
Nợ nước văn chương toan báo đáp
Ơn nhà đạo đức, quyết đền ân
Khuyên người trí-sĩ mau mau tỉnh
Giấc mộng Nam-Kha chốn thế trần.*

*Thế trần tạm giả gạt đời ta
Lướt khỏi sông mê khỏi ái hà,
Nhân-ngã, ngã-nhân đừng cách biệt*

Sắc không, không sắc chớ lìa xa
Diệu huyền chân lý noi đường sáng
Ảo thuật tà tâm kiếm nẻo ra
Lóng lánh gương xưa lời Phật dạy
Hồng trần ái dục giết tài hoa.

Tài-hoa cho lắm, lắm nản tai
Truy-lạc phong-trần chốn gốc gai
Nếu đã tỉnh tâm tâm lẽ thẳng
Cũng nên rèn tánh gặp đàng ngay
Sân-si phỏng có điều thêm bận
Nhãn nhin ắt không chuyện kéo dài
Tiếng gọi hồn mê hồn được giác
Phải toan sắm sửa rút trần ai.

Trần-ai chỉ có thú phong lưu
Tranh đấu thành ra mãi oán cừu
Chung cuộc chỉ mang câu thất vọng
Xong đời ghi chất mối sầu ru
Cổ kim máy tạo nhiều huyền bí
Lão ấu xoay vần lắm mẹo mưu
Cũng chẳng cướp xong quyền võ trụ
Mà còn đeo đấm thú phong lưu.

Phong-lưu nào phải gọi người ngoan
Sa ngã biến nên kẻ khốn nàn
Ngày đến, đến đi đâu kéo ngược
Năm về, về mãi chẳng ngừng ngang
Tuổi già thân yếu đa sầu cảm
Tóc bạc mình ve lắm rộn ràng

*Biết được trần gian là mộng huyễn
Tử thân sửa soạn kéo vào quan.*

*Kéo vào quan quách biết bao người
Cảnh sống sum vầy phỏng mấy mươi?
Lắm lúc đua chen vui lẫn giận
Nhiều khi vùi vũng vầy khóc pha cười*

*Tuồng đời chuốt ngót cho xong tiếng
Cuộc thế trau dồi mượn tác hơi
Nín thở nằm ngay không cựa quậy
Xót thương con trẻ khóc đôi lời.*

*Đôi lời kể lại nổi hàn huyên
Ma lớn chạy to phí lắm tiền
Trưởng vậy xác thân đa hạnh phúc
Nào hay hồn phách lắm oan khiên
Thiên đường siêu thoát thời thông thả
Địa ngục trầm luân ắt đảo điên
Nên chọn một nơi thanh tịnh ấy
Rút trần bất nhiễm mới là yên.*

*Mới là yên ổn lánh trần gian
Chỉ nguyện tiêu điều cảnh Phật-đàng
Diệu pháp chuyển thân vô sự thế
Huyền thông hóa kiếp chẳng lo toan
Tâm linh mắt thánh xem ba cõi
Tánh hiển tai thân lóng bốn phang
Phổ tế chúng sanh qua bể khổ
Di-Đà miệng niệm lánh trần gian.*

*Trần gian khói lửa với binh đao
Chư Phật sớm bày phép hiển linh
Cứu khổ nam-mô vô lượng phước
Diệt nàn tu-rị hữu thiên kinh
Sóng sao, dương thế nhiều cay đắng
Gió cuốn trần gian nổi bất bình
Tín-nữ thiện-nam gìn mỗi đạo
Dầu cho lẫn lóc rán kiên trinh.*

*Kiên-trinh mà chịu lúc nàn tai
Dẫu có gian nan dạ chớ nài
Vàng đá bao phen con nước lửa
Chì thau lắm chuyện lúc non hài
Bền gan chờ đợi ngày sum hiệp
Gắng chí trông mong bữa tiệc khai
Thiên địa tuàn-hườn gom một mối
Phàm trần vẹn kiếp kiến Bồng-Lai.*

Sau con mê, con người không còn nghĩ chuyện đầu đầu, không còn tâm tham lam dụ dỗ, tâm sân hận xui khiến, tâm si-mê lôi kéo, vì đã thức tỉnh, đã có trí-tuệ bát-nhã, an trú trong chánh pháp, nhận rõ lời của Đức Phật: Tất cả sự vật là vô thường, chúng sanh là vô-ngã, thân thể là bất tịnh, đã nhìn muôn vật đúng thực tướng của nó, không còn mơ mộng viễn vọng, không còn mộng tưởng. Sau con mê, con người biết tại sao ta phải tu tâm dưỡng tánh, tại sao ta phải nhẫn nhịn, tại sao ta phải từ bi hỉ xả. Bây giờ chỉ có sự bình yên trong tâm hồn là quý hơn cả.

Sống trong an lạc hạnh phúc, được giác ngộ, giải thoát là mục đích của người tu theo đạo Phật. Mặc dù trong cuộc sống hằng ngày cùng với mọi người vẫn còn gặp những điều bất trắc, cảnh ngộ bất như ý, nhưng qua cơn mê, con người vẫn an nhiên tự tại.

Muôn được cảnh giới thanh tịnh con người phải thật sự kiên trì dũng mãnh, cắt đứt mọi cám dỗ của cuộc đời, sống với tâm hiền lương, khiêm tốn, nhẫn nhục, thực hành hạnh từ bi hỉ xả, cố gắng giúp đỡ tất cả chúng sanh sống chung quanh mình đều được thức tỉnh, giác ngộ quay về với chánh đạo.

Đức Huỳnh Giáo Chủ thuyết khi tu tịnh:

*Tĩnh giác mơ màng cảnh mộng hoa
Tĩnh lòng lê thứ chữ nhân hòa
Tĩnh thân tâm đạo xa trần tục
Tĩnh chuyện gần xa tiếng thiết tha*

Câu chuyện về một ông trưởng giả có bốn bà vợ. Trong bốn bà vợ, ông thương nhất là cô vợ bé, nên đi đâu ông cũng dẫn theo, không bao giờ thiếu vắng. Ông cũng thương bà vợ thứ ba nhiều lắm, đi đâu ông cũng thường dẫn theo, tuy nhiên cũng có lúc quên. Ông cũng thương bà vợ thứ hai, nên thỉnh thoảng có nhớ đến, ông đem ra khoe cho vui. Ông dường như quên hẳn người vợ cả, một thời ôm ấp, mặn nồng xưa kia. Suốt ngày ông chỉ bận bịu với ba bà vợ kia mà thôi. Đến khi sắp theo ông bà về bên kia thế giới, nằm trên giường bệnh, ông bèn

gọi các bà vợ đến và hỏi xem coi có bà nào muốn đi theo ông hay không? Lần lượt các bà vợ trả lời:

Cô vợ bé trả lời: Dù khi còn sống, ông cung chiều tôi hết mức, chăm lo ngày cũng như đêm, không thiếu thứ gì. Nhưng ông có ra đi thì ra đi một mình. Khi ông hết thở, tôi sẽ bỏ ông tức khắc, không thể đi theo ông được đâu. Bà vợ thứ ba trả lời: Khi ông hết thở, tôi phải qua tay người khác, không thể nào tránh được đâu. Tôi không muốn cũng không được. Bà vợ thứ hai trả lời: Tôi sẽ theo ông tới nắm mồ thôi, không thể theo xa hơn được, không thể nào theo ông mãi mãi được đâu. Ông đi một mình đi. Tới phiên bà vợ cả, bà từ tốn trả lời: Ông đừng lo dù ông có quan tâm đến tôi hay không, dù ông có muốn hay không, đã là vợ, chồng với nhau, lúc nào, đời nào, kiếp nào, ông đi đến đâu, tôi sẽ theo ông tới đó, như bóng với hình vậy.

Câu chuyện trên đây có ngụ ý rằng: Khi ông trưởng giả hết thở ra đi, trước nhất ông bỏ lại cô vợ bé, chính là cái thân tứ đại mà lúc nào ông cũng mang theo khi ông còn sống. Kế đến, ông bỏ lại bà vợ thứ ba, chính là tiền bạc, của cải, phải sang tay người khác ngay. Bà vợ thứ hai chính là danh vọng, chức tước chỉ có thể theo ông tới nắm mồ, được nhắc lại trong điều văn của bằng hữu và được khắc lên mộ bia của ông mà thôi. Còn bà vợ cả chính là “Nghịệp báo” do ông trưởng giả hành động, nói năng, suy nghĩ từ thân, khẩu, ý của ông khi còn sanh tiền, sẽ theo ông mãi mãi và dẫn dắt ông tái sanh vào cõi lành hay cõi dữ tùy theo ông trưởng giả khi còn sanh tiền có

làm điều lành hay điều dữ. Tự ông làm, ông hưởng, tự ông làm ông gánh chịu mà thôi, chớ không có đấng nào, thần nào cứu rỗi hay trừng phạt ông trưởng giả cả.

Khi còn sanh tiền, con người chỉ biết săn sóc, cung phụng thân tứ đại cho đầy đủ, sung sướng. Lo kiếm nhiều tiền bạc, dùng tiền để mua chút danh vị, dù chỉ là hão danh cũng được, chớ ít có ai quan tâm nhiều đến “Nghệp quả”, ít có ai biết lo tu tâm dưỡng tánh, lo dừng nghiệp, và chuyển nghiệp, lo tu nhân tích-đức, làm việc phước thiện để dành phước báu về sau.

Chúng ta hãy đọc và suy ngẫm bài thơ sau đây về cuộc đời tựa đề “Tĩnh Thế Văn” trong Kinh Cứu Khổ:

Cuộc trần thế khuyên ai hãy gẫm
Danh mà chi lợi lắm mà chi
Bã công danh như bọt nước chẳng ra gì
Mùi phú quý như vàng mây tan hiệp
Sang cho mấy cũng thì một kiếp
Giàu đến đâu cũng hưởng một đời
Cái tuổi sanh đeo đuôi kiếp con người
Thân tứ đại có lấy đâu mà làm chắc
Kìa sanh tử thấy liền trước mắt
Đám cô phần đa thị thiếu niên thân
Cái thân này là cái giả thân
Nay còn đó mai đâu chắc được
Thêm nổi bệnh nổi già thất phước
Sống trên đời sống được bao lâu
Mới mài xanh kế đã bạc đầu

Rồi lại đến quan khâu một năm
Ôi tam khôn khi tại thiên ban dụng
Nhứt đáng vô thường vạn sự ưu
Muôn việc đều mang lấy tác hơi
Hơi vừa dứt cuộc đời cũng dứt
Nào của cải vợ con tài vật
Nhắm mắt rồi nắm lấy tay không
Nghĩa tào kang có kẻ chẳng bền lòng
Đành cái tiết dạ mong chồng khác
Bỏ con dạy mặc đời hành phật
Cái cuộc đời nghĩ thiệt buồn tình
Hết mê danh mê lợi mê tình

Toan mượn thú đà lam phong cảnh
Gẫm cuộc thế vui gì ham tranh cạnh
Thêm gây tình vợ vợ với con con
Thà sớm khuya vui thú nước non
Chiều lại niệm A-Di-Đà Phật
Mong giải thoát tránh xong đường vật chất
Sở luân hồi yểm cự với hành vi
Ở thế gian nhiều tiếng thị phi
Về cửa Phật từ bi hỉ xả
Qua biển khổ mượn thuyền bát-nhã
Rửa bụi trần mượn nước Ma-Ha
Nguyện sau thoát khỏi chôn Ta-Bà
Về Tịnh-Độ vui miền Cực-Lạc

Kệ:

Hay dở đâu nài viết ít câu
Khuyên đời sớm sớm khá hồi đầu
Tu là cội phúc đừng xao lãng
Danh lợi dây oan mượn găng công

Nam-Mô A-Di-Đà Phật

Bay khỏi thế gian này tức là giải thoát tự tại. Nên con người tu hành là để chuyển nghiệp. Chuyển nghiệp xấu thành nghiệp tốt, vô minh ra giác ngộ, trầm luân ra giải thoát. Chuyển cái nghiệp của chúng ta thành cái nghiệp của chư Phật, Thánh, Tiên. Khi chuyển nghiệp được rồi thì chính cái nghiệp đó nâng đỡ chúng ta được an vui, giải thoát.

Để kết thúc, cùng tìm về nơi thanh tịnh cõi lòng bằng bài thi của Đức Huỳnh Giáo Chủ “Muốn Lánh Phồn Hoa”:

Muốn lánh phồn hoa, lánh thị-thành
Tìm nơi non thắm ngõ mai danh
Đợi cơ thiên-địa xây vắn đến
Chờ cuộc phong-lôi đổi vận lành
Sớm húng sương trong cùng vũ trụ
Chiều mong gió mát với trời thanh
Xa nơi đa sự điều cao hạ
Muốn lánh phồn hoa lánh thị-thành

Nam-Mô A-Di-Đà Phật

Ngày 27 tháng 10 năm 2011

